

I THÁNG 9 NĂM 1969

BACH KHOA

T H Ờ I D Ạ I

năm mười ba

LÝ CHÁNH TRUNG ý thức tôn giáo và ý thức dân
tộc : những chiều hướng hòa giải — để giữ niềm tin

CUNG GIỮ NGUYÊN toán số với càn khôn : vật là
số, số là vật — một cạnh đủ phá vỡ một hệ thống *

HOÀNG SỸ QUÝ tìm hiểu đúng ý nghĩa bất bạo
động theo Gandhi . VÕ QUANG YẾN vũ khí hóa

học, vũ khí vi trùng . PHẠM VIỆT CHÂU trầm Việt
trên vùng định mệnh : Mã-lai, trường hợp một phòng

tuyển võ • BIÊN HỒ bão cát • HẠ ĐÌNH THAO
cách ngăn • THỦY TRIỀU từ vùng lửa đạn • PHẠM

NGỌC LƯ' ngôi trường khi khép mắt . ĐÔNG
TRÌNH về một ngôi trường ở Quảng Phước . TỬ TRI

thời sự quốc tế • TỬ DIỆP thời

sự khoa học • TRÀNG THIÊN

THU THỦY thời sự văn nghệ

304





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B A C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 304 ngày 1 - 9 - 1969

LÝ CHÁNH TRUNG ý thức tôn giáo và ý thức dân tộc : những chiều hướng hòa giải để giữ niềm tin...	5
CUNG GIỮ NGUYỄN toán số với cần khôn : vật là số, số là vật ; một cạnh đủ phá vỡ một hệ thống	19
Hoành Sơn HOÀNG SỸ QUY tìm hiểu đúng ý nghĩa Bất-bạo-động theo Gandhi : những nền tảng văn hóa và tôn giáo	29
VÔ QUANG YẾN vũ khí hóa học, vũ khí yì trùng	3
PHẠM VIỆT CHÂU trăm Việt trên vùng định mệnh : Mã-lai trường hợp một phòng tuyến vỡ	43
BIÊN HỒ bão cát (truyện)	41
HẠ ĐÌNH THAO cách ngăn (thơ)	51
THỦY TRIỀU từ vùng lửa đạn (thơ)	53
PHẠM NGỌC LƯU ngôi trường khi khép mắt (truyện)	59
ĐÔNG TRINH về một ngôi trường ở Quảng-Phước (thơ)	61
SINH HOẠT	
TỬ DIỆP thời sự khoa học	69
TRĂNG THIÊN — THU THỦY thời sự văn nghệ	71
TỪ TRÌ thời sự chính trị	73

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

Giá : 30 \$ Công sở : Giá gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

Tình dục (tập 2) nguyên tác La sexualité, tuyển tập tài liệu do Dr. Willy và C. Jamont thu thập, bản dịch của Thế Uyên, Thái độ xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 176 trang gồm 10 bài của 10 tác giả. Giá 150đ.

Đạo là gì? Đạo để làm gì? Vấn đáp sơ lược về Hồng Môn Minh-Đạo do Văn hóa Đại đạo Hồng-môn ấn hành và gửi tặng. Sách dày 32 trang có thân dung Giáo chủ Hồng-môn : Hồng-Tâm Trúc-Lâm-nương.

Lịch sử Hồng môn do Thanh quang Phan văn Ấn biên soạn, Văn hóa Đại đạo Hồng môn ấn hành và soạn giả gửi tặng. Sách dày 128 trang, gồm 5 phần chính, nhiều phần phụ lục và rất nhiều hình ảnh vẽ sinh hoạt của Đạo Hồng môn.

Đại tướng thết chó truyện ngắn Á-dông chọn lọc do Phùng Huy phiên dịch và giới thiệu, cơ sở Phạm Quang Khai xuất bản dịch giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 206 trang, thuộc tủ sách Nam Chi gồm 21 truyện đặc sắc của 18 tác giả Trung hoa, Nhật bản, Ấn độ v.v. Bản đặc biệt. Giá bản thường: 180 đ.

— **Bốn mươi năm «nói láo»** của Vũ Bằng, cơ sở Phạm Quang Khai xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 300 trang, thuộc tủ sách Nam Chi, gồm 5 phần : Báo tếu, Báo đấu tranh, Báo xây dựng, Báo hại, Báo là gì ? kể lại cuộc đời làm báo của tác giả một

cây bút kỳ cựu trong làng văn làng báo V.N, suốt 40 năm qua. Tác phẩm có mấy chục hình hoạt họa các nhân vật trong làng báo của họa sĩ Tạ Ty. Bản đặc biệt. Giá bản thường 260 đ.

— **Tin Văn công giáo số 1** do Quyên Di, Đào Chu, Hoàng Quý, Thanh Tùng trong nhóm Thăng Tiến thực hiện. Mỗi số dày 32 trang khổ 14,5 x 21 gồm những bài nhận định về báo chí về nhà văn công giáo và sinh hoạt văn hóa.

— **Sáng Hóa** đặc san xuất bản tháng 6 và 7/69 gồm những bài biên khảo về Văn nghệ miền Nam và Văn-hóa V.N những sáng tác văn nghệ : truyện và thơ. Tòa soạn và trị sự : 342 ter Lê văn Duyệt Saigon - Bài vở: Nguyễn Phan Nhu. Mỗi số khổ 14.5x21, dày 24 trang. Giá 35 đ.

— **Sử Địa tam cá nguyệt san số 14-15** (tháng 4-9/1969) do một nhóm giáo sư sinh viên Đại học sư phạm chủ trương, nhà sách Khai Trí bảo 1107. Mỗi số dày 256 trang gồm những bài sưu khảo của : Hoàng xuân Hân, Lê thọ Xuân, Nguyễn xuân Thọ, Nguyễn Huy, Phan Khoang Nguyễn Nhã, Lê Hương, Trần anh Tuấn Mai Chương Đức, Bửu Căn, Cẩm Hà... Giá 80 đ.

— **Đối diện số 1 nguyệt san** do L.M Chân Tín chủ nhiệm, Tòa soạn : 38 Kỳ Đồng Saigon "nơi gặp gỡ của tất cả những người thiên chí, bất phân tôn giáo giai cấp, muốn thẳng thắn đối diện với nhau, đối diện với những vấn đề thiết thân .. bằng một cuộc đối thoại cởi mở và đằm tình người" Mỗi số khổ 14x21 dày 128 trang gồm những bài tiểu luận, đàm thoại, bút ký v.v... Giá 40 đ

(Xin xem B.K.T.Đ từ các số 293, 294, 295, 303)

“Giữa những địch thủ rõ rệt nhất của chúng ta đang ần núp những người bạn tiền định, nhưng họ chưa biết chính họ”.

(Thánh Augustin)

Ý-thức tôn-giáo và ý-thức dân-tộc

IV.— NHỮNG CHIỀU HƯỚNG HÒA GIẢI (tiếp theo)

Vấn đề cuối cùng và khó khăn hơn hết là cuộc xung đột giữa tôn giáo — đặc biệt là Thiên Chúa giáo — với các quốc gia cách mạng.

Tại những quốc gia này sự mâu thuẫn giữa dân tộc và tôn giáo có tính cách gay gắt hơn là tại các nước khác, vì như đã thấy (1) Cách mạng đã không tiêu hủy mà trái lại nâng cao ý thức dân tộc. Nhưng cuộc xung đột giữa tôn giáo và cách mạng còn trầm trọng hơn nữa.

Xung đột giữa tôn giáo và cách mạng, chứ không phải giữa hữu thần và vô thần : ở đây có hai vấn đề chứ không phải một.

Hai vấn đề này đã dính chùm nhau và thường được lẫn lộn với nhau vì trong quá khứ, các nhà cách mạng đều là vô thần. Và họ gần như bắt buộc phải chủ trương vô thần vì trong cuộc vận động cách mạng, họ đã phải đương đầu với một quan niệm Thượng-đế cổ lỗ — biện minh gián tiếp cho một trật tự xã hội phi nhân mà họ muốn lật đổ, cũng như với những giáo quyền và

những tập thể giáo dân bảo thủ làm rường cột cho chính cái trật tự xã hội kia. Proudhon, một địch thủ lớn của Marx trong các phong trào lao động thế kỷ 19, là một nhà Cách mạng duy tâm nhưng ông cũng vô thần và đã kích tôn giáo không thua Marx (2). Chủ trương vô thần, lúc ấy, là một thái độ cách mạng và ngược lại một thái độ cách mạng hầu như chỉ có thể là vô thần.

Ngày nay tình thế đã thay đổi nhiều : có những người chủ trương vô thần nhưng chống lại Cách mạng (như Heidegger Camus, Merleau-Ponty) trong khi số người hữu thần đòi hỏi Cách mạng hoặc tham gia tích cực vào các phong

(1) Bách-Khoa số 100.

(2) Xin xem “De la justice dans la Révolution et dans l’Église”, Paris 1854. Trong quyển này ông đã cho thấy cuộc tranh chấp một mặt còn giữa Giáo hội Công giáo, đại diện cho một ý niệm công bằng, siêu việt vĩnh cửu, bất di bất dịch, từ Trời ban xuống với Cách-mạng hiểu như sự phát triển nội tại của ý-niệm công bằng trong lịch sử loài người, và cho rằng tôn giáo và cách mạng không thể sống chung trong một xã hội.

trào cách mạng mỗi ngày một đông hơn (1), mặt khác có một thái độ vô thần thực tiễn (athéisme pratique) càng ngày càng lan rộng trong các « xã hội tiêu thụ » nhưng chẳng mặc một ý nghĩa cách mạng nào mà trái lại, là một chương ngại quan trọng hơn hết cho Cách mạng « và cho cả tôn giáo, vì nó thường bao hàm một nếp sống hưởng thụ, vô thức, buông thả và ích kỷ.

Như vậy không còn có thể nói rằng chủ trương vô thần là cần thiết cho Cách mạng và phải tách rời cuộc xung đột hữu thần — vô thần với cuộc xung đột cách mạng — tôn giáo.

cOo

Sự mâu thuẫn giữa những người tin « có Trời » và những người không tin « có Trời » đã khởi sự từ ngàn xưa, từ khi con người bắt đầu tra hỏi về vũ trụ và về chính mình chứ không chờ đợi sự xuất hiện của các nhà Cách-mạng như sách Ca-vịnh đã viết, mấy ngàn năm trước đây :

« Kẻ điên rồ tự nhủ : Không có Thượng-đế » (2)

Sự mâu thuẫn này sẽ không bao giờ chấm dứt khi nào còn con người và khi nào con người còn tra hỏi về thân phận mình, bởi vì sẽ không bao giờ tìm được một giải đáp hoàn tất cho cuộc tra hỏi đó, không bao giờ có thể chứng minh rằng cái ý nghĩa sau cùng của cuộc đời là một ý nghĩa nội-tại hay siêu việt, rằng có hay không có cái Tuyệt-đối. Mỗi giải đáp chỉ là một cách « đánh cuộc » (pari) mà mỗi người phải làm cho đời mình và mọi người đều có quyền đánh cuộc.

Sự mâu thuẫn nói trên cũng không nên chấm dứt vì nó cần thiết cho sự phát triển của tư tưởng, vì nó bắt buộc mỗi bên phải luôn luôn duyệt xét quan niệm và hành động của mình

Triết gia công giáo Jean Lacroix đã cho thấy tính cách nhân bản tích cực của chủ nghĩa vô thần và vai trò « thanh lọc hóa » (purificateur) của nó đối với những người hữu thần luôn luôn bị cám dỗ hình dung một Thượng-đế theo tầm vóc của họ hoặc tự đặt mình vào chỗ của Thượng đế :

« Sở dĩ tôi có một lòng tri ân sâu đậm đối với những người bạn vô thần của tôi, đó là vì họ đã dạy tôi không được ăn gian nói dối. » (3).

Điều phải làm và nên làm là từ bỏ thái độ lên án, tố cáo lẫn nhau một cách thiếu lương thiện trí thức (hoặc tệ hơn nữa, chém giết khủng bố nhau mỗi khi một phe giành được chánh quyền) hầu có thể biến cuộc xung đột thành một cuộc đối thoại thành thật có lợi cho cả hai bên. Phải nhận rằng, trong chiều hướng đó, Giáo-hội Công giáo đã đi bước đầu tiên và một bước khá dài, khi Tòa Thánh Vatican chánh thức thiết lập một « Văn phòng liên-lạc với những người vô tín ngưỡng » sau Công-đồng Vatican II.

Ngày nay những buổi hội thảo giữa những người hữu thần và vô thần đã trở thành thông thường tại các nước Tây-Âu và thật là thú vị khi thấy cuộc đối thoại giữa người Công giáo và người Mạc-xít — là những người hữu thần và vô thần có tính cách « chiến sĩ » hơn hết — đã tỏ ra dễ dàng hơn là giữa người Công giáo với những kẻ chỉ chủ trương vô thần một cách lý thuyết như một số

(1) Đặc biệt là tại Châu Mỹ La-tinh và các nước Tây Âu.

(2) Livre des Psaumes XIV, 1.

(3) Le sens de l'athéisme contemporain. Paris, Casterman, 1964, tr. 65.

triết gia hiện-sinh. Sau một buổi thuyết trình tại Genève năm 1952, Merleau-Ponty đã nổi sùng trước những câu hỏi dồn dập của những triết gia Công giáo và tuyên bố rằng «chỉ có thể nói chuyện một cách sâu xa và hữu ích giữa những người vô thần mà thôi» (1). Trái lại những cuộc hội thảo giữa người Công giáo và Mác-xít đều có tính cách cởi mở, thẳng thắn và thân mật mặc dầu hai bên vẫn giữ nguyên vẹn lập trường (2). Sự dễ dàng đó không phải chỉ do nơi những lợi ích chánh trị nhứt thời mà người Mác-xít (hoặc người Công giáo) có thể tìm được trong cuộc đối thoại mà, sâu xa hơn, nó còn do nơi những điểm giống nhau giữa hai bên: họ đều là những người có một niềm tin, một lý tưởng và dám hy sinh cho niềm tin, lý tưởng đó, họ đều lạc quan về tương lai của con người, dầu với những lý do khác nhau, và đều tin rằng họ có một sứ mạng cốt yếu trong việc xây dựng tương lai ấy. Cho nên cả hai đều đã kích cái không khí hoài ngại, vô vọng, chán nản, tiết ra từ các triết thuyết hiện sinh.

Nhưng phải nói thêm rằng, cho tới nay, hai bên chỉ đối thoại được với nhau tại những nước có chế độ dân chủ tự do, nghĩa là tại những nơi mà bên này không có thể dùng quyền lực để khóa miệng bên kia. Không thể có đối thoại trong những nước xã-hội chủ-nghĩa cũng như trong những chế độ độc tài do người Công-giáo lãnh đạo như Y-pha-nho và Bồ-đào-Nha.

Cho nên cần phải nhắc lại cho những người Mác-xít và những người Công giáo đang cầm quyền hoặc sẽ cầm quyền, câu nói mỉa mai nhưng đượm nhiều hối tiếc của Nietzsche, về các Linh-mục Công giáo:

« Họ phải cho tôi nghe những bài hát hay hơn, để tôi có thể tin nơi Đấng Cứu-Thế của họ. » (3)

Khi người ta được đọc quyền hát một mình và chắc chắn được vỗ tay thì bài hát ấy sẽ có nhiều may mắn giống những tiếng uểng oang của mấy chú ếch ương một đêm mưa dầm, dầu nó ca ngợi Thượng-đế hay ca ngợi Cách mạng, dầu nó hữu thần hay vô thần.

Người Công-giáo lẫn người Mác-xít đều có khuynh hướng độc tài tư tưởng và đều phải học tập đối thoại và trước hết, đối thoại trong nội bộ của họ (4). Chỉ khi nào họ chấp nhận dứt khoát sự thách đố của tự do trong phạm vi tư tưởng, họ mới có thể hát lên những bài hát hay hơn và khi đó mới có đối thoại thật sự giữa hai bên. Những biến chuyển gần đây trong những nước xã-hội chủ-nghĩa cũng như trong Giáo-hội Công-giáo cho thấy rằng, dầu muốn dầu không, sự nói rộng tự do và chấp nhận đối thoại là một hướng đi tất yếu.

Nhưng cuộc đối thoại giữa hữu thần và vô thần trên bình diện lý thuyết, dầu có hữu ích đến đâu, vẫn trở thành một trò chơi của lý trí hoặc một cách làm dáng trí thức, nếu nó không đưa đến một sự kiểm thảo nghiêm chỉnh của

(1) Merleau-Ponty: «L'homme et l'adversité» trong «Le Connaissance de l'homme au XX^e siècle» Rencontres internationales de Genève, Neuchâtel - Bruxelles 1952

(2) Xem chẳng hạn: «Vues chrétienne et vues Marxistes sur la liberté, fondement du bonheur», Bruxelles 1963.

(1) Ainsi parla Zarathoustra.

(2) Xem lời tuyên bố của đức Giám-mục Huyghe, địa phận Arras, tại Công đồng Vatican II, về vấn đề tự do trong Giáo hội — *Đối diện* số 2, tháng 8, 1969.

mỗi bên về hành động của mình. Người vô thần cho rằng con người phải hủy diệt ý-niệm Thượng-đế mới có thể thành người thật sự, ngược lại đối với kẻ hữu thần, con người chỉ thành người nhờ niềm tin nơi Thượng-đế. Thế nhưng cái con người thực tế của hai bên mặt mũi như thế nào, có hành động phù hợp với quan-niệm của mình chăng? Biết bao người hữu thần đang sống như vô thần và ngược lại! Mỗi bên nên nhìn lại chính mình và nếu thành thật thì sẽ thấy không có gì đáng làm cho họ tự phụ cả!

Những người hữu thần phải tự phê nhiều hơn, vì họ có một lịch sử lâu đời hơn đã có nhiều cơ hội hơn, để thực hiện những gì họ nói. Trong những thế kỷ dài đằng đẳng mà họ đã đóng vai trò chủ động, trong lịch sử, họ đã làm được gì cho con người, họ đã cư xử như thế nào đối với anh em họ, trước mặt những giá trị mà họ cho là siêu việt, trước mặt một Thượng-đế mà họ gọi là Tuyệt-đối? Ở điểm này, có lẽ họ nên noi theo gương của Thánh Augustin khi Ngài ca ngợi những người La-mã « ngoại đạo » đã chấp nhận những hy sinh thật lớn lao để mang lại vinh quang cho quê hương trần gian của họ, dầu là một quê hương phù du và bất toàn, và đã khuyên người Công giáo nên nhìn lại những đức hạnh « ngoại đạo » ấy để ngăn ngừa tánh kiêu căng (1).

Đáng lẽ thái độ khiêm tốn và sẵn sàng tự phê phải là thái độ gần như tự nhiên của người hữu thần bởi lẽ họ tin có một Thượng-đế toàn Thiện và trước mặt cái Toàn Thiện tất cả những cái bất toàn đều bẽ bối ngang nhau như Thánh Phao-lê viết: « Cái chết tràn lan đến

mọi người, vì hết thảy đều phạm tội » (2). Thế nhưng sự tự phê quả thật là khó khăn đối với người hữu thần, không phải trên bình diện cá nhân (ở bình diện này, họ có thể rất khiêm tốn) mà trên *bình diện tập thể*, do cái khuynh hướng tự mãn của ý thức tôn giáo (3). Người Công giáo chẳng hạn có thể nhìn nhận những lỗi lầm của chính họ hoặc của một Linh mục, Giám mục nhưng Giáo-hội nói chung, đối với họ, thì không thể lỗi lầm được: Giáo hội bao giờ cũng là « sancta Ecclesia », Hội Thánh. Lẽ dĩ nhiên, Giáo hội hiểu như một thực tại siêu hình, như là « huyền thể của Đức Ky-tô », thì chỉ có thể là tinh thuần thánh thiện. Nhưng Giáo hội hiểu như một cộng đồng lịch sử trầm mình trong trần gian, với những con người bất toàn phải hành động trong những hoàn cảnh phức tạp, hàm hồ, theo những phán đoán sáng suốt hoặc tối tăm của họ, cái Giáo hội lịch sử đó có phải bao giờ cũng là « vị hiền thể Thánh thiện tinh thuần của Đức Ky-tô? Chẳng lẽ phải xem triều đại của Alexandre Borgia là « thánh thiện »!

Người Công giáo, như là tại Việt nam, không thích nghe ai nói tới những lỗi lầm của Giáo hội trong quá khứ, và những tin đồn có thái độ phê bình thường bị lên án là « làm hại cho Đạo » (3). Đó là một thái độ không mấy khôn ngoan vì không nói tới những lỗi lầm đâu có phải là che dấu hoặc hủy bỏ được chúng. Và càng lấp liếm thì những kẻ thù

(1) De Civitate Dei, liber V, caput XVII.

(2) Epître aux Romains V, 12

(3) Xem Bách-Khoa số 300.

(4) Xem L.M Nguyễn-huy-Lịch: Contestation: Phản chứng là cái gì? để làm gì? trong tạp-chí « Đối diện » số 1, tháng 7-1969.

ngịch Giáo hội càng dễ dàng xuyên tạc phóng đại. Riêng đối với tôi, chính những lỗi lầm của Giáo hội đã làm cho tôi thêm vững niềm tin nơi Giáo hội, bởi vì nếu Giáo hội đã tồn tại và phát triển cho tới ngày nay, mặc dầu những lỗi lầm ấy, để có thể phô bày một khuôn mặt đổi mới, trẻ đẹp trong Công đồng Vatican II, nếu mặc dầu những lỗi lầm ấy, ngày nay vẫn còn không biết bao nhiêu thanh niên thiếu nữ âm thầm lặng lẽ hy sinh cho Giáo hội trên khắp thế giới, thì phải có một sức mạnh siêu nhiên hiện diện bên trong Giáo hội, chứ nếu chỉ có sức người, thì Giáo hội đã sụp đổ từ khuya rồi !

Dầu sao Công-Đồng Vatican II đã mở cửa cho một phong trào phê bình và tự phê trong Giáo hội và mặc dầu những hiểm họa «đi quá đà» của nó, mặc dầu sự chống đối âm ỉ của phe bảo thủ () đó là một bước tiến dứt khoát Giáo hội không thể thoái lui được nữa, mà chỉ có thể tiến cho đúng đường.

Về phía những người vô thần, sự tự phê lại càng khó khăn hơn, bởi vì mặc dầu thời nào cũng có kẻ vô thần, những người vô thần chỉ trở thành một lực lượng đáng kể trong thế kỷ 20 và cũng như mọi lực lượng trẻ, họ có một niềm tin cuồng nhiệt, cố chấp và «chiến sĩ», do đó thái độ tự nhiên của họ là luôn luôn phê bình kẻ khác chứ không bao giờ tự phê bình. Người Cộng sản theo truyền thống Bolchevik lại còn có một quan niệm về Đảng y hệt như quan niệm của Công giáo về Giáo hội: cá nhân người Cộng sản có thể lỗi lầm, nhưng đảng Cộng sản, khi nào nó còn là một đại diện đích thực của giai cấp vô sản, thì không thể lỗi lầm, vì những điều kiện khách quan của lịch sử bắt buộc giai cấp vô

sản hoàn thành sứ mạng của nó mà không bao giờ có thể phản bội sứ mạng ấy (2). Năm 1936, khi kêu gọi người Công giáo Pháp «bắt tay» với người Cộng sản, Maurice Thorez nói :

«Chúng tôi là đảng Cộng-sản vĩ đại, với những cán bộ tận tụy và nghèo nàn, mà tên tuổi chưa hề bị dính líu vào một chuyện xấu xa nào và không thể bị sự thú nát xâm nhập» (3).

Phải đợi đến 20 năm sau, người Cộng sản mới bắt đầu giai đoạn phản tỉnh, với bài phúc trình thời danh của Kroutchev trước Đại hội Đảng Cộng-sản Liên-xô thứ 20. Việc tố cáo công khai những tội ác của Staline đã làm rung chuyển cả thế-giới cộng-sản và mở cửa cho phong trào tự phê. Năm 1966, khi suy nghĩ về thái độ của người Cộng sản trong giai đoạn Staliniêng, Roger Garaudy viết :

« Chúng tôi đã chiến đấu chống (điều mà chúng tôi cho là) sự ác tuyệt đối. Làm sao chúng tôi lại không nghĩ rằng chánh nghĩa của chúng tôi là sự thiện tuyệt đối ? Chúng tôi đã an tọa trong cái lối nhìn phân hai thế-giới đó : một bên là

(1) Tại Việt-nam, chẳng có phê bình hay tự phê gì ráo, trừ một vài bài báo cô đơn, thể mà cái tờ chức gọi là «Đạo binh xanh» (?) cũng cảm thấy có bốn phận làm một cuộc hội thảo và gửi một điện văn cho Đức Giáo hoàng đề bày tỏ lòng trung thành đối với lời dạy của Ngài, trước «những cuộc tranh luận về giáo lý cùng những lời phê-bình xuyên tạc và bất kính đối với Tòa Thánh» (Nội san liên lạc của nhóm Trí Thức Công giáo Pax Romana ngày 1-8-69).

(2) Xem Lý Chánh Trung: «Cách mạng và Đạo đức», Nam Sơn 1967.

(3) Appel radiodiffusé, 1. Avril 1936 trong «Pour l'union : catholiques et communistes», Paris 1936, tr. 6.

tất cả sự xấu và, nhân danh một phạm trù phổ quát về sự suy mạt, chúng tôi đã phủ nhận cho cái thế giới đang thú vị nát ấy mọi khả năng sáng tác một giá trị nhân-bản, dầu là trong phạm vi nghệ thuật ; bên kia là tất cả sự tốt, không sắc thái và không bóng mờ và nhân danh tinh thần đảng phái, chúng tôi đã từ chối mọi khoảng cách cần thiết để phê bình » (1)

Lời tự phê đượm về chân thành này quả là một bước tiến thật lớn, trong cái khuôn khổ tâm linh cứng rắn của người Cộng sản. Ngày nay, các nhà lãnh-tụ Liên-xô đang tìm cách chặn đứng phong trào phê bình tại nước họ cũng như tại các nước xã hội chủ nghĩa khác, điển hình là Tiệp-Khắc. Nhưng họ còn có thể ngăn chặn trong bao lâu nữa, khi mà Liên-xô có 4 triệu sinh viên và khi người dân Liên-xô chỉ cần vặn một cái nút là có thể nghe những tin tức, bình luận của cái đài phát-thanh ngoại quốc ?

Tóm lại, sự biến chuyển của thế giới ngày nay sẽ bắt buộc những người hữu thần và vô thần chấp nhận đối thoại, phê bình, tự phê, và trong tương lai, chắc không ai còn nghĩ rằng hai con người có thể chưởi bới, chém giết nhau chỉ vì một bên tin « có Trời » và một bên không. Sau này, khi học sử, con cháu chúng ta chắc phải thông minh và cố gắng lắm mới hiểu nổi những cuộc đấm đá tung bưng giữa chúng ta ngày nay !...

oOo

Khi vấn đề « hữu thần — vô thần » được tách khỏi cuộc xung đột giữa Cách mạng và tôn giáo, thì còn lại những gì trong cuộc xung đột này đặc biệt là giữa Giáo hội Công giáo và các quốc gia cách mạng?

Còn lại những di sản thật nặng nề của quá khứ, những thành kiến, ngộ nhận, hận thù chôn chắt trong bao năm qua, tạo nên một tình trạng « bế tắc tâm lý » (impasse psychologique) gần như toàn diện trước mọi cố gắng cởi mở của bên này hoặc bên kia. Còn lại sự đương đầu giữa hai tổ chức đều có tính cách tinh vi, chặt chẽ, bao trùm toàn thể đời sống con người, giữa hai ý thức đều có khuynh hướng toàn diện, đàng kín và tự mãn (2).

Không thể trong một sớm một chiều mà vượt qua được những mâu thuẫn mêek mông như vậy.

Nhưng cái gì đã do hoàn cảnh lịch sử tạo nên, cũng sẽ biến đổi theo hoàn cảnh lịch sử, như anh Nguyễn-văn-Trung đã cho thấy trong hai bài báo thật xúc tích về thái độ thù địch giữa người Cộng sản và người Công giáo, trên thế giới cũng như tại Việt-Nam (3) Không có cái gì bất di bất dịch trên trái đất này, đó là một sự thật quá tầm thường nên hay bị chúng ta lãng quên hoặc không muốn nhớ tới, bởi vì thói thường chúng ta không ưa thay đổi mà chỉ muốn « an tọa » trong những thái độ, thành kiến, hận thù quen thuộc của chúng ta. Thay đổi đòi hỏi một cái nhia mới đưa đến những cố gắng sáng tác, thích nghi hóa :

(1) Marxisme au XXe siècle. Paris — La Palatine, 1966. tr. 14.

(2) Bách-Khoa số 30.

(3) Xem tạp chí Đất nước số 3 và số 8. Điều mà tôi không đồng ý với tác giả là khi anh cho rằng, tại Việt-nam, thái độ thù địch nói trên sẽ gây ra nhiều « cơn lốc bạo động », còn mãnh liệt tàn bạo hơn cả cơn lốc Thanh Bô Đức Lợi và phải đợi đến « thể-hệ con cháu của con cháu chúng ta » mới mong có một thay đổi tít ai độ. Chi mà lâu dữ vậy ! Ngay trong thể hệ này, đã có nhiều thay đổi có ý nghĩa rồi, đặc biệt là trong các giới thanh niên trí thức Công giáo.

đồ là điều không những cực nhọc rắc rối mà lại còn nguy hiểm, vì nó va chạm cái thói quen an tọa thoải mái của những người khác. Khi người ta an tọa thì người ta cũng an tâm: còn gì an tâm đối với người Công giáo cho bằng cứ tiếp tục chửi người Cộng sản là bọn « quý đồ », « tam vô »; còn gì an tâm đối với người Cộng sản cho bằng cứ tiếp tục chửi người Công giáo là bọn « tay sai của tư bản, đế quốc »! Thế giới đã « an bài » như vậy, một lần cho hết thảy: chánh tà rõ rệt, sáng tối phân minh, tất cả sự tốt cho bên này, tất cả sự xấu cho bên kia, như Garaudy viết.

Nhưng thế giới chẳng bao giờ « an bài » như chúng ta muốn, dầu chúng ta có bưng tai bịt mắt và xây dựng bao nhiêu vòng đai chung quanh những hận thù, thành kiến, thái độ của chúng ta. Đến một ngày nào đó, sự bế tắc của cuộc xung đột sẽ bắt buộc chúng ta phải đặt lại các vấn đề, tìm một phương thức hòa giải nào đó. Có điều là trong khi chờ đợi, bao nhiêu người phải bị hy sinh một cách oan uổng, bao nhiêu năng lực phải phung phí một cách vô ích.

Cho nên không thể ngồi đợi sự biến đổi của hoàn cảnh lịch sử mà phải thúc đẩy nó biến đổi nhanh, bằng cách rời khỏi thái độ an tọa, vứt bỏ những ám ảnh của quá khứ để nhìn thấy những thực tế và xây dựng tương lai trên những thực tế đó.

Trong chiều hướng này, có những thực tế mỗi ngày thêm hiển hiện mà tôn giáo và cách mạng phải nhìn nhận để thay đổi thái độ đối với nhau.

Thực tế thứ nhất là tôn giáo đã không bị tiêu diệt và không tự tiêu diệt trong

các nước xã-hội chủ-nghĩa và ngay tại Liên-xô, sau 50 năm Cách-mạng, trong khi, theo thu ết Mác-xít, đáng lẽ nó đã bị tiêu diệt rồi, vì những điều kiện kinh-tế xã-hội (sự đàn áp bóc lột và sự ngu dốt) làm nền-tảng cho hiện tượng « vong thân tôn giáo », đã mất đi. Sự kiện này chỉ có thể có hai ý nghĩa: hoặc Liên-xô chưa thiết lập được chế độ xã-hội chủ-nghĩa sau 50 năm Cách-mạng (điều mà không người Mác-xít nào chấp nhận), hoặc tôn giáo không phải chỉ là một « vong thân » bắt nguồn từ những bất công xã hội và sự ngu dốt. Nhưng cho đến nay, người Mác-xít vẫn từ chối cả hai ý nghĩa ấy, bằng cách xếp tôn giáo vào cùng một loại với những « di tích của chế độ tư bản trong ý thức con người » và giải thích rằng những di tích này còn tồn tại trong chế độ xã hội chủ nghĩa do nơi tính cách độc lập tương đối của thượng tầng cơ cấu đối với những biến đổi trong hạ tầng, và chỉ hoàn toàn biến mất trong chế độ cộng sản tương lai (1). Có điều là không biết bao giờ mới thực hiện được cái chế độ cộng sản hoàn hảo đó mặc dầu đảng Cộng sản Liên-xô đã long trọng hứa hẹn rằng nó sẽ được thực hiện trước cuối thế kỷ này. Dầu sao thì từ đây tới đó, tôn giáo vẫn còn sự chỉ

(1) Sau đây là những « di tích » ấy: « Thái độ vô trách nhiệm đối với sở hữu công cộng và đối với lao động, những biểu hiện của dân tộc chủ nghĩa, những thành kiến tôn giáo, nạn say rượu, thái độ bất kính đối với phụ nữ, sự buông thả luân lý và thái độ vô kỷ luật, tâm trạng chủ nhân ông, mê tín, cá nhân chủ nghĩa và sự ích kỷ » (Les fondements du marxisme-léninisme-Éditions Dietz, Berlin-Est, 1960, tr. 781)

Kề ra thì hơi nhiều và hơi lộn xộn đó!

trích của những người Mác-xít Liên xô đối với tôn giáo không còn tính cách hung hăng thô bạo như trước. Cuộc tranh đấu (lutte) biến thành cuộc "tranh luận" (controverse) trong đó người Mác-xít phải "giải thích một cách kiên nhẫn những khuyết điểm của tín ngưỡng tôn giáo" bằng cách dựa trên những thành tích của khoa học hiện đại mà không được phép "làm tổn thương cảm-thức tôn giáo của các tín đồ" (1).

Thực tế thứ hai là tại tất cả những nước không theo xã hội chủ nghĩa, tôn giáo vẫn là một lực lượng quan trọng đôi khi có tính cách quyết định và ngoại trừ vài tôn giáo còn giữ nguyên lập trường bảo thủ trong phạm vi xã hội (như Ấn-độ-giáo và Hồi-giáo), các tôn giáo khác như Công giáo, Tin lành, Phật giáo, đều tiến dần tới một chủ trương xã hội tiến bộ và một thái độ phản kháng tích cực đối với những cơ cấu xã hội bất công.

Thông điệp-Populorum propressio (phát triển các dân tộc) của Đức Giáo hoàng Phao-lô VI là một bước tiến xa nhất của Giáo hội Công giáo theo chiều hướng nói trên, xa cho đến nỗi tờ báo của giới tài-philiệt Mỹ Wall-Street Journal đã gọi thông-điệp ấy là « một thứ tư tưởng mác-xít hăm lại, mặc hình thức tôn giáo và... không có lợi ích gì cho các nước nghèo » (2). Bước tiến xa nhất trong hoàn cảnh hiện tại chắc không phải là bước cuối cùng, nếu nhìn lại những bước tiến liên tục mà các Giáo-hoàng đã làm trong phạm vi xã hội, kể từ Thông-điệp Rerum Novarum của Léon XIII. Những tiến bộ lý thuyết nói trên, liên kết với những hành động phản kháng tích cực của một số giáo sĩ và giáo dân mỗi ngày một đông hơn đối với những bất công

xã hội, khiến cho những người Mác-xít càng ngày càng khó lặp lại những luận điệu cũ trong việc chỉ trích tôn giáo. Và nếu quả thật họ trung thành với Cách mạng chứ không phải chỉ trung thành với Marx-Engels-Lénine, thì họ phải xét lại toàn bộ lý thuyết và thực tiễn của họ đối với tôn giáo, vì chỉ khi đó, khối đông đảo các tín đồ mới không còn lý do chống lại Cách mạng.

Nếu hai thực tế nói trên bắt buộc Cách mạng phải xét lại thái độ đối với tôn giáo thì hai thực tế sau đây bắt buộc tôn giáo phải xét lại thái độ đối với Cách mạng.

Thực tế thứ nhất là sự củng cố có vẻ lâu dài của các chế độ xã hội chủ nghĩa trên thế giới, ngay tại một nước tí hon nằm sát nách người khổng lồ Mỹ là Cuba. Trong một tương lai thật xa, không ai có thể tiên đoán được số phận của những chế độ này, nhưng trong một tương lai vừa tầm mắt con người, chắc không còn ai nghĩ rằng chúng có thể sụp đổ toàn diện do những cuộc nổi loạn bên trong hoặc bị đập tan bằng võ lực từ bên ngoài. Trước tình thế đó, các tín đồ sống trong các nước xã hội chủ nghĩa chỉ có thể trông đợi những biến chuyển nội tại của chế độ theo chiều hướng « tự do hóa » để cải thiện thân phận của mình, chứ không thể chờ ngày « giải phóng ». Sự biến chuyển nói trên tùy thuộc hai yếu tố sự phát triển bên trong và sự giảm bớt căng thẳng đe dọa bên ngoài. Càng gặp khó khăn trong vấn đề phát triển và càng có cảm tưởng bị bao vây, phá hoại, các chế độ

(1) Báo Pravda ngày 2-11-1961 dẫn trong W. Leonhard: L'idéologie soviétique contemporaine. Paris, Payot 1965, tome II tr. 262.

(2) Báo Sống-Đạo số 33 ngày 23-4-1967.

xã hội chủ nghĩa sẽ càng cứng rắn. Cho nên chỉ có một cách cải thiện thật sự số phận của các tín đồ trong các chế độ ấy là chính họ phải tích cực tham gia công cuộc phát triển xứ sở họ, thay vì chống đối công khai hoặc ngấm ngầm. Và thay vì ông ông đòi « giải phóng » họ bằng mồm để càng gây thêm khó khăn của họ, những người đồng đạo bên ngoài chỉ có một cách giúp đỡ họ thật sự là dùng ảnh hưởng của mình để giảm bớt tình trạng căng thẳng trên thế giới, ngăn hẳn những cơ hội xung đột, bảo vệ hòa bình..

Có lẽ một phần vì nghĩ đến tình cảnh bế tắc của con cái mình bên kia « bức màn sắt » hoặc « bức màn tre » mà Đức Giáo-hoàng Gioang XXIII đã mở đường cho một thái độ tham dự tích cực khi Ngài phân biệt « những thuyết triết học sai lầm về bản tính, nguồn gốc và cứu cánh của vũ trụ và con người, với những trào lưu lịch sử đã được xây dựng với một mục đích kinh tế, xã hội, văn hóa hay chánh trị, dầu rằng những trào lưu này đã bắt nguồn và vẫn còn khai hứng từ các học thuyết nói trên. Học thuyết, một khi được xác định và công thức hóa sẽ không thay đổi nữa, nhưng những trào lưu kia lấy những điều kiện cụ thể và hay thay đổi của đời sống làm đối tượng, sẽ không thể nào không chịu ảnh hưởng sâu rộng bởi cuộc tiến hóa đó được. Và lại, tùy theo mức độ phù hợp của những trào lưu đó với những nguyên tắc lãnh mạnh của lý trí và những nguyện vọng chính đáng của con người, hỏi rằng ai có thể cấm không cho nhận, trong những trào lưu đó, những yếu tố tích cực và đáng được tán thưởng ? Bởi thế rất có thể rằng : những cuộc gặp gỡ thuộc phạm vi thực tế, từ trước đến nay người ta cho là không hợp thời và vô

ích, ngày nay lại có thể đem lại những lợi ích đích thực và những hứa hẹn tươi đẹp cho tương lai » (1)

Nhìn nhận những « yếu tố tích cực » trong chế độ xã-hội chủ-nghĩa và tham dự vào việc phát triển những yếu tố này mặc dầu vẫn phủ nhận cái nền tảng « triết học sai lầm » của chúng, đó không còn là cái thái độ « tử vi đạo » thường được đề cao trước đây, nhưng đó cũng không phải là một sự đầu hàng nhục nhã : đó chỉ là lối thoát thực tế duy nhất của các tín đồ trong đời sống cụ thể của họ, mà còn bảo vệ được phần nào quyền lợi lâu dài của tôn giáo. Bởi vì ngày nay, bất cứ trong chế độ nào, có muốn thật sự « tử vi đạo » cũng không phải là chuyện dễ làm : các chánh quyền không có đại gì mà đem quăng các tín đồ cho sự tử xé xác như các Hoàng-đế La-mã ! Muốn chết cũng chẳng ai cho mình chết và có chết được đi nữa thì những phương pháp kiểm soát dân chúng ngày nay đã quá tinh vi để cho « máu người tử đạo » còn có thể là « mầm sinh ra người theo đạo » như ngày trước. Nếu không thể « tử vi đạo » thì còn một cách chống đối là nổi loạn. Nhưng bản chuyện « nổi loạn » trong các chế độ xã-hội chủ-nghĩa quả là chuyện mò kim đáy biển ! Ngay đến xứ Balan toàn tông Công-giáo mà còn không nhúc nhích nổi, nói gì đến những nước mà các tín đồ không phải là đa số. Nếu không thể chết vì đạo, cũng không thể nổi loạn thì chỉ còn một cách là sống cho đạo, sống để duy trì sự hiện diện của đạo. Muốn sống cho đạo thì phải sống cái đã, và

(1) Thông-diệp « Pacem in Terris », bản dịch của L.M. Nguyễn-duy-Vi, phụ trương nguyệt san Sacerdos, Saigon 1963, tr. 41.

trong một chế độ có tổ chức chặt chẽ như chế độ xã-nghĩa, không ai có thể sống mà không tham gia các sinh hoạt của chế-độ. Như vậy điều tốt hơn hết là phân định rõ rệt những gì có thể chấp nhận, những gì không, để có một thái độ tham dự thích nghi mà không phản bội niềm tin tôn giáo, trong khi chờ đợi một giai đoạn sáng sủa hơn. Người tín đồ mang vinh cửu nơi mình, sá gì một vài khúc quanh ngặt nghèo của lịch sử !

Thực tế thứ hai là sự cần thiết mỗi ngày thêm rõ rệt của Cách-mạng tại các nước chậm tiến Á-châu, Phi-châu và Mỹ châu la-tinh. Không có Cách mạng, những nước này không bao giờ thoát khỏi tình trạng bất công, đói rách, thúi nát, bất ổn, lệ thuộc ngày nay (1). Chính Đức Giáo-hoàng Phaolô VI đã nhìn nhận gián tiếp sự cần thiết đó khi Ngài viết :

“Quả đang có những bất công kêu thấu tận trời. Thật vậy, khi dân chúng thiếu cả những điều cần thiết để sống, phải lệ thuộc vào người khác đến độ không có quyền có sáng kiến và trách nhiệm, không còn tiến triển được về trật văn hóa và tham gia được vào đời sống xã-hội và chánh-trị, thì người ta có thể dễ dàng bị lôi cuốn muốn dùng vũ lực để chấm dứt cảnh nhục mạ phẩm-giá con người như thế” (2)

Lẽ dĩ nhiên, trên cương vị của Ngài, Ngài không thể khuyến khích hay tán thành Cách mạng vì những hiểm họa bao “ông của nó, « ngoại trừ trường hợp để đánh đổ một chế độ độc tài rõ rệt và kéo dài quá lâu, làm thương tổn nặng nề đến những quyền căn bản của con người và nguy hại lớn cho lợi ích quốc gia”. Ngài chỉ có thể chủ trương chấm dứt những bất công bằng “những thay đổi táo bạo, những đổi mới sâu xa” và

kêu gọi các thành phần thống trị hãy “đại độ lãnh lấy phần mình” trong cuộc cải cách ấy, hơn nữa, nên “lấy chính tài sản của mình để thể hiện điều đó” (3)

Nếu các thành phần thống trị đã quảng đại như Đức Giáo-hoàng mong muốn, hay ít ra cũng nhận thức được đâu là quyền lợi lâu dài của họ để thực hiện “những thay đổi táo bạo” mà Ngài chủ trương, thì quả thật không cần đến Cách-mạng. Than ôi, họ đã không làm như vậy và sẽ không bao giờ làm như vậy: 100 địa chủ chia nhau 180 triệu mẫu đất trong tổng số 400 triệu mẫu của xứ Ba-Tây (4), họ là người Công giáo cả đó, thế mà họ có chịu cắt đi một tấc đất nào đâu để chia cho dân nghèo, kể từ lời kêu gọi của Đức Giáo-hoàng và chánh quyền Ba-Tây cũng gồm những người Công giáo, nào có nhúc nhích cục cựa gì đâu ! Vì thế mà hầu hết các chế độ tại các nước chậm tiến Á-Phi và Châu Mỹ la-tinh đều là “những chế độ độc tài rõ rệt và kéo dài quá lâu, làm thương tổn đến những quyền căn bản của con người”, vì thế mà con người tại những nước ấy có quyền và có bổn phận làm Cách mạng, như Đức Giám-mục Camara đã kêu gọi để chấm dứt “những bất công kêu thấu tận Trời !

Cách mạng là giải pháp tất yếu và duy nhất cho các nước chậm tiến. Nhưng không có một định mệnh nào bắt buộc

(1) Xem Đức Giám mục Helder Camara : « Không kịp cải cách, phải cách mạng để khỏi đổ máu », tạp chí « Đối Diện » số 2, tháng 8 1969.

(2) *Populorum progressio*, bản dịch của Thanh Lao Công, Saigon 1967, tr. 18.

(3) nt. tr. 9

(4) Helder Camara, bđd.

Cách mạng phải bùng nổ dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác-xít hoặc phải mang một bộ mặt sắt máu rùng rợn, hoặc có khuynh hướng bài xích tôn giáo, nếu các tín đồ ý thức được sự cần thiết của Cách mạng, tham gia tích cực vào các phong trào Cách mạng và nếu có thể, lãnh đạo hẳn những phong trào này. Như Emmanuel Mounier đã đòi hỏi cách đây gần 40 năm: Chỉ có một cách để làm cho Cách mạng phù hợp với những giá trị tinh thần là chính những «đứa con của tinh thần» phải trở thành cách mạng (1). Tại những nước Châu Mỹ la-tinh, đó không còn là một giả-thuyết xương của lý trí.

Ngày nay, theo gót Đức Giám-mục Helder Camara, một số giáo sĩ và giáo dân mỗi ngày một đông hơn không những chấp nhận sự cần thiết của Cách mạng trên bình diện thực tiễn mà xa

hơn nữa, còn đề tìm một nguồn mạch tôn giáo cho Cách mạng, nghĩa là làm một « Thần học về Cách mạng » (Théologie de la Révolution). Đó là một việc làm có vẻ táo bạo mà cách đây vài năm ít ai dám nghĩ tới (2).

Tóm lại, nếu sự trường tồn của tôn giáo trong các nước xã-hội chủ nghĩa và sự phản kháng của tôn giáo trước những bất công xã hội bắt buộc Cách-mạng phải xét lại thái độ đối với tôn giáo, thì sự củng cố các chế độ xã nghĩa và sự cần thiết của Cách mạng tại các nước chậm tiến bắt buộc tôn giáo phải xét lại thái độ đối với cách mạng.

Những nhận định nói trên cho phép chúng ta hy vọng rằng trong một tương lai không xa lắm, sẽ có sự tương nhận giữa Cách mạng và tôn giáo cũng như đã có sự tương nhận giữa tôn giáo và dân tộc.

V.— ĐỂ GIỮ NIỀM TIN

Ngày nay châm ngôn của Phật-tử là: « Đạo pháp và Dân tộc » và châm ngôn của người Công giáo là: « Thiên Chúa và Tổ quốc ».

Sự trùng hợp này rất có ý nghĩa: giữa Trời và Đất không thể lựa chọn bên nào mà phải trung thành với cả hai, vì Trời và Đất biểu hiện hai đòi hỏi căn bản của con người: tạo dựng một sự nghiệp trần gian và vượt khỏi trần gian để đạt cái Tuyệt Đối. Những đứa con của tôn giáo đồng thời là những đứa con của dân tộc chỉ có thể nắm chặt hai đầu giây: kiên trì với Đạo và tận lực với Đời, bám chặt vào Đời để hướng Đời về Đạo, hiện diện giữa Đời như những chứng nhân của Đạo.

Lẽ dĩ nhiên, Đạo ở trên Đời như

Trời ở trên Đất. Giữa tôn giáo và dân tộc, nếu bắt buộc phải lựa chọn, người tín đồ bao giờ cũng lựa chọn tôn giáo, nếu còn là tín đồ, bởi vì trước cái Tuyệt Đối, mọi sự đều là tương đối, kể cả dân tộc.

Nhưng tất cả bài này là một cố gắng để cho thấy rằng không có lý do tất yếu nào bắt buộc chúng ta phải lựa

(1) Xem Emmanuel Mounier, con người của đối thoại? trong *Ba năm xáo trộn* Nam Sơn 1967.

(2) Xem: L.M. Peuchmaurd: *Esquisse pour une théologie de la Révolution*. Tạp chí *Parole et Mission*, Octobre 1967.

Michel de Certeau: *La Révolution fondatrice*. Tạp chí *Etudes*, Juin-Juillet 1968 và đặc biệt cuốn *Christianisme et Révolution*, do một số giáo sĩ và giáo dân đại diện các nhóm Công-giáo cấp tiến. Paris 1968.

chọn như vậy và những tấn bi kịch đã xảy ra trong quá khứ đều bắt nguồn từ những hoàn cảnh lịch sử đặc biệt và từ những quan niệm tôn giáo, chỉ có giá trị trong một giai đoạn nào đó mà thôi.

Trong một viễn tượng bao gồm toàn bộ lịch sử, không thể có mâu thuẫn giữa Đạo và Đời, tôn giáo và dân tộc, bởi vì tôn giáo cũng như dân tộc đều nhằm vào con người, đều có sứ mạng lôi con người vươn lên, vượt khỏi cái « Ngã » ti tiện và bê bối của mình để có thể, ngày qua ngày, chạm khắc cho mình một khuôn mặt con người đi h thực. Trong viễn tượng đó, những mâu thuẫn căn bản giữa những đặc tính của tôn giáo và dân tộc, thay vì bùng nổ thành xung đột, phải được quan niệm như sự căng thẳng giữa hai đầu giây và chỉ khi nào nắm chặt hai đầu giây, chúng ta mới mong thể hiện được một đời sống tương đối nhân bản. Như đã thấy, chúng ta cần anh hùng cũng như cần thánh nhân, thánh nhân và anh hùng đòi hỏi lẫn nhau như Quốc gia và Giáo hội, để giữ một thể quân bình cần thiết cho lịch sử loài người. Cho nên người anh hùng phải dành cho thánh nhân một chỗ đứng trong dân tộc và thánh nhân phải hòa mình với dân tộc mới có thể hoàn thành sứ mạng thánh nhân. Nhiều vị sẽ hỏi: việc chi mà rắc rối lắm thế? Xin thưa: cuộc

đời nó luôn luôn rắc rối như vậy, vì con người là loài vật rắc rối hơn hết mọi loài: « duy nhân vi vạn vật chi rắc rối »! Mọi cố gắng nhằm đơn giản hóa con người, như kinh nghiệm cho thấy, rốt cục đều tàn phá khuôn mặt con người.

Cách-mạng là một nỗ lực của dân-tộc (hoặc của những thành phần lành mạnh nhất trong dân tộc) nhằm thực hiện những thay đổi căn bản cần thiết để đạt tới những mục tiêu lịch sử trong một thời gian ngắn nhất.

Cách mạng là một hành động của dân tộc, nó không phải là một thực tại, cái thực tại là dân tộc. Nếu có Cách mạng thế giới, thì cuộc Cách mạng ấy sẽ làm bằng Cách mạng của mỗi dân tộc. Nếu có Cách mạng thường xuyên, thì đó chỉ là cuộc biến đổi thường xuyên cái thực tại dân tộc. Nếu có sự hiệp nhất tối hậu của nhân loại thì đó phải là sự hiệp nhất giữa các dân tộc, với khuôn mặt độc đáo của chúng, cũng như sự hiệp nhất, trong mỗi dân tộc, phải là sự hiệp nhất giữa những con người, với nhân cách độc đáo của mình.

Hiểu như vậy, cuộc xung đột giữa Tôn giáo và Cách mạng đâu có gay gắt đến đâu, vẫn chỉ có tính cách giai đoạn và có thể được lồng vào cuộc xung đột giữa dân tộc và tôn giáo để được giải quyết trong cái viễn tượng lịch sử bao quát nói trên. Khi Cách mạng thành

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH TỐ C

Neurotonic

KH. 785/DTT/QCDP/16.4.48

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

công thì vẫn còn hai thực tại : tôn giáo và dân tộc.

oOo

Và tôi xin kết thúc loạt bài này bằng một câu hỏi cuối cùng: dân tộc có phải chỉ là một thực tại trần gian và có một số kiếp phù du như mọi thực tại trần gian khác, hay nó còn có một ý nghĩa, một sứ mạng vĩnh cửu ?

Ta nghĩ rằng các tôn giáo nên trả lời các câu hỏi này. nghĩa là nên có một Thần học (hoặc một Phật học) về dân tộc, vì chỉ khi nào tôn giáo dành cho dân tộc một qui chế rõ ràng trong giáo lý của mình, khi đó mới có thể nói rằng tôn giáo đề nhận nhận sự cần thiết của dân tộc.

Riêng tôi thường nghĩ: tình yêu dân tộc là một cái gì quá sâu xa, quá cần thiết cho con người nên nó không thể chỉ có một ý nghĩa trần gian. Nếu có một Thiên đàng, thì dân tộc phải hiện diện trên đó, nghĩa là sự cứu rỗi phải được thực hiện trên cả bình diện dân tộc chứ không chỉ trên bình diện cá nhân (1). Ngày tận thế không thể là ngày khánh tận lịch sử, mà phải là ngày hoàn tất lịch sử, ngày hội ngộ giữa các dân tộc với nhau và giữa các dân tộc với cái Tuyệt-đối, khi thời gian đã đổ vào Vĩnh-cửu, như tiên tri Isaïe đã thấy, mấy ngàn năm trước đây :

• Và Yaweh sẽ dọn trên núi Thánh

cho tất cả các dân tộc,

một bữa tiệc linh đình.

Và trên núi Thánh, Ngài sẽ xé toạc bức màn ngăn cách các dân tộc.

Ngài sẽ tiêu diệt vĩnh viễn sự Chết» (2)

Viễn tượng nói trên thật xa vời nhưng đối với tôi, nó là cần thiết vì nó giúp tôi giữ được niềm tin nơi tương lai của tôn giáo và của dân tộc, trên thế giới và tại Việt-nam. Niềm tin ấy là điều quý báu hơn hết giữa lúc mà, trên mảnh đất này, hình bóng thân yêu của tôn giáo và dân tộc hầu như chìm đắm tan biến trong cảnh khói lửa mịt mù, oán thù ngun ngút, trong giòng sông đục ngầu của tiền bạc và sa đọa, khiến cho đàn con trẻ bơ vơ phải hoang mang tự hỏi : dân tộc ở đâu và tôn giáo ở đâu ?

Nhiều thanh niên đã hỏi tôi câu hỏi đó và tôi không trả lời được. Cho nên tôi đã viết loạt bài này, một phần cho họ, một phần cho tôi, để khẳng định lại niềm tin,

Saigon 7-8-1969

LÝ-CHÁNH-TRUNG

(1) Cho nên tôi không đồng ý với Thánh Thomas d'Aquin khi Ngài quan niệm Thiên đàng như một sự chiêm ngưỡng Thiên Chúa có tính cách hoàn toàn cá nhân : « Amici non requirentur ad perfectam beatitudinem » : bằng hữu không cần thiết cho sự toàn phúc. (Summa theologica, I qu 1, 4 c).

(2) Isaïe XXV, 6-7.

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan



THƯ LÂM AN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
số: 2.701 THƯ LÂM AN THƯ QUÁN

Toán số với càn khôn

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 302)

Vật là số, số là vật

Một trong những kinh nghiệm đầu tiên của loài người là thấy một sự đều đặn, một trật-tự trong những hiện-tượng và biến-cổ thiên-nhiên. Mặt trời lên, mặt trăng lặn, những mùa tiếp tục thay nhau, và cứ như thế mãi. Ngay từ thời xa xăm, người đã biết diễn tả trật tự ấy với ngữ huyền thoại và cả ngữ toán nữa. Cả hai ngữ đã lẫn lộn trong khoa chiêm-tinh đầu tiên của dân Babylone, 40 thế kỷ trước tây-lịch. Nhưng ở Tây-phương, phải chờ đến thời thường được gọi là "phép lạ Hy-lạp" mới thấy trời dấy một triết-lý về toán-số và một môn học đo lường đúng đắn. Mamecos được xem là sáng lập toán học ở Hy-lạp, nhưng chính Pythagore đã làm thành một khoa-học minh-chứng. Pythagore đặt ra những nguyên-lý hình-học, tìm ra những tỷ-lệ, bày lối đo chiều dài và cân nặng, phân giải năm thể đa diện, chứng minh định lý về hình tam-giác thẳng góc mang tên Pythagore, đến thế kỷ 17 hầu hết các nước văn-minh đều dùng đến (Trung-Hoa đã biết đồng thời với Hy-lạp). Pythagore cùng với môn-đệ lập tại nhiều nơi, trước tiên tại Crotone những trung-tâm nghiên-cứu khoa-học, nhưng phong-tục và sắc-thái là của một giáo-phái và chính-phái.

Chính họ đã dựng lên triết-lý về số, chính họ đã quan-niệm đầu tiên số là một nguyên-tố phổ-quát, áp dụng cho cả thực-thể. Khi Pythagore đã tìm ra được sự lệ thuộc của âm thanh nơi bề dài của những giây đàn, sự kiện không quan trọng bằng sự giải-thích sự-kiện, đã vạch đường mới cho sự suy gẫm triết-lý và toán-số. Đây không phải là một hiện tượng riêng rẽ, âm-thanh với giây đàn, những tỷ-lệ cân xứng, đã nói lên một huyền bí sâu xa hơn, huyền-bí về cái đẹp. Đối với trí óc Hy-lạp, đẹp có một nghĩa-lý hoàn-toàn khách-quan. Đẹp là thật, là chân-lý, đẹp là một đặc-tính căn-bản của sự thật. Nếu đẹp tìm được trong hòa-âm có thể quy ra một số tỷ-lệ, thì số có khả-năng cho ta biết cơ-cấu căn-bản của trật-tự vũ-trụ. Một bản-văn (Philolaos *Fragments*) ghi : "Số là hướng dẫn, là thầy của tư-tưởng con người. Không có quyền-lực của số, mọi điều sẽ tối tăm và lẫn lộn." Chúng ta không thể sống trong một đời chân-lý, mà chỉ có đời thất-vọng và ảo-giác. Nhờ số, và chỉ nhờ số mà thôi, chúng ta tìm được một vũ-trụ có thể hiểu được.

Đối với những học-giả phái Pythagore, không thể có quan-niệm rằng vũ-trụ là một vũ-trụ của ngôn-ngữ, hay thể-

giới toán-số chỉ là một thế-giới biểu-tượng. Nơi đây không có sự phân biệt giữa biểu-tượng với đối-vật được biểu-tượng. Điều-hiệu không chỉ giải nghĩa đối-vật, mà chiếm địa-vị của đối-vật. Vật không phải có tương-quan, hay được diễn-ả với số. Vật là số, số là vật. Sự thật chính, nếu không phải sự thật duy-nhất, là số, bản-chất của mọi vật. Số là do sự kết hợp của cùng và vô cùng. Một sự tương-ứng huyền bí nằm giữa mười con số và tất cả sự thật vật-chất và tinh-thần của vũ-trụ. Mỗi số lại hợp với một hình mặt phẳng hay một lập thể. Lời thề của môn phái dựa trên công-thức $1+2+3+4=10$, trong đó 1 là Zeus (thần chính trong thần thoại Hy-Lạp), 2 là hai vị sáng, mặt trời và mặt trăng, 3 là tam hành, đất, nước và lửa, là uy lực, 4 là bốn phương. Số 10 đóng vai tuồng quan-trọng trong thiên-nhiên, số ấy là nơi tiếp nhận vô-cực. Số 5 là số của phẩm-tính, của hôn phối, vì gồm số dương đầu (số 3) với số âm đầu (số 2), số 6 được xem là chỉ âm ướ, số 7 là trí-tuệ, ánh sáng, sức khỏe, số 8 là ái tình vì cộng uy-lực (số 3) với hôn-phối (số 5), mà cũng chỉ tình thân-hữu, sự suy giảm v.v.

Ở Trung-Hoa, triết-lý về số, như quan-niệm của phái Pythagore, đã chói lọi một thời. Điều đó chỉ phỏng đoán, những sử-liệu không đủ để định rõ nguyên-lý và ảnh-hưởng của triết-lý ấy. Nhưng nhìn chung sự tiến-hóa của nhân-loại, ta nhận thấy trí-tuệ và sự hiểu-biết không phải đặc-điểm của một địa-phương, một chủng-tộc nào. Người bất cứ nơi đâu cũng phải đương đầu với một số vấn-đề, một số thử thách, buộc phải tìm những giải-đáp; nhưng những điều kiện sinh sống, môi-trường xã-hội,

chính-trị, những cơ-hội trao đổi, đối-thoại, là những yếu-tố quan-rọng trong việc phát huy sự hiểu-biết. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi nhận thấy trình-độ văn-hóa thấp kém của những đám người quần quai trong cảnh thiếu ăn thiếu mặc, thiếu an-ninh, hay trong những chế-độ áp-bức tinh-thần, cấm- đoán mọi sự cố-gắng tìm hiểu chân-lý ngoài thứ chân-lý phiến-diện và khô cứng mà cấp lãnh-đạo, thường vì quyền lợi trở nên ngu xuẩn hay bệnh hoạn, dùng võ-lực để duy trì như một chánh-thuyết, một chánh đạo. Điều lạ là giống người nói chung vẫn có cơ hội tiếp tục xuyên-qua thời-gian, công việc khám phá sự thật của mình, cuộc phiêu-lưu tinh-thần có thể biến mất một nơi để xuất hiện nơi khác, hoặc lặn đi hàng ngàn năm để rồi trời dậy, như thề những thủy lưu vùi trong lòng đất chờ nơi thuận-lợi, xuất hiện đột ngột thành sông ngòi rất xa nơi mất dạng. Có nhiều lối giải-thích, sự phát xuất đồng thời, hay khác thời, những tia-sáng của tinh-thần trong cảnh hỗn mang của dốt nát, ngờ vực, sợ hãi. Sự truyền-bá tư-tưởng và khoa-học thời xưa đã đi theo những trục giao-thông, (có đường đã tìm lại được dấu vết, có đường không phỏng đoán được), để tạo nên những cuộc gặp gỡ giữa người thông thái, trước khi phát minh được chữ viết và phương tiện ghi chép. Muốn khôi mệc trí và tốn công tìm kiếm, thì cho sự hiểu biết đã xuất hiện đồng thời ở nhiều nơi, và nếu nghĩ rằng chẳng có gì tự phát sinh ra được, thì tin có sự «mặc-khải» của Đấng Tối Cao, cho một số người được lựa chọn, gọi người ấy là Tông-đồ, tiên-tri hiền-triết hay như bây giờ nhà bác-học cũng được.

Nếu khoa-học, dựa vào lý-trí, liên kết

được xưa hay nay, những con người không kể biên giới (những tài liệu rất cũ cho thấy định lý Pythagore được chép lại bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng La-tinh, A-rập, Trung-Hoa..., những nhà bác-học đã, hay đang góp công vào chương trình chinh-phục không-gian của Hoa-Kỳ gồm một số lớn «vong bản») thì chủ-nghĩa quốc-gia, hay óc địa-phương, dựa trên tình-cảm đưa đến những sự phán-đoán và so sánh sai lầm, khi thì đánh giá rất thấp hay khinh-thường văn-hóa quốc-gia khác, khi thì tự cho dân-tộc mình tất cả những phát-minh quan-trọng, khi thì thăng-hóa những yếu kém của mình với những biên-minh đạo đức ấu-trì. Nhưng, vì gấp gáp tìm những tương-xứng, muốn đi đến một lối quy-tụ hay hội-tụ rộng rãi, người ta cũng có những phán-đoán thiếu căn-bản vững chắc. Một số linh-mục Âu-châu qua truyền-giáo ở Trung-Hoa, nghiên-cứu đạo lý phương Đông đã ngạc-nhiên và khâm-phục về uyên-thâm của đạo-lý ấy, mới đâm ra nghĩ rằng người Trung-hoa có lẽ đã nhận được «mặc-khai» cũng như người Do-thái, và Thượng-Đế hay Trời của Trung-Hoa chỉ là Chúa của Thánh - kinh. Một linh - mục Premare thuộc Dòng Tên, ở thế-kỷ 18, đã làm một tập-tuyển văn-chương Trung-hoa để chứng minh điều đó. Tiếp theo, Montucci xem *Đạo-Đức-Kinh* chỉ là một hình thức ca-ngợi Chúa Ba Ngôi. Rồi Linh-mục Amiot, cũng ở thế-kỷ 18, người đã nghiên-cứu lâu năm về Hoa-ngữ, không những chấp nhận ý-kiến trên, còn tìm ra trong chương thứ 14 của *Đạo-Đức-Kinh* một bằng-chứng minh-xác. Mở đầu chương ấy có câu: «*Thị chi bất kiến, danh viết di; thính chi bất văn, danh viết hy, bác chi bất đắc, danh*

viết vi; thử tam dã bất khả chi cật, cố hồn nhi vi nhất.» (Nhìn không thấy tên là di; nghe không thấy, tên là hy; nắm bắt không được, tên là vi; ba cái không thể suy tìm vặn hỏi đến cùng, cho nên hợp mà làm một.) Hà-Thượng Công nói: Di là không có màu sắc, chữ Hy là không âm không tiếng, chữ Vi là không bình đáng. ba chữ ấy dùng để miêu-tả sự vô sắc, vô thính, vô hình của Đạo. Di, Hy, Vi hợp làm một, tức là Đạo mà cái thể không thể bàn luận nhưng đầy khắp vũ-trụ và làm ngọn nguồn, gốc rễ cho muôn việc, muôn loài. Abel Rémusat, một bác học đầu thế-kỷ 19, lại thấy xa hơn nữa, là di, hy, vi, ghép lại chính là chữ *Jehovah* của Thánh Kinh. Một nhà chuyên môn khác về Trung-hoa, G. Pauthier đã cười về lối ghép *Jehovah* của Rémusat, nhưng lại cho rằng những chữ *đế, đạo* cùng một nguồn gốc với chữ *ấn-nhi* (indo-german) *deva* và *deus*. Những sự tìm kiếm và đối chiếu có thể tiếp tục, chiều này hay chiều khác, rồi việc cười lẫn nhau vẫn còn có được.

Trở lại toán số, Trung-Hoa có thể có kinh-nghiệm về Triết-lý toán, người Trung-Hoa đã coi trọng những số, nhưng không thể rói một cách dứt khoát họ đã vay mượn của phái Pythagore hay đám này đã mượn của họ. Đối với Trung-Hoa thời thượng-cổ, những triết-gia không quan-tâm đến số lượng, mà chỉ xét đến giá-trị biểu-tượng của số, số dùng để chỉ những phẩm-tính, và dùng để sắp vị-thứ và nghi-cách. Với giá-trị biểu-tượng, những số chịu biến dịch. Một ví-dụ mượn trong *Tả-truyện* cho thấy lối lý-luận và nhận-định giá-trị về số của người Trung-Hoa xưa khác hẳn với lối thông thường ngày nay. Một hội-đồng chiến-tranh họp lại để bàn có

nên tấn công địch không. Nguyên-soái muốn đánh, nhưng vì phải có sự cộng tác của các tướng-quân, nên cần đến ý kiến của các vị này. Các tướng-quân với nguyên-soái hay tổng-tư-lệnh là mười hai người. Ý kiến khác nhau. Ba vị không chịu đánh. Tám vị muốn. Tám tướng này thuộc đa-số, và tuyên-bố như vậy. Nhưng ý kiến của 8 không thắng ý kiến của 3, vì ba là nhất-trí, là đồng-thanh rồi, khác hẳn với đa-số. Vì vậy nguyên-soái sẽ không đánh, ngài thay đổi ý-kiến, và với ý-kiến duy nhất của ngài, đã có một ý-kiến toàn-thể. Tư-tướng Trung-Hoa thời ấy bị thuyết chính danh chi-phối, nên giá-trị của số có có cũng tùy nơi danh mà số chỉ là biểu-tượng.

Thật là một sự việc đáng ngạc-nhiên và đáng suy gẫm, khi thấy khoa-học Tây phương, sau bao nhiêu thế-kỷ tìm kiếm, đi đến những phương-tiện mà người Trung-Hoa đã có từ lâu nhưng không biết khai thác. Lối ghi và đếm của những máy điện-tử chỉ dựa trên nguyên-tắc giản dị có và không, hay dương và âm đã xây dựng lên một văn-hóa, một đạo-lý, mà không làm nổi (hay không thềm) một khoa-học nói rộng biên-giới của tư-tưởng nhân-loại.

Tục truyền khi vua Vũ (2205 - 2197 trước tây-lịch) được chọn làm thiên-tử để trị-vì thiên-hạ, Trời giao cho « chín thiên Hồng Phạm ». Tục cũng truyền vua Phục-Hi trước đó (4480 - 4365) thấy xuất-hiện từ sông Hoàng-Hà một quái-vật, vừa ngựa vừa rồng, mang trên lưng những hình bát quái. Nhưng Tiên thiên bát-quái để lập ra quẻ nội quẻ ngoại, hay chín thiên Cửu-trù để tính số ngũ-hành của Hạ-Vũ, chẳng phải là bản-văn. Theo lối học tâm-truyền thời ấy,

chẳng cần sách vở gì. Sau này có người đọc lại cho nhà Chu, mới có bản văn nói sự hiểu biết của Hồng Phạm. Những lời bàn tán, diễn-giải, của những học-giả hay bốc-phệ, đã làm cho Kinh Dịch được biết đến, nhưng đã hạ Kinh Dịch xuống bậc thấp, vì sức hiểu biết đã không còn như trước nữa. Thay vì dùng toán-số một cách thuần túy, để hiểu biết thực-thể, hiểu biết chân-lý, toán số được dùng với những mục-phiêu thiên-cận, và kết quả, sau mấy mươi thế-kỷ, mới thấy không đáng với công rồng hiện lên để dâng tặc.

Siêu-phàm quá, khi nghĩ rằng trong một xã-hội với cuộc sống vật chất giản-dị, trong một thời chưa có chữ viết với sách vở, khởi-diểm cho một văn-hóa (trong nghĩa rộng và hiện-đại) lại được hình-dung dưới những hình-thức dễ nhớ những cộng cỏ cũng đủ biểu-tượng vạch liền và vạch đứt. Gạch ngang đọc là *nhất*. Bẻ gạch ấy ra làm vạch đứt, đặt hai ngang nhỏ chồng lên mà đọc là *nhị*. Rồi thì: *Nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật*. Quá giản-dị, như công thức của Einstein, nhưng phải biết áp dụng. Có thể tưởng tượng một thời kỳ huy-hoàng ở đất Trung-Hoa thượng cổ, những bậc thông thái hợp với môn-độ hay cùng với những bậc hiền khác, để giải thích cho nhau nghe những bí-quyết của vũ-trụ, nhưng vì những lẽ cũng huyền-bí không kém, thời ấy không để lại cho hậu-thế những phương-tiện trí-tuệ để nhận-thức một cách đầy đủ hơn nữa. Phải chăng dư-âm lời điệu của thời hưng thịnh ấy là tiếng «chường» của chứng truyện kiểm-hiệp? Tốt hơn là đổ lỗi cho Tần-Thủy-Hoàng, đốt sách chôn nho, có mấy ai dám đổ lỗi cho những nhà vua và bọn nịnh-thần

đã trệt-hạ những biên-si, là hạng người không chấp nhận lối giải-thích gọi là chánh-thức, hạng người có thể giúp cho sự hiểu-biết có những chân trời mới. Dù sao, bản văn gọi là Kinh-Dịch còn đó, được san-định nhiều lần và nhờ nhiều người. Trong các Kinh-Sách, quyển ấy ít độc giả nhất. Vì khó, vì không thiết thực, vì không có thầy hướng dẫn, những dấn giải đòi hỏi những diễn-giải khác, và môn-đề cũng có thể lạc trong rừng diễn giải cùng với kẻ tự xưng là thầy. Sách quý ấy trở thành một sử-lệu không còn là sách tác dụng.

Khổng-Tử đã tốn công rất nhiều để xem và diễn-giải theo những Thoán-từ của Văn-vương và Hào-từ của Chu-Công. Chưa bằng lòng về Thoán-truyện và Tượng-truyện, Khổng-Tử đã làm thêm nhiều thiên. Hệ-từ-truyện, Văn-ngôn-truyện, Thuyết-quái-truyện, Tự-quái-truyện... Phần đạo-lý của Kinh dịch không quan-trọng bằng phần tượng-số. Khổng tử chú trọng đến đạo lý hơn nên không khai-thác phần bốc phê, thuật-số. Ấu cũng là điều đáng tiếc, không phải cho đạo lý, mà cho sự hiểu biết. Khổng-Tử về già than phiền : « Giá cho ta thêm được mấy năm nữa, để ta học Dịch cho trọn vẹn, thì khả dĩ không có điều là n lớn vậy. (Gia ngã sở niên, tốt dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hỹ — Luận ngữ).

Đã có một cuộc biến-thiên từ triết-lý toán-số, đứng ra để cắt nghĩa càn khôn, giải-thích những bản-thể và hiện-tượng của trời đất, thỏa-mãn nhu-cầu tối-thượng của trí-tuệ là biết được chân lý muôn đời, đã có cuộc áp-dụng hạn hẹp của triết-lý toán-số thành một thuật-số để nhờ mai rùa (bốc) hay dùng cỏ (phê), xem cát hung trong đời sống

hằng ngày, để cầu xin quỷ thần được điểm lành tránh điều dữ, để nhờ một số ký-hiệu sai khiến những luật thiên-nhiên, cũng như triết-lý toán-số đã được giải thích như một tiêu-chuẩn luân-lý, do đó hiểu được ý nghĩa tinh vi của những chữ nhân, trung, thành, cần thiết cho đời sống cá nhân, và đời sống con người trong xã hội, trật tự trong xã-hội chỉ là phản ảnh của trật-tự toán-số trong vũ trụ.

Cũng như khoa học thực dụng hay kỹ-thuật chỉ có thể phát-triển nhờ sự phát-triển của khoa-học thuần túy, sự biến chuyển một khoa toán-số tinh-vi thành những môn thực tiễn không khỏi nguy hại, nếu nguồn đã quên mất và đã cạn đi. Xa sự suy-lý cơ-bản, sở-biết dựa trên trích cú tằm-chương chỉ là một xác không hồn, không tránh được sự tan rã. Những giải-thích tùy theo trình-độ tri-thức của những thế-hệ, hay cô-động trong một hệ-thống tư-tưởng công thức và đám gọ là thông thái sẽ nhờ đó mà sống, sống trong mọi nghĩ.

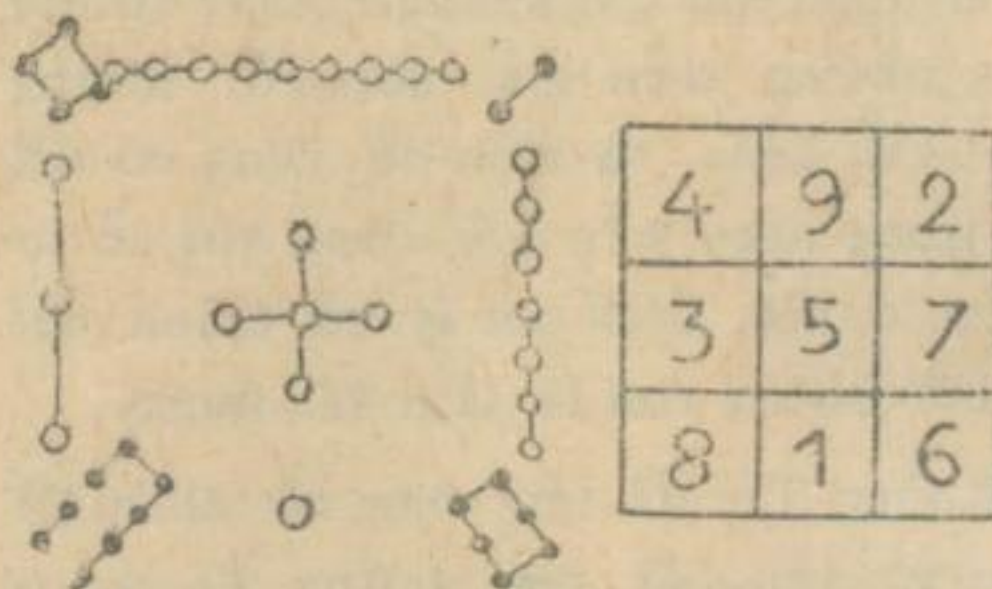
Dịch-pháp của Trung-hoa đã mất đi một cách oan uổng, và cũng mất đi mấy mươi thế-kỷ, thời gian đủ cho người phương Đông với dịch-pháp làm phương-tiện nhận-thức đã vượt qua từ lâu trình-độ hiểu-biết của người Âu-Mỹ ngày nay. Bí-quyết để thâm-hiền càn-khôn đã được thay thế bằng một thái-độ tự mãn về một quan-niệm mơ-hồ và nhân-hình nào đó về càn khôn. Thế tinh của dịch được nhắc đi nhắc lại, được học thuộc lòng, được tôn thờ (ai động đến thì khốn!) nhưng không được hiểu. Những nhà diễn giải què với hào đã đến chỗ bế tắc, khi dùng đến từ, lấy từ thay tượng, dừng lại nơi từ để dựng lên những giá-trị cố-định và vĩnh-

viên, quên hẳn thực-thể, và quên chính cả dịch nữa. Có nghìn vạn cách áp dụng dịch, có nghìn vạn lối để đọc quẻ, lối lầm của một số học giả là chỉ căn cứ vào một lối. $ax + bx + c = 0$ Phương trình toán học dùng những biến-số, mà người ta thay thế bằng những bất-biến. a, b, c , có thể là cam, chuối, chanh hay có thể là rồng, kỳ-lân, phụng. Thật oan uổng nếu dịch chỉ là thứ tùy-thời trong chính-trị chẳng khác ích nhi-tái, đổi màu sắc, của loài vật, dịch là ruộng dâu và bể xanh, dịch là bức tranh vân cầu trong siêu-hình. *Tượng* đã trở thành những bùa phép cũng như từ đã trở thành lời thần chú, mà hình thức đang còn trong xã-hội chính-trị hiện-đại nơi những khâu-hiệu, bích-chương.

Một cạnh đủ phá vỡ một hệ-thống

Pythagore và môn-phái đã tìm ra được một triết-lý về số, số có bản-thể và làm cốt cho mọi vật. Mỗi vật đều có số, mỗi số là vật. Ở Trung-Hoa thượng-cổ, số không có giá-trị tuyệt-đối như quan-niệm của Pythagore, nhưng số cũng chế-ngự mọi sự. Và có lẽ do nhân-định ấy, mà ta tiếp tục nói đến số của người, số phận, số đen số đỏ, người tốt số, người xấu số; một thuyết tất-định ăn bám vào đây. Hoài-nam-tử dựa vào thời gian đầu thai của người là 10 tháng (tính cho chẵn) luận như thế này: Trời là 1, đất là 2, người là 3. Ba lần 3 là 9. Chín lần 9 là 81 (tám mươi và một) Số 1 chế-ngự Mặt Trời; số của Mặt Trời là 10, Mặt trời chế-ngự con người, cho nên người sinh tháng 10. Trong số những người theo Pythagore chắc hẳn cũng có những thứ lý-luận như vậy. Những tương quan giữa những số đưa đến những kết quả ngộ nghĩnh, sự ngẫu-

nhiên được xem là huyền-bí. Chắc hẳn những nhà toán-số đã biết khái-thác mê-ín của dân chúng, có nơi thì làm những ma-phương (carré magique) hình vũ-tru để xây dựng Minh đường hay làm thành những tấm khánh vàng hay bạc, có chạm số để đeo từ ma quỷ và trông đợi ân-phước.



Sau này, người ta không còn quan tâm đến khả năng huyền bí của ma-phương. Lối sắp số thường được dùng như phương-tiện giải-trí, Họa sĩ Đức Durer trong bức chạm nhan-đề *Schwer-mut* (U-sầu) đã khắc luôn ma-phương dưới đây, công ngang hay dọc hay xéo những số, tổng cộng cũng là 34. Bốn số giữa cùng làm thành 34 và hai số ở giữa hàng cuối là năm kí-ắc bản ấy: 1514

16	3	2	13
5	10	11	8
9	6	7	12
4	15	14	1

Toán-gia Thụy-sĩ Euler ở thế kỷ 18, thường được biết với công thức $e + 2 = v + s$; có hình vuông dưới đây, theo đường dọc hay đường ngang, số cộng lại thành 260, nửa đường là 130. Đặt một con Mã (hay ngựa trong cờ) cho đi theo

chữ nhật từ số 1 sẽ đi tất cả 64 ô vuông theo thứ tự số.

1	48	31	50	33	16	63	18
30	51	46	3	62	19	14	35
47	2	49	32	15	34	17	64
52	29	4	45	20	61	36	13
5	44	25	56	9	40	21	60
28	53	8	41	24	57	12	37
43	6	55	26	39	10	59	22
54	27	42	7	58	23	38	11

Từ bốc phệ đến ma-phương, từ ma-phương đến giải-trí với toán-số, đã có một sự thay đổi về tác dụng, nhưng bao nhiêu điều đó không phải là một sự tiến bộ về toán học, (Những sách giải-trí bằng toán-Puzzles hay Recreational Mathematics-hiện nay rất nhiều, có thể khuyến khích về việc học toán không thể thay thế sách giáo-khoa. Và học sách giáo-khoa là điều kiện cần nhưng chưa đủ để phát-minh về toán-số).

Điều gì đã làm cho sự phát-minh của Pythagore chỉ là một bước đầu cho sự phát-triển khoa-học thiên-nhiên? Sự kiện nào đã làm cho toàn-thể thuyết về số của Pythagore và môn đệ phải đem ra xét lại? Chỉ có một cạnh của tam-giác: thẳng góc, chỉ có đường huyền đối diện với góc vuông.

Một tam-giác vuông có cạnh dài 3 và 4 đơn-vị, với đường huyền 5 là hiếm có. Bên số hình tam-giác vuông loại ấy — 3-4-5 hay 5-12-13 hay 7-24-25, thì có số tam-giác vuông mà đường huyền không thể diễn ra bằng một toán số. Các toán-gia phái Pythagore chợt thấy đường huyền của thứ tam-giác ấy không thể phù với một phân-số nào, đem cả tỷ tỷ đặt dưới số 1 cũng chẳng bao giờ chấm dứt được. Điều pha quấy đó, mà sau này thành số vô-tỉ, đã lay chuyển hệ-thống tư-tưởng về toán-số của người Hy-lạp đương thời, gây ra một khủng-hoảng trầm trọng, vì ngay nay, ta quen với số vô-tỉ và giải-quyết được vấn đề một cách dễ dàng như thể không có gì đáng ngạc nhiên cả. Nhưng lúc đó, chẳng có nhà bác-học nào giải-quyết được, theo đường lối của chúng ta hiện thời. Đối với luận-lý Hy-lạp, số vô-tỉ là một nghịch-lý do là một *arrhêton*, một điều không nên nghĩ đến, không nên nói đến. Vì ố đã đạt được định rõ như một toán-số hay một tỷ lệ giữa những toán-số một chiều dài không đo được, không nhận một ký-hiệu bằng số nào là điều thách thức và phá hủy quyền-lực của số. Sự thắc mắc khó chịu của những nhà tư-tưởng Hy-lạp được thấy trong những đối-thoại của Platon ghi lại. Hết chuyện đường huyền của tam-giác vuông, lại đến vấn đề hình tròn! Tỷ-lệ của chu-vi đối với đường kính của hình tròn lại là một số vô-tỉ,

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

3. 14159 .., bây giờ gọi là *pi* (chữ đầu của tiếng Hy-lạp *periphēria* — ngoại biên) Số ấy đã được tính đến 100.000 số lẻ nhưng có tính nữa cũng chẳng cùng. Người Hy-Lạp không chịu chấp nhận số *pi*, một tà-thuyết đối với nhận thức đang lưu-hành. Họ đã tốn rất nhiều công và thì giờ, đề cố dựng cho một hình vuông bằng một hình tròn nào đó. Dĩ nhiên mộng của họ không thành. Nếu bên ta nói được "trăm năm tính cuộc vuông tròn" vuông tròn, biểu tượng cho trời, đất, cho âm dương, cho vợ chồng, vẫn được chấp nhận một cách dễ dàng vì chỉ là một mỹ-từ-pháp, những toán-gia Hy-lạp đã chạy theo mãi việc làm vuông một hình-tròn, một sự đồng hóa, một sự hòa-hợp không thể có được. Thành-ngữ Pháp là *quadrature du cercle* chỉ, không phải về toán mà thôi, mà bất cứ vấn-đề nào không giải-

đáp được. Thật là một thất vọng lớn. Sau khi đã tìm ra trong số sự hòa-hợp tuyệt diệu và tuyệt-đối của mọi sự vật, mọi hình-thức hiểu-biết, tri-giác, trực-giác, tư-duy. Sau khi thấy số-học, hình-học, vật-lý, âm-nhạc, thiên-văn làm thành một toàn-thể, tất cả mọi điều trên trời và dưới đất làm thành một hoà-điệu, một con số, việc phát-mình ra những chiều không đo được, làm cho thuyết trên tan vỡ. Không còn sự hoà hợp thật sự giữa số-học và hình-học, giữa những số với những lượng-số liên-tục nữa.

Phải cần đến cố gắng của mấy thế-kỷ triết-lý và toán-học sau này mới phục-hồi lại được hoà-điệu tạm thời đã mất.

(còn tiếp)

CUNG-GIỮ-NGUYỄN

REGAST.T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

THÁI ĐỘ xuất bản tháng 8.

TÌNH DỤC tập hai
THẾ UYÊN dịch

Xử sự tính dục của một số sắc dân sơ khai — Các hình-thái của gia đình sơ khai — Gia đình mẫu hệ — Cái giống và cái dâm trong cổ thời — Gia đình phụ hệ thời cổ — Tình yêu thơ mộng — Huyền thoại hiện đại về tính dục — Áp lực tính dục — Động tác tính dục — Tần số giao hợp — Các trở ngại sinh lý và lằm lằm tâm lý — Giao cấu gián đoạn — Sự phá trinh — Tính dục, chính là toàn thể con người : tính dục theo Merleau - Ponty.

MỜI BẠN TÌM ĐỌC :

3 tác phẩm của Lá-Bối

– CHIẾN-TRANH VÀ HÒA-BÌNH

Tác phẩm lớn nhất của nhà văn Nga Léon Tolstoï. Sách do Ông Nguyễn-Hiến-Lê chuyển sang Việt Ngữ, tổng cộng 3.000 trang chia làm 4 cuốn). Đây chắc chắn là cuốn sách dịch công phu nhất của cây bút dịch thuật uy tín nhất, thận trọng nhất ở Việt Nam. Đây chắc chắn phải là cuốn sách cần có trong bất cứ tủ sách nào, bởi vì CHIẾN-TRANH và HÒA-BÌNH — theo ý kiến của Stefan Zweig, Marcel Proust, S. Maugham, là bộ tiểu thuyết vĩ đại nhất của nhân loại — bởi vì CHIẾN-TRANH và HÒA-BÌNH là một tác phẩm để đọc mãi, đọc nhiều lần, và mỗi lần người đọc — như lời tựa của dịch giả — lại thấy thêm một cái hay, lại biết thêm một điều tuyệt vời.

(Lời giới thiệu của tuần báo KHỞI HÀNH)

– NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI

Tác giả NHẤT-HẠNH nói chuyện với các bạn về 6 vấn đề :

* Nhận diện * Cô Đơn * Lý Tưởng * Học Hành *
Thương Yêu * và Tôn Giáo.
Tác phẩm được in lần thứ 4, đã bán hết Hai Mươi
Một Nghìn Cuốn.

– BÔNG HỒNG CÀI ÁO

của NHẤT-HẠNH

Tác phẩm ngợi ca Tình Mẹ, đã in tới nghìn thứ 70.

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

120 Nguyễn-Lâm Chợ-Lớn

PNB

A votre service

tous les services de la

**banque
nationale
de Paris**



Mahatma Gandhi

(Xin xem BK.TĐ. số 303)

tìm hiểu đúng ý-nghĩa

Bất bạo động theo Gandhi

II.— NHỮNG NỀN TẢNG VĂN HÓA VÀ TÔN GIÁO.

Bất bạo động Gandhi có những nét rất độc đáo. Nhưng một thiên tài khi vượt khu vực, không khỏi dấn dẫm trên khu vực. Gandhi không thoát khỏi thông-lệ ấy. Ông đã nhận rất nhiều ở người khác, đề rồi tổng hợp làm nên một thứ giáo-thuyết của riêng ông.

Cho đến năm hai mươi tuổi trước khi sang Anh quốc, ông đã được giáo-dục trong Ấn giáo, và nhận lấy tín ngưỡng trong giáo phái thờ Râma mà cha ông truyền cho, mà suốt đời ông trung thành với. Nhưng cho đến khi ấy, và lâu sau này nữa khi sống bên Phi-Châu, (1) ông rất dốt về giáo-lý Ấn-độ giáo, như ông tự thú trong Nhật ký của ông (2). Sau này, chạm trán với một số người Anh đương tìm hiểu Ấn-độ, nhờ

họ ông đã học và say mê cuốn Bhagavad-gitâ. Nhiều cơ hội khác giúp ông nghiên cứu kỹ về Ky-tô-giáo. Hồi ở Phi-châu, ông đọc sách thánh của các tôn giáo. * và ông «thâu lượm được ở Ky-tô-giáo, Hồi-giáo, Ba - tư - Giáo (Zoroastrism), Do-thái-giáo và An-đô-giáo một mô-kiến-thức vừa đủ đề (ông) dùng được» (3).

Khi ấy, ngay đầu thế-kỷ 20, Tolstoy đã viết song cuốn *The kingdom of god is within you*. Tolstoy (hay Tolstoi) trước sự đàn áp dân chúng của Nga-hoàng, đã phản-ứng viết nên cuốn sách này. «Bài

(1) GAJ, 100.

(2) GAJ 58-59 ; LA, 73.

(3) LA, 73 Cũng xem SYUD HOSSAIN, *Gandhi the saint as statesman*, Sutton House, Los Angeles, 1937, trg. 16.

giảng trên núi" của Chúa Giêsu (1) được ông nêu lên trong đó như một kim chỉ nam cho những tương giao giữa người với người trong xã hội. Cuốn sách ấy đã tới tay Gandhi khi ông còn ở bên Phi châu. Nhờ nó và nhờ sự liên lạc giữa ông với bậc trưởng bối Tolstoy, ý nghĩ về Bất bạo động như một sức mạnh đấu tranh chính trị đã dần dần nảy nở trong đầu óc và trái tim thanh niên hăng say của ông (2). Như thế, một trong những yếu-tố hun đúc nên Bất bạo động Gandhi đã là một điểm quan trọng thuộc giáo-lý Chúa Ky-tô.

Ảnh-hưởng Ky-tô giáo

Gandhi đã đọc rất nhiều sách về Ky-tô-giáo ngay khi ông chưa biết gì mấy về chính Ấn độ giáo.

Tại Manchester bên Anh, ông có dịp mua một cuốn Kinh thánh. Ông đọc tất cả, nhưng không thích Cựu ước. Trái lại, với Tân ước, ông thú rằng: «Tân ước» gây trong tôi một ấn tượng khác hẳn, nhất là *Bài giảng trên núi* nó đi thẳng vào tâm hồn tôi. Tôi so sánh nó với *Gitâ* (3). Câu: «Nhưng ta bảo con: đừng chống lại kẻ thù người ta làm hại con. Nếu người ta tát má bên phải, hãy đưa nốt má bên kia cho họ tát. Nếu người ta muốn đoạt chiếc áo ngắn của con, hãy nhường nốt chiếc áo khoác cho họ» (4), vâng, câu ấy đã làm tôi thích gần gũi người ra và đặt tôi trong tâm tình của Shamal Bhatt «... người ta cho con một bát nước lã, hãy trả lại bằng một bữa cơm thịnh soạn», v.v. Bộ óc non nớt của tôi cố gắng hiệp nhất giáo lý của *Gitâ*, của cuốn *Light of Asia* và *Bài giảng trên núi*. Lối từ bỏ mình ấy là hình thức tôn giáo cao cả nhất, và nó quyến rũ tôi một cách mạnh mẽ. » (5).

Mấy chục năm sau, ông còn nhắc tới cái ấn tượng sâu xa và bền bỉ Phúc âm đã để lại trong tâm hồn ông, khi ông nói với một nhóm học-sinh:

« Tôi có thể nói vắn tắt rằng: Suốt trong nhiều, và rất nhiều năm, tôi đã coi Giêsu xứ Nazareth như một trong những ông thầy lớn lao nhất mà hoàn cầu đã gặp, và tôi nói như thế với đầy lòng khiêm nhường... Tôi có thể nói rằng Đức Giêsu chiếm trong trái tim tôi địa vị của một trong những tôn sư cao cả nhất họ đã ảnh hưởng một cách lớn lao trên đời sống tôi. Hãy tạm bỏ riêng những em Kytô-giáo ra một bên. Tôi phải nói với 75 phần trăm các em Ấn giáo thụ huấn trong trường này, rằng đời sống các em sẽ không hoàn-toàn, trừ phi các em học hỏi một cách kính cẩn về giáo lý Đức Giêsu....

«Đang lúc tôi nói với các em đây, có một điều tôi sực nhớ đến, điều ấy đã xảy ra cho tôi trong những buổi đầu tiên tôi học Thánh kinh Ky-tô-giáo. Tâm hồn tôi đã bị chấn động mạnh ngay lúc đọc tới câu: «Hãy nghĩ đến Nước Thiên Chúa và sự lành thánh

(1) *Bài giảng trên núi*: «Phúc cho kẻ thanh bần trong tinh thần vì nước Trời là của họ. Phúc cho kẻ hiền từ vì sẽ được đất làm gia tài. Phúc cho kẻ đau khổ vì sẽ được an ủi. Phúc cho kẻ khát khao sự lành thánh vì sẽ được thỏa mãn. Phúc cho kẻ thương người vì sẽ được thương đến. Phúc cho kẻ trong sạch vì sẽ thấy Thiên chúa. Phúc cho kẻ gầy gò nên hòa thuận vì sẽ được gọi là con Thiên Chúa. Phúc cho kẻ bị hành hạ vì điều lành vì Nước Trời thuộc về họ. » (Mt. V. 3-10).

(2) V. SHEAN, *Lead, kindly light*, Random House, New York, trg. 294.

Cũng xem *Gandhi, the saint as statesman*, trg. 15.

(3) tức cuốn *Bhagavad-gitâ* (tạm dịch).

(4) Mt. V. 39-40.

(5) GAJ. trg. 58.

Ngài, còn những cái khác sẽ ban thêm cho các con» (1).

Sau này, khi làm việc và tranh đấu ở bên Phi châu, khi mà ông vẫn chưa có dịp tìm hiểu về tôn giáo riêng của ông, ông lại gặp những Ky-tô-hữu khác cho ông mượn sách. Ông đọc hết những sách đó và thảo-luận với họ. Trong những cuốn ấy, cuốn *Analogy* của Butler đã gây trong lòng ông một ấn tượng rất sâu xa. Như thế, cái nó đã chấn động mạnh mẽ tâm hồn Gandhi nơi giáo lý và đời sống Chúa Giêsu, đó là lòng tha thứ và sự hy sinh dù cho đến chết. Không lạ gì mà ta đọc thấy nơi cửa miệng Gandhi những câu nói rất Ky-tô-giáo như:

— «Không phải là Bất bạo động khi ta yêu kẻ yêu ta Chỉ thực là Bất bạo động khi ta yêu kẻ ghét ta» (2).

— «Tôi hy vọng tìm thấy trong nước Ấn những người bất cộng tác mà không bạo động những người mà người khác có thể nói về họ rằng: Họ đã nhận lấy những phát đạn mà không oán giận, nhưng vẫn luôn giữ trên môi lời cầu nguyện; họ cầu nguyện cho cả kẻ giết họ vì lầm không biết (*ignorant meurtrier*)» (3).

Đề nói về hy sinh, và sức mạnh của hy sinh, ông hay nhắc đến thánh giá và gương chúa Giêsu. Tiếng thánh giá cũng như tiếng tử đạo rất năng phát ra từ cửa miệng ông, như trong câu:

— «Chúng ta hãy can đảm đến nỗi có thể chết cái chết của một tử đạo, nhưng đừng ai ham mê sự tử đạo» (4).

Như ta đã thấy, hồi hai mươi tuổi khi bắt đầu sang học ở Anh quốc, Gandhi mới biết tới cuốn sách thánh Ấn độ

Bhagavad-gitâ và cuốn Tân-ước Ky-tô giáo. Cả hai cuốn đã làm ông say mê và chúng ảnh hưởng sâu rộng đến tâm hồn ông. Sau này ở Phi-châu, ông đã suy nghĩ và so sách hai cuốn sách đó. Trở về Ấn độ rồi, năm 1919, ông dịch Bhagavad-gitâ sang tiếng Gujarati kèm thêm chú giải. Ông thú rằng: «Bản chú-giải Gitâ của tôi đã bị học giả theo truyền thống phê bình là chịu ảnh hưởng một cách không đáng do Bài giảng trên núi.» (5).

Mọc lên từ đất Ấn

Gandhi đã khám phá ra Bất bạo động và bắt đầu đấu tranh bất bạo động trong vòng tám năm bên Phi châu trước khi về tiếp tục như thế ở Ấn. (6) Cho đến khi sống bên Phi châu, như ông tự thú, ông vẫn chưa học hỏi gì về Ấn độ giáo cả. Và suốt từ năm hai mươi cho đến khi ấy, ông đã chịu ảnh hưởng nhiều bởi Chúa Giêsu và các tác giả Ky-tô giáo. Của Ấn giáo, ông chỉ mới biết sơ sài cuốn Bhagavad-gitâ. Cho nên, có thể nói là ý tưởng Bất bạo động của ông

(1) Mt. VI. 13

(2) GAL. 102

(3) SB. 18 hay MB. 113, Thử so sánh câu nói trên của Gandhi với câu chúa Giêsu nói «Nếu các con yêu kẻ yêu mình, thì có gì đáng kể đến. Kẻ tội lỗi cũng yêu kẻ yêu mình đó thôi. Nay ta bảo các con, hãy yêu kẻ thù mình hãy cầu cho kẻ khủng bố mình, hãy chúc phước cho kẻ nguyện rửa mình» (Mt. V. 41 sq; Lc VI 2/ 59)

(4) LA. 17. Hãy so sánh câu đó với lời chúa Giêsu trên thập giá đã cầu cho kẻ giết mình «Xin Cha hãy tha cho chúng vì chúng lầm không biết.»

(5) Let us all be brave enough to die the death of a martyr, but let no one lust for martyrdom. » (*Harijan*, 13/1/1927).

(6) *Lead, kindly light*, trg 290.

(7) Ông ở Phi châu từ 1893 đến hết năm 1914.

đã gieo mầm và lớn lên do ảnh hưởng giáo lý Ky tô giáo. Sao này Bên Ấn, có dịp nghiên cứu về tư tưởng Ấn độ, ông mới nhận thấy lối đi của ông rất hợp với những gì là tinh hoa của tư tưởng đó, như: tinh thần phản ích kỷ, phải ham muốn và tư lợi, lòng luyện ái bao la, sự hiểu sinh và hiểu hòa nó vừa là của Ấn độ vừa là của chung Đông phương (1). Tư tưởng Ấn độ giúp ông đào sâu thêm ý tưởng Bất bạo động, cái Bất bạo động mà ông đã khám phá ra chẳng những trong giáo lý Chúa Giêsu, mà còn từ trong chính ông nữa. Quả thế, nếu giáo lý Chúa Giêsu về Bất bạo động ngay từ phút đầu đã chấn động mãnh liệt tâm hồn một người ngoài văn hóa Ky tô giáo như Gandhi, đó là vì Gandhi như một khu vườn, đã được bón tưới và chuẩn bị cho tư tưởng đó. Sự chuẩn bị là do bản tính của ông cũng như do di sản văn hóa Ấn tiềm tàng trong ông. Và lại, tuy ông đã nhận lấy tư tưởng Bất bạo động từ trong Ky tô giáo, nhưng ông đã sống nó và quan niệm nó một cách rất độc đáo, phả vào nó một bản sắc hoàn toàn Ấn độ. Chính ông nói về cái « tôn giáo Bất bạo động » ấy, cũng « tin rằng nó là gốc rễ của Ấn độ giáo » (2).

Từ muôn xưa, Ấn độ đã có ít nhiều thói quen hiểu-sinh. Luật *Manu* coi giết người là tội nặng nhất. Giết, theo tiếng sanskrit, là *han*, *hani*, do đó có himsâ là việc gì t. Vậy ahimsâ nguyên nghĩa là Vô-sát.

Veda cũng cấm giết: *mâ him-yât*, và việc cấm chế này có lẽ áp dụng đối với động vật nói chung. Tuy nhiên, nền tảng của Veda là tế-tự, trong đó sinh tế chiếm một phần tối ư quan trọng. Đi sau Veda, Upan'sad không màng đến tế-tự nữa, và Sâmkhya sau này, trong

các bản chú giải và toát yếu, cấm làm hại mọi sinh-vật dưới bất cứ hình thức nào. Nói cho đúng ra thì ngay từ trong Veda, đã phát sinh một ý-niệm một ngày kia sẽ dẫn đến việc tôn kính sự sống nói chung. Đó là ý-niệm về hồn sống và sự sống duy nhất cho hết thảy các sinh vật. Sự sống duy nhất ấy được thể-hiện nơi *khî* gọi bằng những danh từ như *vâ'a* (khí, gió), *Prâna* (hơi thở) và *âtman* (hơi thở). Sau này, trong những đức tính cần có của Ấn-hữu, *Prasastapâda* kể đến Vô-sát (*ahimsâ*), hiểu sinh (*bhuta-hitatva*) và nộ-chế (*krodha-varjana*). *Bhâgavad-gîtâ* cũng nhấn mạnh về những đức tính đó và nhiều đức tính khác: nữa, như thương xót (*dayâ*) và tha thứ (*ksânti*), Và lại, ngay từ trước thời đức Phật người dân Ấn đã rất kỵ việc sát sinh dù không do chủ ý, nhất là đối với người tu-hành. Những người này tránh đi đây đó trong mùa mưa, vì khi ấy sâu bọ và hoa cỏ sinh sôi nảy nở rất nhiều bên lối đi. Cũng vì thế, nên khi thấy đồ đệ Đức Thích ca cứ đi lại như thường trong mùa mưa, người ngoài đã chỉ trích nhiều khiến cho đức Thích ca rồi cũng cấm việc đó (3).

Tuy lòng tôn kính sự sống đã phả cội bên Ấn ngay từ trước đức Thích ca, nhưng nó đã được đẩy mạnh hơn cả trong tôn giáo Phật và Jaina để trở nên sắc thái riêng biệt của hai tôn giáo này và ảnh hưởng vật trở lại cho Ấn giáo.

Trong Jaina, những thức ăn tín hữu dâng cho tu-sỹ chẳng những không được

(1) Trong *Luận-ngữ*, đức Khổng cũng hay nói đến tiếng Hòa, và Ngài cho rằng trong việc trị quốc, quân binh là cái thứ nhất ông muốn bãi bỏ.

(2) MB.140.

(3) *Vinaya pitaka*, liệt *Mahāvagga III* và *Pācittiya XXXIX, v.v.*

chứa sự sống, mà có khi còn không được chạm tới sự sống nữa. Thậm chí đến nước uống cũng phải đun sôi, không phải để giết trùng, nhưng để tránh giết trùng do ăn uống. Trong năm lời đại-nguyện của tu-sỹ, có lời nguyện tránh làm hại sự sống. Sự tôn kính sự sống quan yếu đến nỗi nó khiến cho tất cả các yếu tố khác thành tùy-phụ. Nhiều khi người ta còn mang chim muông, súc vật già yếu hay bệnh tật về cứu chữa và nuôi nấng nữa (1).

Phật giáo cũng lấy kỳ sát sinh làm tối quan trọng và cũng cấm tu-sỹ uống nước có sinh vật bên trong. Ngoài ra, Đức Phật còn cấm họ dùng đồ tơ lụa, vì để dệt nên một tấm lụa, phải giết chết nhiều con tằm. Và câu nói sau đây nói lên đầy đủ tâm tình Đức Thích ca đối với chúng sinh.

— « Tu-sỹ phải thôi sát sinh, kỳ sát sinh. Y phải hạ gậy và khí giới xuống. Y phải đầy tình thương xót, lòng trắc ẩn ; đầy luyện ái, y phải tìm điều lành cho chúng sinh. » (2)

Cho nên, chẳng những kỳ sát sinh trong hành động, tu sỹ còn phải tránh xa những tâm tình thù hận, giận dữ (3) và nuôi dưỡng một lòng luyện ái và xót thương phổ biến đến hết mọi người và mọi sinh vật.

Tiếng xót thương (anukampā hay anukampana) luôn luôn ở cửa miệng Đức Phật. Lòng xót thương ấy mênh mông vô hạn (4), mà đối tượng là tất cả «vũ trụ, thần linh và loài người» (5). Bằng tấm lòng xót thương đó, Đức Phật đã xót thương chúng sinh, và cùng trong một tâm tình, tu-nhân phải xót thương chúng sinh (6), cộng đoàn bhikṣu (tỳ-kheo, tức tu-sỹ nam-giới) phải xót thương cộng đoàn bhikṣuṇī

(ni-cô, tức tu-sỹ chính danh nữ giới) (7). Lòng thương xót ấy là lòng thương xót của người trên nhìn xuống người dưới, của người mẹ đối với con, và nó đòi hỏi một hy sinh vô bờ bến (8). Teviggā-sutta (III.1 và 3) và Mahāsudāsana-sutta (II.9-11) còn tuyên giảng một tình yêu thương và luyện ái bao trùm lấy toàn vũ-trụ « trên, dưới, xung quanh và đâu đâu cũng có ».

Sau này, Phật giáo đại thừa càng ngày càng đi sâu hơn vào tình thương. Đức Phật trở nên, không phải một người thường trước đây hay trong tiểu kiếp, nhưng chính là một Bồ tát, vì « đầy tình trắc ẩn », đã sinh đi sinh lại nhiều phen để cứu nhân độ thế, vị tha cho đến hiến thân mình để cạo và điều-hầu ăn. Điều thiện trở nên đồng nghĩa với vị tha. Và chỉ thực sự là lành thánh kẻ nào lành thánh vì người khác chứ không phải vì mình nữa.

Ở cái lòng vị tha duy tha và phổ biến ấy, ta như đã nhìn thấy một phần những yếu tố chủ chốt của quan niệm Gandhi

(1) A. BAREAU. *Les religions de l'Inde* tập II, Payot, Paris, 1966, trg. 270,

(2) OLDENBERG, *Le bouddha...*, Paris, 1934, trg. 329.

(3) Mahāvagga V.1.21-24.

(4) Sutta-nipāta

(5) Vinaya-pitaka. Culavagga XI.1.10, v.v. hay Majjhima-nikāya XL.1. 257 ; L.1.335, v.v.

(6) Culavagga IX.5.7 ; Mahāvagga 1.11.1, v.v.

(7) Culavagga X 19.3.

(8) « Như người mẹ bảo vệ đứa con một dù cho đến chết người Phật-hữu cũng phải nuôi trong mình một tâm tình quảng đại như thế đối với hết thảy chúng sinh. » (Sutta-nipāta. Cf. OLDENBERG op. cit. trg. 330

(9) DeLA VALLÉE-POUSSIN, *le dogme et la philogophie du bouddhisme*, Paris, 1930 trg 39-41.

về bất bạo động, và cho cả đến nguyên tắc đấu tranh của Gandhi, ta cũng tìm thấy rải rác trong các bản văn Phật giáo như Dhamma-pada. I.5 :

— «Thù hận không bao giờ rửa hết bằng thù hận. Thù hận chỉ rửa hết bằng yêu thương thôi, và nguyên tắc này có giá trị vĩnh viễn. »

Đạo đức Phật giáo đã góp phần lớn vào việc hun đúc nên trong tâm hồn người Ấn một khuynh hướng luyện ái phổ biến, và cái tâm-hướng ấy đã là mảnh đất từ đó mọc lên bất bạo động Gandhi cũng như bao tình cảm vị tha khác của thánh hiền trước Gandhi.

Gandhi đã chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi cuốn Bnagavad-gitâ (1). Cuốn sách này truyền bá con đường tin tưởng, trao phó tất cả thân mình cho đức chúa (isvara) và hành-động theo bốn phận mà không thiết chi đến nhung lợi lộc do hành-động mang tới. Vị kỷ vị lợi là nguyên-động-lực thông thường thúc đẩy hành động. Do đó, Vedânta khuyên bỏ hành động, còn Gi. â, thông minh hơn, tuyên giảng một hành động vô vị lợi, và nguyên tắc này đã trở nên phương châm đời sống Gandhi.

Đối với Gandhi, thì Thiên Chúa là yêu thương, do đó thực hiện Chúa là đi sâu vào một tình yêu bao la vô hạn. Gandhi thuộc khuynh hướng Bhakti, khuynh hướng tôn giáo lấy việc yêu mến thần linh làm đường lối giải thoát. Nhiều bhakta (tín đồ đạo hạnh trong Bhakti) đã gieo mình vào con đường yêu một cách say sưa, nhưng thực ra, phải có một thiên tài như Gandhi mới nghiệm thấy sâu xa rằng Đức Chúa quả là «Chúa của tình yêu» (2).

Yêu thương Chúa, các Bhakta đã khám phá thấy tình yêu đối với chúa. Và Tukârâm đã nhìn nhận :

— « Nếu đang khi người cầu Chúa, có kẻ gõ cửa mà người giả ngơ, thì lời cầu của người là một phạm-hạnh. »

Cái bốn phận yêu thương này phải được thể hiện bằng hành-động. Và nếu Gi. â khuyên nên hành động vô vị lợi, thì Tukârâm, tích cực hơn, chỉ muốn « hành động vì hạnh phúc của người khác mà thôi » (3).

Gandhi đã nhờ Ky tô giáo mà khám phá thấy Bất bạo động, cái Bất bạo động một phần nào như đã tiềm tàng sẵn trong mình nhờ gia-sản dân tộc tính. Sau này, có lẽ càng đào sâu vào tôn giáo nước mình, Gandhi càng khám phá thấy Bất bạo động là của chính mình và của dân tộc, khiến ông phải thốt nên :

— « Tôi như lấy Ấn-độ như đứa trẻ thơ bám vào lòng mẹ nó, vì tôi cảm thấy Ấn-độ cho tôi thức ăn thiêng liêng tôi cần đến. Ấn độ có một khung cảnh đáp ứng cho nguyện vọng cao cả nhất của tôi » (4).

Gandhi đã nghiệm thấy Đức Chúa là Bất bạo động, là Sự thực. Nói rằng Đức Chúa là Bất bạo động, ông đã mang cuộc đấu tranh xã-hội của ông sang phạm vi tôn giáo và phả vào nó một ý-vị thiêng liêng, thần thánh. Ngày nay, người ta đã ti-tiện-hóa chính-trị, và tiếng chính trị đã trở nên đồng nghĩa với mảnh khoe, lừa bịp. Đồng nhất Đức Chúa với Sự thực (satya) và đặt tên phong trào của mình là Satyagraha (bám vào Sự thực),

(1) Cuốn sách này Viết từ đầu Ky-tô kỷ nguyên

(2) Đức Chúa của Gandhi mang danh hiệu là Râma. Râma là một avatâra (hình thức giáng trần) của Visnu.

(3) *Psaumes du pèlerin*, do Deleury dịch, Callimard, Paris, 1956, trg. 13.

(4) MMC. 113 hay MB 142.

PHIÊN ÂM ĐÚNG

những chữ chưa phiên âm
đúng trong bài

ahimsā

īśvara

upaniṣad

kṣatriya

kṣānti

Prasastapāda

prāṇa

brāhmaṇa

bhagavad-gītā

bhūta-hitatva

bhikṣu

bhikṣuṇī

mā hiṃsyāt

vaiśya

sāṃkhya

śūdra

Viṣṇu

ông cố mang thẳng thắn và thành thực vào chính trị. vì thực ra, chỉ có tin nhiệm vào nhau và thương yêu nhau mới có thể giải quyết mọi vấn đề và mang hòa bình tới cho con người.

Sự thực với ông không phải là những tín-diệu có tính cách ép buộc từ ngoài vào, nhưng nó đã nắn sâu trong con người dù nó vượt con người, khiến con người phải tiến tới bằng tin tưởng. Sự thực đây là sự thực của đời sống. Nó đúng là Đạo tức con đường vừa đã có trong ta, vừa tiếp tục dẫn ta tới. Cho nên, Gandhi « không bao giờ nói rằng mình đã trình bày một khoa học đầy đủ về Bất bạo động ». Chính ông

cũng « chỉ là một kẻ đi tìm » (1), và luôn luôn còn phải tìm, phải tiến tới.

Con đường tiến tới đây là một con đường lao khổ, một con đường tu đạo. Cho nên, theo Gandhi, cần phải biết trai tịnh, diệt dục, giới dâm (brahmacharya), mới có thể hiểu nổi Bất bạo động. Một bất bạo động như thế không phải là công việc dễ dàng của mấy chú hippy ưa giật gân hay của những nhà chính trị sa lông. Không phải bất cứ thánh nhân nào cũng là đại đệ tử của Bất bạo động, nhưng một đệ tử hoàn toàn của Bất bạo động chỉ có thể là một đại thánh.

Hoành Sơn HOÀNG SỸ QUỲ

CHỮ VIẾT TẮT

Cant.	<i>Cantique des cantiques</i>
GA	GANDHI, <i>An autobiography</i> , nhà xuất bản Navajivan, Ahmedabad, 1948.
GAJ	Cùng cuốn sách đó, nhưng do Jonathan Cape tái bản tại London năm 1966.
GSt	GANDHI, <i>To the students</i> , Navajivan.
LA	GANDHI, <i>Lettres à l'ashram</i> , Albin Michel, Paris, 1960.
Lc	Phúc-âm Luca.
MB	GANDHI, <i>All men are brothers</i> , Navajivan, 1960
MGP	PYARELAL, <i>Mahatma Gandhi, the last phase</i>
MMG	PRABHU and RAO, <i>The mind of Mahatma Gandhi</i> .
Mt	Phúc âm Mathieu.
NVR	GANDHI, <i>Non-violent resistance</i> , Schockenbooks, New York, 1961.
SB	NIRMAL KUMAR BOSE, <i>Selections from Gandhi</i> , Ahmedabad.

KRISHNAMURTI

ĐƯỜNG VÀO

HIỆN SINH

Commentaries on Living

AN TIÊM

một trái bom nổ giữa khối óc — giữa lương tâm —
giữa thực tại — giữa tất cả dòng hiện sinh nham nhở
của thể hệ

ĐƯỜNG VÀO HIỆN SINH

(Commentaries on Living)

tác giả : Krishnamurti

dịch giả : Trúc Thiên

An-Tiêm xuất bản và phát hành

sách dày 608 trang, giá 290đ

Vũ khí hóa học, vũ khí vi trùng

Dùng hóa chất để tiêu diệt địch thủ không phải là một khám phá mới lạ. Những bộ lạc thuở xưa đã từng biết bỏ thuốc độc vào giếng nước hay nhúng những mũi tên vào chất thuốc khai trích từ cây, rêu ra. Nhưng chiến tranh hóa học chỉ thật sự bắt đầu năm 1915, khi các tướng lãnh Đức cho rải 170 tấn khí chlore lên quân đội Pháp ở làng Ypres. Kết quả đầu tiên: 5000 người chết, 10.000 người bị thương.

Và đây chỉ là một cuộc thử ban đầu. Cho đến cuối đệ nhị thế chiến, 125.000 tấn chất thuốc đã được rải khắp chiến trường, gây ra khoảng 1.300.000 thương binh. Năm 1918, các nhà máy Đức cho sản xuất vũ khí hóa học một số lượng tương tự với các chất nổ.

Vì vậy, ngay từ đầu đệ nhị thế chiến, người ta đã lo sợ một cuộc chiến tranh hóa học bùng nổ. Nhưng không, khí độc, chất thuốc vì quá ghê tởm, chẳng được bên nào dùng. Những khí giới thuộc vào hạng "xử dụng" trước kia đã biến thành những khí giới "gián chi", chỉ còn có mục đích dọa nạt và làm sợ địch thủ. Khi đệ nhị thế chiến chấm dứt với tai nạn Hiroshima, người ta quên hẳn khí độc của đệ nhất thế chiến và chỉ lo sợ một cuộc tàn phá dữ dội của những quả bom nguyên tử nếu một ngày nào đệ tam thế chiến không thể tránh được.

Từ đây, cuộc chạy đua vũ khí nguyên

tử bắt đầu. Từ quả bom tương đương với 13 ngàn tấn chất nổ, người ta đã chế những quả bom lớn dần cho đến 20 triệu tấn. Từ những quả bom chỉ có thể thả từ máy bay, người ta đã chế tạo những quả bom mắc vào đầu hỏa tiễn phóng từ bất cứ chỗ nào đến chỗ nào. Các vũ khí nguyên tử ngày nay đã đạt đến độ hoàn hảo cao siêu đến nỗi ai cũng ghê sợ, chẳng dám dùng, và thật là mâu thuẫn, chúng trở thành những khí giới gián chi thay thế những khí độc trước kia.

Vũ khí gián chi vũ khí xử dụng

Trong lúc ấy, những vũ khí hóa học và vi trùng, trái lại, được đặc biệt khảo cứu. Không phải người ta chỉ tìm những chất thật độc, giết được nhiều người với định phân nhỏ ít, mà là chế biến những chất thuốc tế nhị chỉ làm tê liệt, mù quáng địch thủ trong chốc lát ngoài trận địa. Những vũ khí này, cách đây không lâu còn là gián chi, bây giờ thật đã trở nên xử dụng. Báo chí những năm sau này đã không ngớt bàn tán.

Lẽ tất nhiên các nhà bác học có lương tâm không thể đứng đứng trước những áp dụng nguy hiểm của khoa học. Các nhà bác học Anh, Mỹ đã nhiều lần lên tiếng phản đối trong tạp chí Science. Năm 1967, 5.000 nhà khoa học Mỹ

đồng ký một bản văn kiện cảnh cáo các chánh phủ và tố cáo trước dư luận những nguy hiểm của một cuộc chiến tranh với vũ khí hóa học, vi trùng.

Tuy vậy, cuộc khảo cứu và chế tạo các vũ khí này vẫn được tiếp tục. Ở các chiến địa như ở Việt-nam ta, người ta đã nói nhiều đến tác dụng của các chất thuốc. Ở các phòng thí nghiệm thì thỉnh thoảng có một vài tai nạn thoát lọt ra ngoài chứng minh cuộc khảo cứu đang được tiến hành. Ai cũng còn nhớ chuyện một nhà sinh vật học Anh bị chết dịch hạch : ông ta khảo cứu về vũ khí hóa học và vi trùng ở trung tâm Porton. Còn ở trung tâm Dugway bên Hoa-kỳ thì hôm 13-3-1968 một cơn gió mạnh bất thường đã thổi ra ngoài một luồng khí độc giết mất một đàn 6.000 con cừu nuôi cách đó 40 cây số !

Dư luận Anh có lẽ đã phản ứng mãnh liệt nhất. Một dân biểu, ông Tam Dalyell, tố cáo những trung tâm Anh đã cộng tác trong công cuộc chế tạo các vũ khí hóa học và vi trùng. Bị dư luận dồn ép, chính phủ Anh đã phải mở cửa trung tâm Porton, tổ chức ba ngày hội thảo đầu năm nay. Kết quả là chính phủ Anh, hôm đã đề nghị thêm vào mục vũ khí vi trùng phải cấm trong chương vũ khí hóa học ở văn kiện ký năm 1928 tại Genève. Sau đấy, Liên-hiệp-quốc được hai nước Gia-nã-đại và Ba-lan hướng dẫn cũng muốn điều tra về các vũ khí hóa học và vi trùng. Thành thử bắt đầu từ năm nay người ta đã phải đưa ra nhiều chi tiết về các vũ khí nguy hiểm này.

Ai cũng biết hầu hết các cường quốc đều có trung tâm khảo cứu về các khí giới hóa học và vi trùng. Như trên đã thấy, Anh có Porton. Ở Hoa-kỳ, ngoài Dugway, còn có Fort Detrick, Edgewood

Arsenal. Ở Pháp có B.uchet, Tarbes. Ở Thụy-điền có trung tâm S.ockholm. Nhiều trung tâm không được định chỗ cũng có ở Liên-xô. . Nói chung, công cuộc khảo cứu của các trung tâm ấy đều nhằm ba mục đích :

— phát triển vũ khí giết người mãnh liệt để gây sợ hãi bên phía địch thủ, từ đấy dễ vận động những điều kiện gián chi ;

— « nhân đạo hóa » chiến tranh bằng cách chế ra những vũ khí xử dụng chỉ giúp thắng trận mà không giết người (!) :

— hoàn hảo những phương pháp đề phòng chống lại những vũ khí ấy.

So với cuộc khảo cứu các vũ khí nguyên tử, những trung tâm này chẳng tốn phí bao lăm. Ở Hoa-kỳ chẳng hạn, mỗi năm chỉ cần có 300-400 triệu Mỹ kim là đủ, chứ không cần hằng tỷ Mỹ kim. Và số tiền bé nhỏ ấy đã là đủ để thi hành những chương trình rộng lớn.

Hiện nay khó lòng biết rõ được tiến triển trong môn khảo cứu các vũ khí hóa học và vi trùng. Tuy nhiên, dựa trên những tài liệu mà người ta đã tóm tắt đưa ra, ta cũng đã có được một khái niệm tổng quát nếu không về các vũ khí thật sự thì cũng là về con đường khảo cứu và những vũ khí sẽ được chế tạo.

Hóa chất ngăn cản tiến triển sinh lý

Trước hết là các loại khí được dùng trước tiên trong đệ nhất thế chiến. Khí chlore tuy tác dụng mạnh, có thể dùng khăn tay tẩm nước tiểu đặt lên mũi là tạm thời trừ khử được. Vì vậy nhiều khí khác đã tiếp tục ra đời : phosgène, acide cyanhydrique và nhất là một loại sulfure d' éthylène dichloré hơi như mù-tạt nên gọi là khí mù-tạt, còn được

mạnh danh là ypérite. Khí này dính vào áo quần da thịt rất khó giặt chùi. Ngay nay nó còn được hoàn hảo thêm và có những khí ypérite duy trì được đến 6 tháng trong một vùng.

Nhưng khí càng mạnh, càng dai thì những phương pháp đề phòng, mặt nạ cũng càng tiến triển. Vì vậy, từ năm 1937 người ta xoay qua các chất diệt trùng có thể tác dụng lên động vật có vú. Đây là những chất hữu-cơ có thể n lần được khảo cứu rất nhiều ở hãng I.G. Farben bên Đức. Những chất này là nguyên liệu để chế tạo một loại khí tác dụng lên thần-kinh-hệ gọi là khí trilon. Trái với những khí từ trước chỉ tấn công một tổ chức đặc biệt của cơ thể, loại khí này kèm hãm một cuộc tiến triển sinh-lý-học cốt yếu, ngăn cản sự chuyển di giữa các bắp thịt và các giây thần kinh.

Để chuyển di những dấu hiệu thần kinh, cơ thể cần một hóa chất gọi là acétylcholine, nếu thừa thì có giếu-tổ cholinestérase hủy phá đi. Những khí độc trilon có tính chất ngăn cản cuộc chế tạo giếu-tổ này. Vì vậy, acétylcholine ứ đọng, những chuyển di từ giây thần kinh qua bắp thịt bị nhiễu loạn, con người bắt đầu run rẩy rồi cơ quan hô hấp tê liệt trước khi toàn cơ-thể hết còn biết cử động. Với nồng độ vừa phải (400 mg/n.³/phút) thì một vài phút thôi là đủ để giết người. Loại khí trilon đầu tiên được chế ra là tabun, mạnh gấp khí phosgene 20 lần, đặc biệt vô sắc, vô hương, vô vị, nghĩa là khó lòng tìm ra được trước khi nó tác dụng vào cơ thể.

Bị khí tabun tấn công đánh phá thì có thể uống atropine để giải độc nhưng phải uống ngay (và nếu có!). Sau này

còn có khí sarin, độc gấp 4 lần khí tabun, thường được rải vài giờ trước khi tấn công. Quái khí sau cùng trong loại này tên là soman, dai như tabun, độc như Sarin, tác dụng rất phức tạp và không biết chữa bằng cách nào.

Mọi cường quốc đều có những khí này. Người Mỹ gọi chúng là « nhân viên G ». Họ còn hoàn thiện thêm thành ra GE hay GF. Sau này như tưởng những khí V còn độc hơn nhưng ta không biết được công-tức hóa-học. Những khí V ít bốc hơi nên bị một miligam chạm lên da là không tránh khỏi Tử thần. Như vậy mặt nạ hết còn đủ: cần phải cả một bộ áo quần đặc biệt mới phòng vệ được.

Bên cạnh những khí hóa học này còn cần phải kể thêm những độc-tổ sinh vật học cũng cùng đặc điểm. Những độc-tổ này khai từ sinh vật ra. Thí dụ cổ điển nhất là độc tố butylique được các khảo-cứu-viên Hoa-kỳ trích từ vi trùng clostridium botulinum ra. Sức độc của nó lớn gấp bội các khí hóa học: một gam có thể chứa 110 triệu định-phân giết người, nghĩa là toàn lãnh thổ nước ta chỉ cần 500 mg!

Vi trùng truyền dịch, gây phát cúm, kiết.

Những vũ-khí này hiện đang được chế biến ở nhiều nơi, đặc biệt ở trung-tâm Pine Bluff Arsenal bên Hoa-kỳ. Chúng đã được dùng nhiều mặc dầu điều kiện xử dụng lắm khi rất khó khăn (chẳng hạn như khi trời gió). Hơn nữa người ta chưa biết rõ tác dụng lên con người. Những cuộc thí nghiệm lên thú vật chỉ giúp các khảo-cứu-viên suy đoán được ít nhiều. Đặc biệt là khó lòng giới hạn được sức tàn phá của chúng. Thử

tưởng tượng một bệnh dịch-hạch lan tràn mà chẳng thấy phương cách ngăn cản.

Tuy nhiên muốn gây một bệnh dịch hạch cũng chẳng phải dễ. Trong số 160 chứng bệnh đã được kê, rất nhiều chứng chẳng được dùng hoặc vì khó lan tràn, hoặc vì dễ chữa, hoặc vì thời kỳ ấp trứng quá lâu... Những phò g thí nghiệm chuyên khảo đang tìm một chứng bệnh mạnh và lại dễ gây ra bệnh. Vi trùng thổ tả chẳng hạn cần phải tiêm, tuốt vào cơ-thể mới tác dụng nên bị loại ngay. Trái lại, những vi trùng đậu mùa, dịch hạch là những mẫu tốt. Ngoài ra chứng bệnh cần phải dễ truyền nhiễm, từ một hơi thở đã có thể chuyển qua một số vi trùng. Lẽ tất nhiên nước càng văn minh, điều kiện vệ sinh toàn hảo, thuốc men đầy đủ thì gây dịch lại càng khó. Song người ta thường bảo cá: môn bài phản khoa-học, bài phản y-khoa tiến cũng lành không kém gì khoa-học, y-khoa. Thật vậy, thế nào rồi đây cũng sẽ ra đời những vi trùng đặc biệt vượt qua khỏi mọi vũ khí thuốc, chịu đựng được mọi chất kháng sinh.

Nhưng một vi trùng mạnh như thế liệu rồi có trở ngược lại tấn công ngay cả người đã dùng không? Vì vậy, những vũ khí vi trùng truyền dịch hạch nặng có lẽ rồi lại thành gián-chỉ và chỉ có

những vi trùng tầm thường như cúm, kiết lại được thường dùng hơn. Tiêm vào những vi trùng loại thông thường này, cũng nên kê thêm những hóa chất làm rụng hoa lá, phá hại mùa màng mà dân ta đã từng được mục kích và những thứ khí làm chảy nước mắt, gây ra cơn ho mà xóm La-tinh ở Paris đã được nếm nùi những bom đầu hè 1968.

Lên một bậc cao hơn nhưng vẫn còn nằm ở địa hạt sử dụng là những chất kích thích tâm lý loại LSD. Người nuốt những chất này vào thì hết còn biết tự kiểm tra và có thái độ như người điên cuồng. Tuy nhiên, như tuồng quân đội thích những chất kích thích thì h vật chất hơn là những chất gây nên hạ lý giảm cương lực, mất bình hoành vì dễ chế tạo và tác dụng nhất thời.

Ngày nay những chất làm mờ mắt trong chốc lát cũng đã được tìm ra nhưng chưa ai dám đem dùng, có lẽ rồi đây người ta sẽ xoay về những chất sẽ làm rã rời cơ thể, tất nhiên giảm hạ sức chiến đấu của địch quân. Hay hơn nữa một chất thuốc ngủ trong một thời gian hạ giáp được cả một đội quân. Đây sẽ là một vũ khí không nguy hiểm, theo lời biện giải của những người đang đèo đuôi công tác tìm kiếm vũ khí hóa học và vi trùng. Họ nói muốn « nhân đạo hóa » chiến tranh.

Nhân đạo hóa chiến tranh! Nếu thật muốn nhân đạo hóa thì thôi đừng gây chiến tranh còn hơn.

VÕ-QUANG-YÊN.

THUỐC BÒ : **ACTIVIT**

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI,
BỒ BỔ CƠ THỂ,
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN.

Loại sách nhi đồng

TUỔI THƠ

Tương lai nước Việt-Nam sau này hay hay dở đều do sự giáo-dục hiện tại của lứa thiếu nhi mầm non của đất nước.

Chúng ta, cũng như hầu hết các phụ huynh học sinh, từ lâu hằng ao ước có một tủ sách giáo dục lành mạnh dành cho con em, để tránh cho các trẻ khỏi phải đọc loại sách nhảm nhí hiện đang tràn ngập trên thị trường sách báo.

Chúng ta đã từng xót xa đau đớn nhìn thấy đám trẻ thơ ngây say mê đọc soái sách trinh thám và kiếm hiệp rẻ tiền, loại sách khiêu dâm và quái đản, những thứ lách đầu độc trí óc non nớt của con em chúng ta.

Để góp phần nào vào sự giáo dục trẻ em Nhà sách Khai Trí cộng tác với một số nhà văn nhà giáo tha thiết đến tương lai con em, cho xuất bản loại sách nhi đồng **TUỔI THƠ**, một loại sách giải trí lành mạnh viết đúng chính tả, văn phạm, ấn loát rõ ràng, giá bán phổ thông, đáng được hãnh diện trưng bày trong mọi tủ sách gia đình.

Chúng tôi hy vọng loại sách nhi đồng **TUỔI THƠ** sẽ giúp ích cho các em và là món ăn tinh thần cần thiết của thiếu nhi Việt-Nam.

Nhà sách KHAI-TRÍ

Những sách **TUỔI THƠ đã xuất bản :**

Đứa bé mù	Bửu Kế	Linh Miêu	Bửu Kế
Dinh Thầy	Phan Du	Của báu nhà họ Vương	Phan Du
Hai chiếc nhẫn thần	Lương Nhân	Con nước dột	Lương Nhân
Con đĩa thần	Nguyễn Văn Xuân	Cái quái chèo	Nguyễn Văn Xuân
Thần điều và hoa hồng	Thầm Thệ Hà	Đoàn quân áo đen	Thầm Thệ Hà
Lòng quảng đại	Cấn Huy Tằng	Thần đồng	Anh Huy
Những người tí hon	Lê Tất Điều	Dũng võ sĩ	Lê Tất Điều
Người bạn mới	Nhật Tiến	Hoàng tử Anh Đào	Tiêu Sử
C giấc mơ Hoàng Tử	Hoàng Trúc Ly	Cô bé Rừng Xanh	Hoàng Trúc Ly
Bến dò Bà Một	Lưu Nghi	Người tham hóa đá	Trương Vạn Năng

GIÁ PHỔ THÔNG CHỈ CÓ 10 Đ. BẢNG TIỀN NĂM XÔI NHỎ



Nhức đầu
• Nhóng
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCĐP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY:

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỎ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

TRĂM VIỆT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH :

(Xin xem B K. T Đ. từ số 290-291)

M Ậ - L Ậ

trường-hợp một phòng tuyến vô

Dưới thời Pháp thuộc, ở Việt-Nam, Hoa-Kiều đã lập được một thứ Chinatown là Chợ Lớn và lũng đoạn được kinh-tế toàn thể miền Nam, nhưng ngược lại ở Miền Bắc, Hoa-Kiều đã phải tranh đấu để tồn tại một cách chật vật (1). Ngoài những lý do kinh tế, chính-trị, một điểm nổi bật mà ai cũng nhận thấy là ý-thức tự vệ mạnh mẽ của những người ở sát nách ông bạn láng giềng đáng sợ kia.

Toàn vùng Đông-Nam-Á cũng vậy, phòng tuyến Miến-Thái-Việt dằng ngang đã chặn phần lớn các đợt di cư ào ạt của người Tàu trong thế-kỷ vừa qua, nhưng trên mặt biển Nam-hải môn không có một chướng ngại nào giữ chân những đoàn quân xâm lược không vô trang ấy.

Kết quả là ngày nay một nước Tàu thứ ba sau Hoa-lục và Đài-Loan là Tân gia ba (2) đã chánh thức ra đời ngày 9-8-1965 khi tách ra khỏi Liên-bang Mã-lai-Á.

Một hải đảo Tân-gia-ba giàu có chưa được coi là đủ ! Năm trọn chủ quyền kinh tế tại Liên-bang Mã-lai Á cũng chưa được coi là đủ ! Người

(1) Ước lượng số Hoa-Kiều ở Việt-Nam sau thế-chiến 2 là 50.000 ở Miền Bắc và 780.000 ở Miền Nam (Communist China and Asia - A. Doak Barnett)

(2) Tân-gia-ba là tiếng người Tàu phiên âm chữ Singapura, có nghĩa là Sư-thị. Singa: Sư-tử, Pura: Đô-thị.

CÁO LỖI

Cuối bài Cao-Miên với thể trung lập chông chênh trên Bách-khoa số 303 (15-8-69) trang 20, có thừa một hàng, còn tiếp một kỳ. Xin bạn đọc xóa đi giùm cho vì bài "Cao-Miên" đã chấm dứt ở trang 20. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn và tác giả "Trăm Việt trên vùng định mệnh".

Tòa soạn BÁCH KHOA

Tàu vẫn còn đang nỗ lực vận-động đoạt nổi quyền chính trị tại Liên-bang này một cách hợp pháp, nghĩa là bằng lá phiếu công dân.

Phương-tiện ư? Chính là sự gia tăng dân số gốc Hoa của Liên-bang. Hiện nay tỉ lệ đa-số của người Mã chỉ còn rất mỏng manh (47% ở Mã, 42% ở Tàu), chẳng bao lâu nữa người địa-phương sẽ trở thành thiểu số và mất hẳn chủ-quyền như trường hợp Tân-gia-ba hiện nay (78% ở Tàu, 13% ở Mã). Và lúc ấy, Thủ-tướng Mã sẽ là một nhân vật họ Lý, họ Trương hay họ Miao nào đó! Viễn ảnh ấy đã đưa tới những xáo trộn không nhỏ mà khởi đầu là cuộc chém giết ngoài đường phố giữa Mã và Hoa hồi tháng 5-1969 vừa qua.

Tất cả chỉ vì đã không có sự liên kết hữu hiệu giữa các quốc gia Đông Nam Á để lập chung một tuyến phòng ngự bền chặt trước cái họa to lớn miền Bắc. Mã lai đã là một khe hở trong thời trước và là một phòng tuyến vỡ trong thời này!

Anh thuộc

Đất Mã-lai-Á và các hải-đảo In-đô-nê-sia, trước đây, đã cùng chia sẻ những lớp [phế-hưng của toàn thể khu-vực, nhất là trong hai thời đại Shrivijaya và Majapahit.

Vào thế-kỷ 13, bán-đảo Mã-lai bị tân vương-quốc Thái lấn xuống vào tạo ảnh-hưởng được tại Bắc phần. Tới thế-kỷ 15, một tiểu-quốc độc-lập đã thành-lập chung quanh khu-vực Malacca, Nam bán-đảo. Giới cai-trị thành phố giàu có này đã tiếp nhận Hồi-giáo. Về sau, Malacca đã gửi cống vật sang triều Minh bên Trung-Hoa và rải được Hồi-giáo về miền Đông trên đường giao-thương.

Sang thế-kỷ 16 người Âu bắt đầu dòm ngó Malacca. Bồ-Đào-Nha đã chiếm được trước tiên (1511), sau tới Hòa-Lan (1641). Khi người Hòa thay thế người Bồ thì thủ phủ toàn khu vực thuộc-địa được dời từ Malacca về Batavia đảo Java.

Ngay từ thời đó, người Âu-châu đã nhận thấy vùng Nam bán-đảo Mã-lai là một cứ địa rất quan-trọng. Kẻ nào kiểm-soát được bán-đảo cũng đồng thời kiểm-soát được eo biển Malacca - thủy - lộ

chính giữa Nam và Đông-bộ Á-châu. Vì vậy, theo chân người Bồ và Hòa, người Anh cũng bắt đầu tìm cách tiến tới khu vực này.

Năm 1786, những phần tử đánh mướn của Công-ty Đông-Ấu Anh do Francis Light cầm đầu đã xâm nhập được vào vùng Penang nhờ trao đổi vũ khí cho Kedah (tiểu-quốc Bắc Mã) trong cuộc chiến-tranh với Siêm. Kế đó, sau khi chiến được đảo Java (1811) và tạo ảnh-hưởng được khắp vùng đảo nhỏ Nam Mã-lai, Stamford Raffles đã xây dựng nên thương cảng Tân-gia-ba (1819)

Tới năm 1826, Tân-gia-ba, Penang và Malacca được kết hợp lại dưới tên Thuộc-địa Eo Biển (Straits Settlements) của Công-ty Đông-Ấu và đến 1867 khu này mới trở thành thuộc-địa chính-hức của chính-phủ Anh.

Vào giữa thế-kỷ 19, người Tàu đã lần lượt kéo sang Mã-Lai để buôn bán và làm phu mỏ. Số người Tàu đông đảo được tổ-chức thành các bang hội dưới sự điều khiển của giới mại-bản đã gây hỗn loạn trên nhiều tiểu bang Mã-Lai, tạo cơ-hội cho người Anh can-thiệp Từ 1874

đến 1888, bốn tiểu-bang Trung-Mã Perak, Selangor, Negri Sembilan và Pahang lần lượt lọt vào tay người Anh dưới hình thức đất bảo-hộ. Hội đồng cố-vấn tiểu-bang do người Anh lập ra gồm có Thống-đốc: Anh, Tiểu-Vương, đại diện dân địa-phương và, thật là kỳ lạ, còn có cả đại diện giới thương mại Trung-Hoa ! Mầm mống sự bành-trướng quyền chính trị của người Tàu trên đất Mã khởi đầu từ bàn tay thực-dân Anh và làm xáo trộn tập thể Mã Lai ngày nay. Ít năm sau (1895), bốn tiểu-bang này được đặt chung dưới quyền một viên toàn-quyền ở Kuala Lumpur và tạo thành hình-thức liên-bang đầu tiên.

Tới năm 1914 các vùng đất miền Đông và Bắc gồm các tiểu-bang Treng-ganu, Kelantan, Kedah và Perlis cũng được đặt dưới sự bảo hộ của Anh, nhưng các tiểu-bang này vẫn được đứng biệt lập không liên-kết vào liên bang Tóm lại lúc ấy, vùng Mã-lai thuộc Anh được chia ra làm ba khu vực với hình thức chính trị khác nhau : Khu thuộc-địa Eo biển, Khu Các Tiểu-bang Liên-kết (The Federated States) và Khu Các Tiểu-bang Không Liên-kết (The Unfederated States)

Sang vùng đảo Bornéo, trước kia, vương quốc Brunei cổ-kính đã một thời bành-trướng khá mạnh, nhưng đến thế-kỷ 16 thì chỉ còn lại phần duyên-hải nhỏ bé ở trung-bộ Bắc Bornéo Công-ty Đông-Ấn của Anh đã bành-trướng được tới vùng này vào đầu-thế kỷ 18 và đã đặt được cơ-sở trên đảo Lubuan. Đến năm 1847 đảo này trở nên đất thuộc địa chính-thức của Anh. Và tới năm 1888 thì phần đất còn lại của Brunei cũng rơi nốt vào vòng bảo hộ, đồng thời với Sarawak và Sabah kế cận.

Trong thời Anh-thuộc, toàn vùng bán-

đảo Mã-Lai và Bắc phần đảo Bornéo, không có phong-trào giải-phóng nào đáng kể Y-thức quốc-gia rất yếu ớt vì tình-trạng phân-hóa địa-phương (các tiểu-bang với cơ-cấu chính-quyền riêng) và tranh chấp chủng-tộc (Mã-Hoa-Ấn) Nhà cầm quyền Anh đã cố tình duy-trì những tình-trạng bất lợi cho dân thuộc địa này để dễ bề cai-trị

Trong thế-chiến 2, tháng 12-1941, quân Nhật đã bất thần tấn công và đã đạt được thắng lợi mau chóng khắp vùng biển Malacca. Đuối được Anh ra khỏi Mã-Lai, Nhật bèn tạm sáp nhập Mã-lai và Sumatra làm một cho dễ bề kiểm soát Nhật không đặt riêng một cơ chế hành-chánh nào cho toàn vùng: Tiểu-bang nào vẫn lo việc tiểu-bang này, còn trên hết là Bộ Tư Lệnh Nhật tại địa phương.

Sau khi Nhật đầu hàng, người Anh bèn tức khắc trở lại Mã (9-1945) để giải-giới Nhật. Tại đây, trước hết, Anh thành lập một cơ cấu quân-chánh-vụ nói là tạm điều-hành việc bảo đảm an-ninh và phân phối thực phẩm cho dân chúng trong vòng sáu tháng. Nhưng vào cuối năm 1945, Anh đã uy-hiếp các tiểu-vương (bằng cách dọa xét lại tội trạng cộng-tác với Nhật của các vị này) buộc ký vào minh-ước liên-hiệp, một hình-thức tái chấp nhận quyền đô hộ của Anh. Cả chính tiểu-bang Mã-Lai cùng Penang và Malacca hợp lại thành liên-hiệp Mã-Lai (Malaya Union) đặt dưới sự bảo-hộ của Anh, còn Tân-gia-ba vẫn giữ tình trạng một đất thuộc-địa riêng biệt.

Nhận thấy rõ sự tráo trở của Anh, những người quốc gia Mã đã tập hợp lại với nhau trong Tổ-Chức Quốc gia Mã-lai Thống-Nhất (United Malay National Organization) để đấu tranh cho quyền lợi nhân dân Mã. Hai năm sau, Anh

nhượng bộ một phần bằng cách cải đổi Liên-hiệp Mã-lai thành Liên-bang Mã-lai (Federation of Malaya) (1-2-1948) và hứa hẹn sẽ nới quyền dân đề tiến tới tự trị.

Tân Liên-bang vừa thành-lập được ít lâu thì cuộc nổi loạn của Cộng-sản (do Hoa-kêu tổ chức) bùng nổ (6-1948). Chính-quyền các tiểu-bang Mã một mặt vẫn cộng-tác chặt chẽ với các Lực-lượng Liên-bang của Anh để chống lại du-kích quân Cộng-sản, một mặt vẫn sức tiến việc tranh-thủ độc lập một cách ôn hòa.

Sau cùng, tháng 1-1956 hội đàm Luân-đôn giữa chánh-phủ Anh và nhóm đại diện Mã do Tengku (Hoàng-thân) Abdul Rahman cầm đầu đã đưa đến kết-quả là Anh chấp nhận trao trả độc-lập cho Liên-bang Mã-lai vào cuối tháng 8-1957

Tiến tới liên-bang Mã-Lai-Á

Ngày 31-8-1957, Liên-bang Mã-Lai chính thức được trao trả độc lập. Ngày 1-9, vị quốc-vương Mã-Lai (được gọi là Yang di-Pertuan Agong) đầu tiên được bầu ra đảm trách vai trò tượng trưng uy-quyền quốc gia. Chính-quyền thực sự trong tay thủ-tướng do Tengku Abdul Rahman đảm nhiệm.

Hiến-pháp Liên-bang quy-định lập-pháp gồm hai viện: Thượng-viện có nhiệm-kỳ 6 năm với 38 nghị-sĩ, mỗi tiểu-bang hai nghị-sĩ (11 tiểu-bang) còn 16 nghị-sĩ do Yang di-Pertuan Agong chỉ-định; Hạ-viện có nhiệm kỳ 5 năm và gồm 100 dân-biểu (riêng năm 1959 bầu 104 dân-biểu).

Về hành-pháp, cơ-chế Mã-lai có điểm đặc biệt là Quốc-vương chọn một dân-biểu có uy-tín nhất làm thủ-tướng. Thủ-tướng đề-cử thành phần nội-các trong số các nghị-sĩ và dân-biểu.

Ciộc bầu-cử đầu tiên theo Hiến-pháp mới của Liên-bang đợc tổ-chức ngày 19-8-1959. Liên-minh của Tengku Abdul Rahman chiếm 73 trong số 104 ghế ở Hạ-viện. Các phần-tử đối-lập chia nhau 31 ghế gồm Mặt-trận Xã-hội (Socialist Front) 8 ghế, Đảng Hồi-giáo Liên-Mã (Pan-Malayan Islamic Party) 13 ghế, Đảng Tiến-bộ Nhân-dân (Peoples Progressive Party) 5 ghế, Đảng Mã-lai (Malayan Party) 1 ghế và 4 ghế độc-lập.

Trở qua Tân-gia-ba, mặc dầu Liên-bang Mã-lai đã được độc-lập từ 1957, nhưng thương-ảng này vẫn tiếp tục thuộc Anh. Dù sao tới lúc đó, Anh cũng chỉ còn kiểm soát vấn-đề đối ngoại và quốc-phòng còn việc nội bộ để cho chính-phủ tiểu-bang tự giải-quyết. Trong việc chuyển quyền giữa Anh và người địa phương, Đảng Nhân-dân Hành-động (People's Action Party) đã nắm được trọn quyền hành-pháp cũng như lập-pháp, nhất là sau bầu cử 1959. Cơ chế Tân-gia-ba cũng tương tự như Mã-Lai. Đứng đầu tiểu-bang là vị đại-diện Hoàng-gia Anh mang danh hiệu Quốc-trưởng (Yang di-Pertuan Negara) còn thực quyền chính-trị ở trong tay thủ-tướng. Về vấn-đề an-ninh tiểu-bang thì có Hội-đồng An-ninh quốc-nội gồm 3 ủy-viên của Tiểu-bang, 3 ủy-viên Anh và một ủy-viên của Liên-bang Mã-lai (cấp bộ-trưởng).

Sau khi tình trạng an-ninh đã ổn định (tình-trạng khẩn cấp chấm dứt tháng 7-1960) giới lãnh-đạo Mã-lai bắt đầu tiến thêm một bước nữa trong việc mở-hợp toàn vùng, đó là ý-định thành-lập Mã-lai-Á. Vào tháng 5-1961 Tengku Abdul Rahman đã chính-thức đề-ngợi sau nhiều năm do dự vì sợ Tân-gia-Ba vào Liên-bang thì người Tàu sẽ trở nên đa số. Tại

Tân-gia-ba, thủ-tướng Lý-quang-Diệu Lee Kuan Yew là đại-diện của khuynh-hướng Trung-hoa hóa hoàn-toàn Tân-gia-ba trước rồi mới tính đến Mã-lai sau, nên vẫn thường tỏ ý không tán thành việc kết hợp với Mã-lai. Nhưng khi ấy, sau cuộc bầu cử, Đảng Nhân-dân Hành-động của ông ta đang bị yếu thế rõ rệt trước Đảng Xã-hội, nên ông ta vội vã hoan nghênh ý kiến của thủ-tướng Liên-bang.

Tháng 8-1961, một Ủy-ban Tư-vấn Liên-đới Mã-lai-Á được thành lập với đại-diện của Liên-bang Mã-lai, Tân-gia-ba và ba tiểu-bang Bắc Bornéo (Brunei), Sarawak và Sabah thuộc Anh). Người Anh hoàn toàn tán đồng kế hoạch Mã-lai-Á. Quốc-hội Tân-gia-ba cũng chấp thuận. Tại Sarawak và Sabah, các chính đảng được thành lập để tham gia vào sinh-hoạt chính-trị và những đảng chủ-trương gia-nhập Mã-lai-Á đã thắng phiếu trong cuộc bầu cử 1962. Tại Sarawak Đảng Liên-hiệp Nhân-dân Sarawak đã dẫn đầu. Đảng này thuộc khuynh-hướng Hoa-kiều bảo-thủ, chủ-tịch là Giám-đốc Ngân-hàng Ong-Kee Hui. Tổng-thư-ký là luật-sư Stephen K. T. Yong. Còn tại Sabah, Đảng Liên-minh Sabah (Sabah Alliance Party), lãnh-tụ là Donald Stevens - một ký-giả lai Âu-A đã chiếm đa-số phiếu.

Riêng tại Brunei, Đảng Ra'kyat-thành lập từ 1956 gồm toàn người Mã-lai, lãnh tụ là Enche Ahman Boestaman và Bác sĩ Burhannudin, đã toàn thắng (16/16) trong cuộc bầu cử 1962. Đảng này chủ trương sáp nhập Sarawak và Sabah vào Brunei thành lập một tân quốc-gia theo truyền-thống Vương-quốc Bunei cổ. Đảng có khuynh-hướng chống người Tàu, được In-đô-nê-sia và Phi-

luật-tân ủng hộ-tinh thần. Tuy thắng lợi trong cuộc bầu cử, nhưng một số lãnh-tụ đảng không đủ kiên-trì trong cuộc đấu-tranh chính trị, đã vội vã gây chính biến bằng vũ lực (8-12-1962) và đã bị quân đội Anh giúp tan trong một thời gian ngắn.

Ra'kyat hoàn toàn tan rã nhưng đường lối của Ra'kyat còn có ảnh-hưởng mạnh trong giới lãnh-đạo Brunei, và cũng vì vậy mà vào phút chót, tiểu-vương Brunei đã quyết định không gia-nhập Liên-bang Mã-lai-Á.

Sau những sự dàn xếp giữa các thành-phần, vấn đề thành lập Liên-bang Mã-lai-Á đã được ký kết tại Luân-đôn vào tháng 7-1963 và Mã-lai-Á đã chính thức ra đời ngày 16-9-1963 (1).

Sự gia-nhập của hai tiểu-bang Bắc Bornéo vào Liên-bang Mã-Lai-Á đã gặp sự chống đối của cả hai quốc-gia Phi-luật-tân và In-đô-nê-sia. In-đô-nê-sia đã gây chiến-tranh du-kích trên vùng đất này suốt từ 1963 đến 1965. Sau khi chế-độ Sukarno bị sụp đổ, nhà cầm quyền mới của In-đô-nê-sia mới từ bỏ hẳn mọi gây rối trong lãnh-thổ Mã-lai-Á và hai nước cùng ký kết nối lại liên-lạc bình thường ngày 11-8-1966.

Về tổ chức chính-quyền, cơ chế tân liên-bang cũng dựa theo cơ chế Liên-bang Mã-lai cũ, nghĩa là đứng đầu quốc-gia vẫn là vị Yang di-Pertuan Agong do các tiểu-vương thay phiên nhau trong các cuộc bầu-cử. Còn thủ-tướng và nội-

(1) Sự hình thành Liên-Bang Mã-lai-Á được trình bày đầy đủ trong The Formation of Malaysia của W.A.Hanna do American Universities Field Staff Inc. xuất bản.

các vấn đề được chọn trong số những đại-diện dân-cử thuộc đảng đa-số

Trong những năm đầu của Liên-bang Mã-lai-Á, ngoài sự gây rối của In-đô-nê-sia, mối bận tâm nhiều nhất của các nhà lãnh-đạo vẫn là vấn đề chủng tộc trong nội bộ. Như trên đã trình bày, trước 1961, Tungku Abdul Rahman đã lo ngại cán cân chính-trị sẽ lệch về phía người Trung-hoa một khi đề Tân-Gia-Ba gia-nhập Liên-bang. Nhưng sau ông đã đổi ý vì trên bề mặt kinh-tế, sự kết-hợp với Tân-gia-ba rõ ràng có lợi lớn cho bán-đảo Mã-lai. Còn về phía Lý-Quang-Diệu, năm 1961 là năm suy đồi của Đảng Nhân-Dân Hành-động, ông ta đã níu kéo lấy tổ-chức Liên-bang để gây lại uy-thế.

Cao nên ngay buổi chiều trước ngày lễ ra đi của Liên-bang, Diệu đã tuyên bố với vẻ thái độ đanh thép: đảng đối lập là Tân-gia-Ba sẽ bầu-cử vào ngay ngày 21-9 tới để tùy dân chúng chọn lại người lãnh-đạo tiểu-bang. Kết-quả cuộc bầu-cử : Đảng của Diệu đã chiếm được 37 trong số 51 ghế.

Dần dần lấy lại được uy-thế, Diệu lại trở về với ý-hướng cũ là củng cố lấy Tân-gia-ba trước, nên sau những cuộc thương-nghị với Tungku Abdul Rahman, ngày 9-8-1965, Diệu đã công bố sự tách rời của Tân-gia-ba ra khỏi Liên-bang và cùng Rahman giải-thích sự tách rời này là một nhu-cầu cần thiết để duy trì đa số Mã-gốc cho Liên-bang.

(còn tiếp 1 kỳ)

PHẠM-VIỆT-CHÂU

ASPRO



trị :

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.8YT

BÃO CÁT

Sương Mù Phủ Mờ Mịt Trên Các Khóm Cây Non Dưới Cái dốc thấp. Huệ đứng rửa tay giữa khoảng đất rộng rọc đầy cây rừng. Những thân cây được chặt sát gốc bây giờ đã mọc lên những nhánh nhỏ xanh mướt. Trời âm-u không cùng. Huệ tạt nước xà-phòng xuống đất và đem cái thau nylon xanh trở vào trại. Mặt đất đầy những sạn nhỏ màu nâu như đá ong bị vỡ ra. Huệ đi chân trần, rón rén. Cái gót chân nhỏ thấp thoáng dưới ống quần linh đen lằng.

Tôi ngừng nhìn đám cây thưa của khu rừng nâu trước mặt, rất xa, ở tận phía bên kia đường cái lớn. Huệ hỏi :

— Trông anh mặc áo rét tôi cũng thấy lạnh.

— Áo của chi Liên cho mượn đó. Tôi bị cảm.

Huệ mặc cái thau nylon lên cái cạp, sửa lại gọng kính cận rồi bảo tôi :

— Tụi Mỹ nó rải thuốc khai quang cây cối chết cả một khu rừng. Anh trông, từ đầu này đến đầu kia toàn là màu nâu. Thế mà trông cũng đẹp đấy chứ nhỉ ?

— Cũng đẹp, nhưng nếu chị muốn rừng xanh trở lại thì cũng phải đợi đến hai mươi năm sau. Đất chết cả rồi.

Huệ đứng im nhìn ra phía trước. Chiếc áo bà ba trắng in rõ trên cái nền

xám xịt và nâu thẫm chỗ chân trời tiếp giáp với rừng cây.

Mấy người bạn trên sân khấu đã thức dậy ca hát đánh đàn ghi-ta và băng cầm. Dung, Nguyên và Hồ ở phía nhà ăn đi lại chỗ chúng tôi đứng. Sương sớm đã tan dần trên các chòm cây. Trời hửng sáng.

Các em cô-nhi đi từng hàng dài từ các dãy nhà ngủ đến phòng ăn. Tất cả đều mặc quần áo vàng, đầu cạo trọc. Các em đi thật yên lặng, chậm rãi, đầu hơi cúi xuống, thỉnh thoảng lại chấp tay cúi chào các sư ni hay mấy anh Sinh-viên đang đi về trại.

Các em đi nhỏ bé như những đàn chim buổi sớm bay về mặt trời. Các em đi giữa những gốc cây, giữa cành khô cát sạn và khóm lá, các em đi lẫn vào sương khói buổi sáng, mồn mồn từng bước nhỏ xíu, chấp chững và hồn hậu.

Anh trưởng trại mang máy phóng thanh sau lưng gọi anh em Sinh-viên đến tập họp quanh trại. Huệ xắn tay áo lên tới khuỷu tay, nhờ tôi mang mấy tấm tentes giúp nàng.

Đoàn công tác của chúng tôi gồm hơn bốn mươi người, tất cả đứng vòng tròn chung quanh anh trưởng trại.

Trời hửng nắng, sáng rõ. Mọi người như có cái gì mới hơn hôm qua. Ai cũng vui vẻ. Nguyên nói :

— Công tác đầu tiên sáng nay là tất cả chúng ta đều đến phòng ăn lo cho các em ăn xong về tập hợp lại tại đây. Mỗi trưởng toán lo việc của mình. Chúng ta có tất cả hai toán chính. Toán công tác do anh Thành và anh Trinh phụ trách di chuyển gạch từ nhà đúc đến nơi xây cất. Toán văn nghệ và giáo dục do anh Hồ và anh Hòa điều khiển sẽ đi dạy hát cho các em ở mỗi trại. Sau đó ta nghỉ và đến chiều sẽ đi đào các mương nhỏ quanh các khu trại để cho nước khỏi tràn vào chỗ các em nằm.

Hòa bước ra giữa vòng tròn. Nguyên đưa micro cho bạn Hòa nói :

— Tôi đề nghị các chị nào có cái cắt móng tay xin theo « Đoàn văn-nghệ » chúng tôi đến mỗi trại để cắt móng tay cho các em ngay trong lúc tập hát hoặc kể chuyện vui, sau đó còn mục này nữa là... Tôi có tiếp-xúc với Chú Tư « Xếp » ở Làng-Cô-nhi Chiến-tranh này, được biết các em sẽ tắm sau giấc ngủ trưa vậy tại sao chúng ta không giúp các em nhỏ tắm rửa.

Dung nói :

— Tụi này sẵn sàng và có đem nhiều cái bấm móng tay cả đây. Bây giờ mình hát mấy bài cho vui rồi đi lo cho các em ăn. Mời anh trưởng ban văn nghệ.

Tôi bước ra giữa vòng tròn. Tiếng ca cất lên trong nắng thơm ngát. Tôi đệm đàn thật mạnh dù ngón tay đã bị rớm máu từ khi hôm vì đàn quá nhiều. Tiếng Dung hát nhỏ nhưng nghe rõ ràng giữa lời ca vang dội. Cùng đi đem sức ta đổ xuống bờ, bờ ruộng xanh tôi cùng

anh... Tôi quay vòng thấy mọi người đều hát. Có người mặt ngửa ra miệng mở to và mắt nhắm lại không nhìn thấy bầu trời lúc đó đã trở thành xanh biếc. Liên vừa hát vừa cười Bàn tay Huệ lướt đi trong khoảng không. Bàn nhạc trở thành một bài ca kích động. Từ từ kích động nhạc được hát lên không phải từ miệng của những cô ca sĩ đú-đỏn sexy nhưng từ miệng của những cô sinh viên má lúm đồng tiền và bàn tay tuyệt vời lướt đi trong nắng.

oOo

Khi chúng tôi bước vào thì các em cô nhi còn ngồi rải rác trong phòng. Người sư trẻ đến vái chào. Hòa hỏi :

— Sư cho các em tập trung lại để hát cho vui.

Vị sư trẻ đưa tay lên ra hiệu. Các em ngồi chen chúc trên hai dãy « đi-văng » thô sơ, ở giữa cửa một lối đi rộng. Dung phát các xấp bài ca in ronéo cho các em và bắt đầu công việc của chị.

Gọng ca thơ ngây cất lên từ mấy chục cái miệng nhỏ xíu của những em bé gái bốn năm tuổi. Các em vừa hát, vừa vỗ tay và cười. Một vài em (có lẽ mới vào) buồn bã cúi mặt, lim dim đôi mắt mệt mỏi Huệ hỏi :

— Sao em không há ?

Đứa bé lắc đầu. Hòa bảo tôi :

— Khi này mình vào dãy bên kia có em bé gái cứ gọi mình bằng ba và khóc. Mình bế lên dỗ dành mãi mới lén, thế là cứ bám riết lấy, không chịu buông. Khóc lóc đòi về. Các ni nói em đó mới vào chiều hôm qua. Cha tử trận, người mẹ quá nghèo không thể nuôi con. Kề ra thì bà mẹ cũng tàn nhẫn hi. Lẽ nào một đứa

nhỏ xiu vậy mà nuôi không nổi.

Dung ngừng lên nói:

— Anh nói vậy chứ có người kiếm tiền không đủ nuôi lấy thân lại sao. Với lại cứ phải giữ con thì đâu có rảnh mà đi làm.

Mọi người đều quay lại vỗ tay tán thưởng khi các em hát xong bài Việt-Nam Việt-Nam. Hòa lại bên một em ngồi ở mé trái hàng đầu, cúi xuống đọc cái tên vết bằng bút chì nguyên-tử đen trên ngực.

— Em Hương, em Hương hát rất giỏi. Bây giờ em Hương lên đây hát cho các anh nghe thử coi. Các em chịu hôn?

— Dạ thưa, các em chịu.

Mấy chục em đều trả lời một lúc. Hương đứng lên chấp hai bàn tay nhỏ xiu của nó, cúi đầu nói:

Em xin hát bài Gia-tài của mẹ

Em hát một cách tự nhiên, trôi chảy và cao vút. Tôi đệm đàn thật êm dịu. Xong bài này vị sư bảo chúng tôi:

— Anh Trịnh-công-Sơn lâu lâu lại đến đây dạy các em hát. Các em biết nhiều bài của Sơn lắm đó.

Chúng tôi vừa vỗ tay vừa hát lại bài Gia-tài của mẹ.

Trời bỗng nổi gió bất chợt. Cơn lốc ào đến làm mọi người im bật. Gió xoáy ngay giữa khoảng sân cát rộng phía trước. Cát tung lên mù mịt bay tạt vào vách ván rào rào. Cát ủa vào nhà. Chúng tôi bịt mắt xoay lưng lại. Các em thì quì mẹp xuống ván, hai tay ôm mặt, cúi rạp xuống. Cát bay ngập trời. Các em ở dãy đối diện đang chơi ngoài sân vội vã trở vào nhà, ôm mặt chạy lủi trong gió cát, xiêu đồ, thấp thoáng cái bóng vàng nhỏ bé lác mắt trong một

trờ cát mịt mù như sương xám dày đặc.

Từ này giờ Dung đứng nép vào khung cửa nhỏ. Nàng hết nhìn ra ngoài cửa lại nhìn các em đang quì mẹp trong phòng, không nói một lời. Một chốc cơn gió mạnh xoáy đến mù mịt. Tôi vừa thoáng thấy một cái bóng vàng nhỏ xiu ngã chúi ngoài sân cát thì Dung đã chạy vụt ra sân. Nàng ôm đứa bé trước ngực cúi mình xuống mà chạy vào. Khi đặt đứa bé lên ván Dung ngẩng mặt lên thì nước mắt đã ràn rụa. Nàng lại đứng bên cửa ôm mặt khóc nức lên. Mái tóc dài rung động.

Trận mưa giông trút xuống rào rào giữa những tiếng sấm nổ rền trên cao.

oOo

Đoàn người tung bừng về trong sương gió, Hồn như áng mây trắng lững lờ, Giang hồ không bờ không bến, đẹp như kiếp Bohémien... Tiếng hát của mấy người thoáng nghe trong cơn mưa phún buổi chiều.

Dung vác cuốc và xách thùng nước đi bên tôi. Trời chỉ hanh nắng một chút vào buổi trưa rồi bắt đầu mưa luôn khi chúng tôi khai mương quanh các trại. Đất thì xốp nhưng nhiều cây rừng quá thành ra nhiều khi phải vất vả lắm mới cắt đứt được hết những cái rễ chằng chịch bên dưới. Chúng tôi làm việc trong khi Huệ và Liên tập cho các em ca múa. Mưa đổ xuống từng chập, rồi lại rai ròi ào ào như thác. Các rãnh mương của chúng tôi đã có nước chảy. Các em đứng bên trong nhìn chúng tôi làm việc và cười. Tiếng Huệ hát lúc ấy to hơn tiếng mưa bên ngoài. Bây giờ chị đang đi phía trước với Liên, Võ-Ba (mà chúng tôi gọi là zorba) và anh

Nguyên, trưởng trại. Liên vừa nghịch rít liên tiếp hai hơi thuốc Bastos xanh nên bây giờ coi bộ mệt mỏi lắm. Dung bảo tôi :

— Chắc tại hôm trước anh làm chỉ nhào xuống ruộng đó.

— Hoài, cứ nhắc chuyện đó hoài. tôi lái xe cù lần vậy đó, bận về chị dám để tôi chở không ?

Dung làm bộ tỉnh lắm :

— Dám chứ, lẽ nào đã từng cầm quân đánh đuổi Tô-Định mà sợ té xe sao.

Bốn người đi phía trước nghe Dung nói quay lại cười. Sáng hôm qua Dung đóng vai Trưng-Trắc cầm quân đi đánh Tô-Định. Một trong những thắng quân đó là tôi. Kịch diễn vội vàng, không sửa soạn, tùy hứng nên có nhiều chỗ buồn cười nhưng vui không chịu được. Các em cô-nhi cười quá trời vì ông Tô-Định hề rất tài. Nhớ lại buổi đó Dung nói :

— Anh thiệt lẳng xệt. Người ta đang hạch tội Tô-Định chưa xong gì hết mà đã xông đại vô mà đấu kiếm. Phải đợi nữ tướng đánh trước rồi mới được đánh chứ. Lần sau tái phạm ta chém đầu.

Rồi Dung làm bộ nghiêm. Tôi bảo :

— Chị không biết chứ lúc đó thấy Tô-Định nó tán chị tôi nóng lòng quá đi.

Dung nói "nóng lòng hã" rồi cười. Nàng cột lại chiếc mũ áo mưa cho khỏi bay. Hồ bắt đầu một hát bài ca lạ. Dung đi vòng qua một vũng nước trở vào trại. Tôi hỏi Hồ :

— Anh học bài ca đó ở đâu hay vậy ?

Hồ nắm tay tôi nói :

— Học lâu quá rồi, không nhớ học ở đâu.

Hai đứa đi xuống một cái dốc dài. Hồ nói :

— Đi công tác vui quá anh Hồ há.

Tôi góp ý :

— Như được sinh viên họ đi đông hơn nữa chắc làm được việc lắm. Khổ nỗi có nhiều người lại không thèm đi, họ chê những cuộc sinh hoạt tập thể là quê là cù lần, họ xấu hổ không dám hát chung với mọi người, với các em, vừa hát vừa vỗ tay. Có người triết lý hơn, họ bảo rằng trong cuộc sống tập thể như vậy cá nhân bị chìm đi, bị vong thân đi. Nhưng tôi với anh cũng như với các bạn đi công tác hôm nay có ai mà không hiểu rằng cuộc sống tập thể đã giúp, đang giúp và sẽ giúp cho các em biết bao. Cuộc sống ấy sẽ tạo dựng cho các em từ những đứa khốn khổ bơ vơ, từ những thằng du - đãng ăn cắp ngoài đường, từ những đứa vô thừa nhận ngủ vỉa hè xó chợ trở thành những thanh niên lành mạnh, yêu nước, yêu con người và theo dự án của Làng-Cô-Nhi thì các em sẽ trở thành những chuyên viên kỹ-thuật, những kỹ-sỹ trong tuổi trưởng thành. Cuộc sống như thế tôi cho là tiến-bộ, là văn-minh. Các em rồi sẽ lớn khôn ra giữa cuộc đời tranh đấu và xây dựng cho chính họ, vợ con họ, dân tộc họ và đất nước họ. Họ sẽ thấy con cái họ lớn khôn, xứ sở họ hình vượng do chính bàn tay của họ chung sức với đồng bào. Đó là Tự-Do.

Hồ nói :

— Tôi thấy ở đây người ta không những chỉ nhằm đào tạo cho các em trở thành chuyên viên mà còn dẫn các em thoát ra khỏi những ảo tưởng, những thành kiến, những thói quen

xấu về triết-lý, tôn giáo và chính trị. Anh có đọc n'ững câu viết bằng sơn rõ ràng t'ên tấm bảng dựng giữa làng-Cô-Ni? Anh là cộng-sản? không, tôi là người Việt-nam. Anh là quốc gia? Không, tôi người Việt-Nam. Anh là người Phật giáo? Không, tôi là người Việt Nam. Anh là người thiên chúa giáo? Không, tôi là người Việt Nam... Và trong cái đêm họp mặt giữa tụi mình với các Ni Sư trong làng anh còn nhớ một vị S' đã nói với chúng ta « Chắc các anh em ngạc nhiên tại sao chúng tôi là những Tu-si mà ăn to nói lớn, đi đứng mau lẹ và nếu cần thì ca hát nhảy múa với các em, với mọi người. Chúng tôi xin thưa là từ khi đến đây chúng tôi phải từ bỏ tất cả cái cốt cách của một tu-si để thích ứng với hoàn cảnh mới. Anh em thử nghĩ, các em cô nhi đồng như thế này mà chúng tôi không ăn to nói lớn thì làm sao các em nghe cho rõ, làng rộng như thế này mà chúng tôi không đi đứng mau lẹ thì rủi các em bị tai nạn làm sao cứu kịp và sau cùng chúng tôi phải an ủi các em bằng cách ca hát, vui cười. » Các Sư Ni đã hy sinh như thế không vì mục đích riêng nào cả dù là mục đích tôn giáo

— Chắc vậy, tôi có thấy trong làng thờ Phật, Chúa Jésus, Đức Huỳnh giáo chủ... nhưng tôi nghĩ họ không chủ trương hòa đồng tôn giáo. Họ chỉ dạy cho các em biết rằng mình là người

Việt-nam ngoài ra không là gì cả dù là Phật giáo, Công giáo, Ba Hai hay Cao-đài, Hòa-hảo. Có lẽ họ muốn cho các em khi lớn lên tự do chọn lấy hướng đi cho mình.

— Tôi cũng nghĩ như vậy và điều này làm tôi khâm phục cũng như khâm phục chị Sinh viên đã đến tu ở đây sau khi tốt nghiệp ở trường khoa học và đã bị xe Mỹ cán chết trong khi chờ đậu miếng lên Saigon bán. Anh có thấy mộ chị ở giữa làng không?

Tôi nhìn vào giữa làng đáp:

— Có, hồi trưa khi đi ngang qua đó chị Tuyết có chỉ cho xem. Lúc đó tôi nghĩ không biết nếu những người Sinh viên ở Saigon đến đây nhìn thấy nấm mồ người bạn học của mình yên nghỉ giữa các em họ sẽ nghĩ gì.

Hồ hất những cành củi khô trên lối đi, im lặng một lát rồi nói:

— Tôi không tin rằng tất cả sinh viên đều ích kỷ, muốn sống tách rời xã hội và tập thể. Phần lớn họ cũng muốn làm việc xã hội nhưng không có dịp. Không ai đem lại một không khí cảm thông, trong khi nền giáo dục hiện tại không ngừng tạo cho họ những ảo tưởng về một thứ tự do rẻ tiền, tạo cho họ một đời sống riêng tư chật hẹp, lẫn quần mà cứ ngỡ mình cao vợi, triết lý.

— Đó là chuyện khôi hài lớn nhất của thời đại chúng ta. Anh hãy tưởng

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

tượng những bộ mặt trang trọng "suy-tư" của các ông văn-sĩ bên tách cà phê trong một cái quán rất sang trọng và trí thức rồi anh hãy nhớ đến những giọt nước mắt nồng ấm của Dung chiều hôm qua trong trận bão cát. Hãy nghĩ đến nhưng đừng bao giờ so sánh bởi vì Dung quá tuyệt vời, bởi vì các em đã quá vất vả dẫu mặt mình trong cơn gió cát. Cả

đời tôi sẽ nhớ mãi hình ảnh đó cũng như những lần đứng hát quanh bạn bè

Nói đến đó tự nhiên tôi ứa nước mắt. Hồ im lặng đi. Chúng tôi im lặng đi. Không ai nói gì thêm giữa khoảng rộng bất ngát.

Nguyên gọi chúng tôi bằng micro từ phía nhà ăn lúc ấy đã đông người.

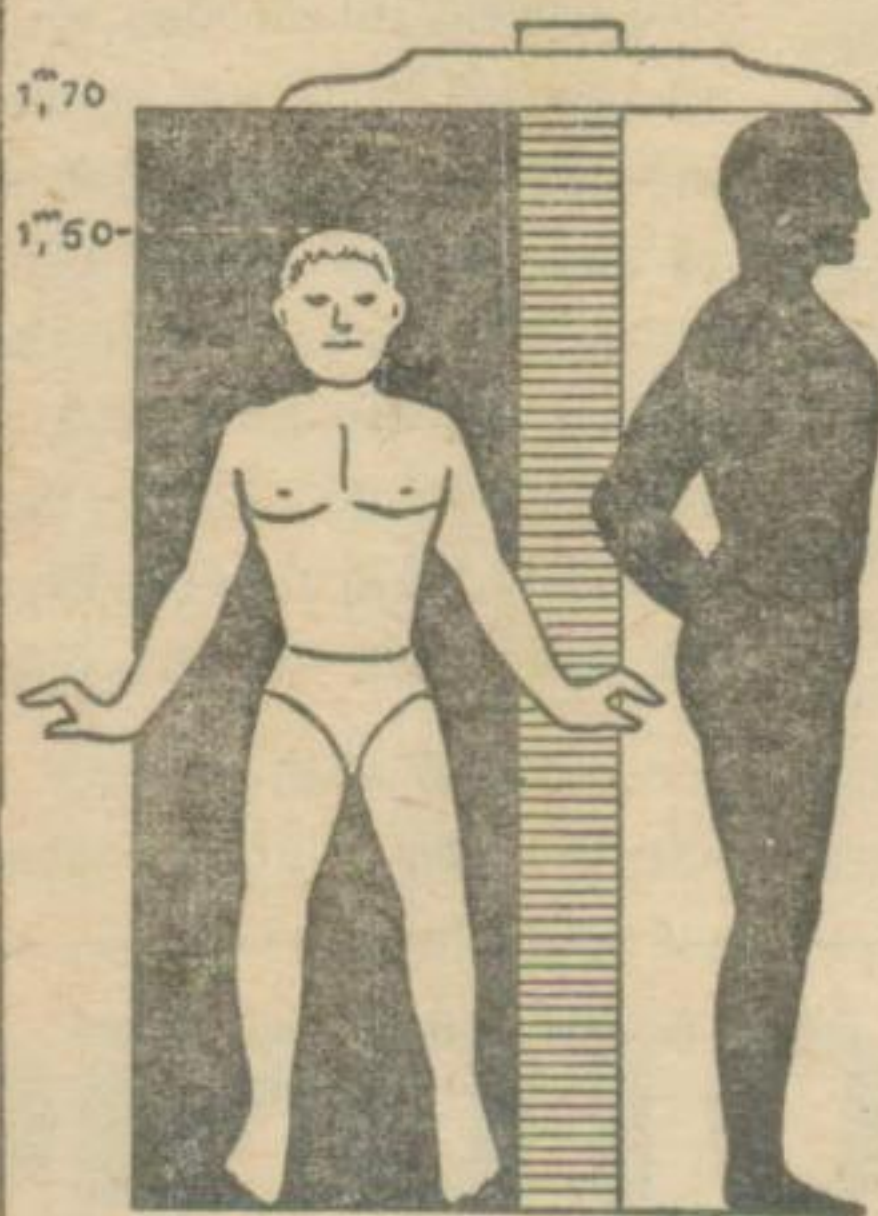
BIÊN HỒ

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI.

S6 KN 28 MBYT/QCPD

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Krishnamurti và con người toàn diện** nguyên tác « Khrisnamurti et l'unité humaine » của Carlo Suares, bản dịch của Vũ đình Lưu do Ca dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 276 trang gồm 10 bài từ Tự tri, Nhân văn đến Cách mạng toàn diện, Tron3 siêu âm. Bản đặc biệt. Giá bản thường 150đ.

— **Ngược sông** truyện dài của Bùi kim Đình, do Hồng Đức xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 236 trang phản phui những thủ đoạn tham nhũng điển hình nhất của một xã hội trong chiến tranh ; bìa của họa sĩ Trịnh Cung. Bản đặc biệt. Giá 140đ.

— **Hợp lý hóa** (chủ thuyết Taylo) của Lê văn Siêu, do nhà Khai Trí xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 150 trang, in lần đầu năm 1943 (Hàn Thuyên) và tái bản năm 1969, gồm 3 phần chính : Hợp lý hóa trong lịch sử ; Chủ thuyết Taylor ; Chung quanh chủ thuyết Taylor. Bản đặc biệt. Giá 150đ.

— **Khí hậu Việt Nam** của Đỗ Đình Cường do nhà sách Khai Trí xuất bản và gửi tặng : Sách dày 120 trang gồm 2 phần lớn : Phần I về khí hậu V.N. tổng quát và phần II về khí hậu V.N. từng vùng từ Bắc tới Nam với rất nhiều giản đồ và bảng thống kê tỉ mỉ. Một tài liệu rất đầy đủ. Bản đặc biệt.

— **Vũ trụ nhân linh** của Kim Định do nhà Khai Trí xuất bản và gửi tặng. Sách dày 220 trang gồm 12 bài và phần phụ trương : đáp một số câu hỏi. Bản đặc biệt. Giá 150đ.

— **Thế giới trong máu lửa** khảo luận của Nguyễn tử Quang, do nhà sách Khai Trí xuất bản và gửi tặng. Sách dày 430 trang gồm 5 phần chính trình bày từ cuộc Thế chiến thứ nhất bùng nổ đến cuộc Thế chiến thứ nhì khai diễn và kết liễu, tình trạng hậu chiến với nội chiến, cách mạng, xâm lược .. Bản đặc biệt.

— **Định hướng văn học** của Kim Định do Ra Khơi Nhân Á xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 240 trang gồm 6 bài giảng thuyết về triết lý tỉ giáo tại Đại học Văn khoa và phụ trương về việc trao đổi văn hóa trong 4 triều đại : Tống Nguyên, Minh Thanh. Giá 160đ.

— **Những dị biệt giữa hai nền Triết lý Đông Tây** của Kim-Định do Ra khơi Nhân ái xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 222 trang gồm 9 bài . từ « Sự mệnh triết lý Đông phương » đến « Vấn đề Phạm trù trong triết-lý Đông phương » và « Hồn dân tộc ». Giá 140đ.

— **Bội lan hành** tuyển tập những bài thơ dài của Đông-Hồ sáng tác trong khoảng từ 1945 đến 1965, thi phẩm thứ tư của tác giả, đặc ấn phẩm của xuất bản Quê hương do Mộng Tuyết thực hiện và gửi tặng cùng phát hành vào tuần bách nhất của cổ thi sĩ. Sách dày 120 trang gồm trên 30 bài thơ và 4 phụ bản thơ chép tay đều là thủ bút và họa phẩm của tác giả. Giá : 150đ.

— **Dưới mái trăng non** tập tùy bút của Mộng Tuyết thất tuần muội, do Mặc Lâm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 160 trang gồm 21 bài. Bản đặc biệt.

Triết học Tây phương hiện đại nguyên-tác của I.M Bochenski, bản Việt ngữ của Tuệ Sỹ, do Ca dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 430 trang gồm 7 phần : Nguồn gốc Triết học cận đại ; về yếu tính thể, về hiện hữu và xê thể tính. Bản đặc biệt.

đã phát hành

TƯ TƯỢNG số 4

*Sô đặc biệt : « Những vấn đề Giáo
dục Việt Nam và Giáo dục Quốc tế »*

do giáo sư Dương Thiệu Tống
phụ trách

NHẠC PHẠM DUY

HÁT VÀO ĐỜI

*một bàn tay > xuân hành ✧ tìm nhau ✧ chiều về trên sông
✧ tiếng bước trên đường khuya ✧ viễn du ✧ lũ hành
quán bên đường ✧ nhạc tuổi vàng ✧ nước mắt rơi ✧
đường chiều lá rụng ✧ tôi còn yêu tôi cứ yêu ✧ xuân ca ✧
tạ ơn đời.*

... Phạm Duy, ca khúc Phạm Duy, như thế, thật đã sống đến tận cùng cái hạnh phúc sáng láng của cả tình yêu, đau khổ lẫn cái chết, đúng như Pasternak từng viết : nghệ sĩ là kẻ suy nghiệm không mệt mỏi về cái chết, để từ đó sáng tạo ra sự sống.

trích lời Bạt HÁT VÀO ĐỜI

HÁT VÀO ĐỜI nhạc của Phạm Duy, gồm 14 bài, ấn loát bằng offset, in trên giấy màu ngà, giá 110đ do nhà AN TIÊM xuất bản và phát hành.

CÁCH NGĂN

Tho HÀ-ĐÌNH-THAO

Kính tặng anh Tường-linh

Hãy còn đó những gì không thể nói
Tôi vẫn từng đêm dõi hướng sao xa
Mang nỗi nhớ xám đen màu sương khói
Anh có buồn khi mái-dột-mưa-qua ?

Căn nhà ấy những lần năng lui tới
Nghe tình thân trong những-bữa-cơm-ngon
Dù rất đơn sơ canh-rau-dưa-nuối
Nhưng thơm tho mùi vị của tâm hồn

Dù rất nghèo trong những ngày xuôi ngược
Anh vẫn tin vui giúp đỡ bạn bè
Cũng nhét túi khi mỗi lần quay bước
Cảm động nhiều, dù năm-đồng-đi-xe

●

Một-lần-cách-ngăn chưa về thăm lại
Chưa về thăm những-bữa-cơm-ngon
Chưa về thăm căn-nhà-dột-mái
Từng đêm nằm nghe nỗi-nhớ-chơn-von !

Hãy còn đó những gì không thể nói
Hẹn sẽ về trong một sớm mai vui
Đường không xa, nhưng chừ không ngõ tới
Nên âm thầm trong nỗi nhớ khôn nguôi.

(Trầm Hương)

Từ vùng lửa đạn

Thơ THỦY-TRIỀU

ta từ buổi tay ôm cầm súng đạn
quen chông mìn hơn nhìn mặt thân nhân
tuổi đá sỏi qua dần ngày tháng lun
lòng cô đơn nghe lạnh đã bao lần

ngàn viên đạn vút bay về trước mặt
máu tim người đổ xuống vũng hư vô
quê hương nằm rã rời sau chiến trận
chiều Trường Sơn gió cắt nổi mịt mù

nay Rừng Sát mai kia về Quảng Nghĩa
đêm thân canh trên dãy núi địa đầu
rừng cheo leo thay con đường phố chợ
gió mưa ngàn ôm súng trận chờ nhau

thân trôi nổi bước giang hồ đã mỏi
đôi khi hồn quay lại thuở ngày xưa
nghe kỷ niệm xuôi về theo ngõ nhớ
bỗng đứng buồn thơ ấu ngút ngàn xa

em còn đó đôi mắt bồ câu trắng
hồn e n còn niu giữ chút mơ say
tóc còn xanh tuổi em còn con gái
hay chiến chinh thiếu phụ đã bao ngày

xin theo mây đưa ta về lối cũ
bỗng bàng khuâng thương nhớ chảy thành hàng
áo hoa cúc em còn qua phố đó
chiều đông đưa ngày hạ nắng hanh vàng.

THỦY TRIỀU

Ngôi trường khi khép mắt

Nắng hừng hực cổ xuyên thủng mái tôn phả xuống đầu Thuận cái sức nóng đặc thẳng giữa buổi trưa đứng gió. Nàng che miệng vào trang sách dấu bớt những cơn ngáp vặt đến quá bất chợt, đôi mắt lim dim chỉ chực một chút buồn xuôi của khoảng trí óc mơ tỉnh đang cố chống chọi với sự mệt mỏi là rơi sập xuống giấc ngủ chờn vờn đông bura trước mặt, nàng chỉ còn thấy he hé hình dạng tui nhỏ thâu ngăn lại lò nhòa, không chừng lọt dưới học bàn hay rớt ra phía sau bức tường trống trơn quét vôi vàng bệch. Vài đứa đã banh khuỷu áo, tay cầm vở quạt phành phạch. Nàng nói và nghe tiếng mình động lại bên khoé miệng khô buốt.

— Nóng lắm hả ?

Cả lớp nháo hân lên rồi im ngay, tựa giọt nước nhỏ nhoi rớt vào bếp than đỏ rực xèo lên một tiếng rồi tắt tăm. Tui nhỏ ẹp đầu trên mặt bàn thở phì phò. Thuận rời ghế bước xuống dưới, nàng khoác tay.

— Cho ra chơi một chặp nhưng phải giữ im lặng để mấy lớp kia học.

Chưa đợi nàng nói dứt câu, chúng chồm người dậy phóng qua cửa nhất loạt như mũi tên. Một đứa va vào hông nàng tốc cả vạt áo, Thuận gọi giật nó lại.

— Ri ! Làm gì n'ư ăn cướp vậy ?

Thờ thẩn, nó im lặng ngó xuống chân

nàng, cái đầu cắt sạch tóc nhô lên mấy mụn sài xức mực tím loang lổ

— Về chỗ ngồi, cấm ra sân.

Thằng Ri vẫn cúi chằm mặt, lặng lẽ lui về chiếc bàn chót lục lọi gì đó trong cặp không chịu ngược lên chờ một cử chỉ tha thứ nơi nàng. Thuận bước ra hiện, mấy cây dương chụm ngọn im sững đứng giữa sân, cái bóng mát nhỏ nhoi không che kín lũ học trò tụ tập quanh gốc lối nhỏ. Dây lớp học bên kia bỗng ồn ào đòi ra thì phải. Thuận mím miệng cười khi nghĩ đến lão hiệu trưởng sẽ rầy rà mình về việc tự tiện thả lỏng tui nhỏ giữa giờ học. Mái tôn viện trợ sáng loáng dưới ánh nắng phản chiếu hắt vào mắt nàng xốn xang. Thuận chợt đưa tay lên vuốt tóc, chắc rồi những ngọn tóc ít ỏi này cũng vểnh hoe như sấy quá lửa (Một lần nào Khảm nói, sao cô không để tóc dài ? Mình đâu còn yếu điệu thực nữa, già rồi mà. Thế sao không uốn cao lên ? Hẹn chừng nào lấy chồng. Bây giờ tôi lỡ dở lang thang thế này. Anh thật quý quái, hay thắc mắc chuyện người ta dữ vậy... Một lần khác trong quầy tiệm nước Khảm hỏi xin một sợi tóc. Để làm gì ? Bộ anh sưu tập tóc con gái kỷ lắm hả ? Không, trả lại liền. Tôi cười nhờ đưa cho chàng một ngọn, ngọn mảnh mai héo hon nhất. Chàng xỏ mái tóc chải kỹ xuống trán so những chân tóc rồi lựa một sợi dài dài giật cả gốc ra. Rồi chàng chằm chú, loay hoay nối hai sợi tóc lại với

nhau thật chặt. Cô thử kéo nó xem. Tôi bảo anh trẻ con mắt thôi. Không, kỳ d ệu lắm — người xưa vẫn có tục kẻ tóc xe tơ để định chữ lương duyên. Tôi nói, mình ngại quá, chắc không duyên nợ với anh đâu rồi thôi nó bay xuống nền nhà. Anh đã thí nghiệm vậy cùng những người con gái khác sao? Còn nhiều cách khác. Kết quả? Đứt đoạn nửa chừng. Tại anh đùa bỡn quá..)

Bên kia hàng rào tre, quanh cái giếng của ngôi nhà bỏ hoang, đám đứa học trò đang giành nhau chiếc gàu múc nước uống, tiếng cãi cọ chửi tục ré lên từng lúc. Thuận qua phòng trường giáo mở toang cửa sổ, cánh đồng mênh mông màu rạ úa lênh láng bóng nắng chạy dập dờn làm mắt nàng buồn ngợp. Con đường liên tỉnh vắng hoe chỉ còn là bờ đất thấp thỏ chực lúi trồn xuống lòng mương, lâu lắm Thuận chẳng thấy một cái xe lam nào chạy về. Một cái xe ọp ẹp, một chỗ ngồi chen lấn giữa những người chiều chiều lách xuống thị xã ngủ đêm, nửa giờ đồng hồ lắc lư dôi dập trên đoạn đường hư lổ, mình sẽ có mặt trong phố yên tĩnh, sẽ thành thói nằm nghe nhạc, tỉ mỉ chải từng lọn tóc, ngắm cái chàng thanh niên tối nào cũng cỡi honda lướt qua lướt lại trước nhà đợi thấy bóng mình mới đành tâm bỏ đi. Thuận về lại lớp, thằng Ri đã gục mặt ngủ vùi trên bàn, tay nó còn nắm chặt cây thước, một dòng nước bọt nhều ra miệng thấm xuống trang vở nhòe nhoẹt những nét chữ xiên xẹo. Nàng lay vào vai nghe nó ú ớ, đứng đánh tui, đề tui chỉ cho .. lát sau nó mở choàng mắt thấy Thuận, bối rối chùi tay vào má

— Ra nói tụi kia vào lớp gấp.

ũ học sinh uể oải lọt vô cửa lớp

đầy các dây ghề. Hơi nóng hâm hấp từ những chỗ ngồi bị chiếm đoạt nén chặt, dồn lên phía Thuận, nàng ngửi rõ mùi mồ hôi từ áo quần tụi nhỏ bốc ra chua chua, khen khét. Hát một bài gì nghe coi. Theo nhịp bắt giọng của tên trưởng lớp, mấy chục cái miệng há ra thẩm nào. “Ai qua miền quê bình khôi.. Nhấn giúp răng nơi xa xôi..”

oOo

Từ đêm lão Tư đánh xe ngựa bị giết chết, Thuận thấy gai ốc nổi lên nơi những lùm tre um tùm trên đoạn đường đất dẫn vào cổng trường. Căn chòi của lão còn đó, cửa ngõ trống trơn, chẳng bàn thờ hương khói, chẳng ai lui tới. Cỗ xe bị tháo bánh chỉ còn lại cái cang gỗ bỏ chổng trơ trước sân, lâu lắm mới có vài đứa học trò mạo hiểm lên vô bẻ những chồi hoa xương rồng nở dày quanh hàng rào. Hình như oan hồn của lão vẫn còn quanh quất đâu đó, tụi nhỏ thường kể dọa nhau những chuyện quái đản càng lúc càng rùng rợn. Thằng Nha nói, má tao ở chợ về giữa đường gặp một cái xe ngựa dừng lại rước, má tao lên xe đi được một đời, khi trả tiền mới thấy lão Tư đang cầm cương ngựa mặt đầy máu me. Má tao hét lên một tiếng té xuống mương ngó lui chẳng có xe với ngựa gì cả. Thằng Diếp chêm vào, mầy biết không, đêm nào tao cũng nghe tiếng ngựa hí quanh nhà lão, tiếng cười tiếng khóc tiếng rên la bai bãi, thôi đủ cả.. Ngày thường tụi nhỏ vẫn sợ ngọn roi lão quá vun vút trong không khí mỗi lúc say rượu ngã nghiêng giữa chợ. Với Thuận, nàng chưa quên hẳn khuôn mặt đỏ gay buổi trưa nào lão vén quần chửi đồng lũ học trò nghịch ngợm lòn rào vô nhờ mấy cây bông vạn thọ.

Cái chết của lão còn gây ra những khó chịu vô cơ cho ngôi trường. Mỗi buổi

sáng, tụi nhỏ không dám vào cổng sớm, tụi năm tụi ba chơi nhảy cò nhảy dây đánh bi đánh đáo ở khoảng đất trống ven chợ, đợi có bóng thầy cô lên mới theo chân vào trường. Vãi cái miệng thằng Diếp.

— Ổn quá cô ơi ! Đ ngang đây tụi em sợ quá quên bài hết.

— Nói nhảm, từ rày cô cấm nhắc chuyện đó

— Thật mà cô. Không tin, cô cứ ngủ lại trên này một đêm thì biết.

Nhìn nét mặt choắt cheo, ranh mãnh của nó, Thuận bật cười.

— Rồi, hôm nào cô sẽ ở lại.

Thằng Nha tưởng thật, nhanh nhẩu xía vào.

— Cô về nhà em đi. Nhà em có xây hầm chắc chắn lắm.

— Nằm hầm thì biết cái gì ?

— Không phải cô. Em nghe rõ mồn một tiếng ngựa chạy lóc cóc cùng giọng mời khách của ông vắng vắng suốt đêm quanh chợ.

Vô tình Thuận rơi vào những mời mọc huyền hoặc của chúng, say mê như đứa trẻ bị du vào câu chuyện ma quái hồi hộp. Nàng dừng lại giữa sân xua tay đuổi tụi nhỏ lảng ra. Những mái tôn vẫn cúi xuống nổi im lìm trĩu trĩu xem chừng mấy bao cát chặn gió kê trên nóc nặng lắm. Thuận nhìn lên những con chim sẻ tha rác về làm tổ kêu lịch lịch quanh các hốc tường bị đại bác khoét thủng từng lỗ lớn. Cánh đồng đã xong mùa gặt nhưng chúng còn ở lại, nàng đưa tay lên vuốt tóc, vài cọng lá dương khô vương vào tay gảy vụn. Nàng đã lên cao tới chót cây cột cò thu mình đứng lơ lửng. Từ đêm

những người bên kia kéo về treo lên ngọn nỏ một lá cờ lạ hoắc, ông Hiệu trưởng phải nhờ dân vệ xà qua hạ xuống sau đó ông tự bứt dây, phá rọc rọc bỏ phết nó. Dần dần lũ học trò không hiểu sao đã ngấm ngấm xa lánh chẳng dám chơi gần nó hình phạt chạy quanh cột cò 5 vòng 10 vòng có vẻ làm chúng ái ngại hết sức. Sau này Thuận mới biết, chính lão Tư đã bị rơi thốc ké vào đó để nghe bản án luận tội trước khi họ dẫn ra cổng bắn bỏ xác bên bụi tre. Thằng Ri khép nép bước tới trước mặt nàng vòng tay.

— Thừa cô nấu thả giấy đầy phòng lớp ba.

— Giấy gì ?

Thằng Diếp đứng cạnh chìa ra cho nàng, tờ truyền đơn lớn hơn bàn tay một chút. Thuận nhủ mày lướt mắt qua rồi gấp nó lại ngay.

— Qua lượm hết cho cô

Ông Hiệu trưởng ị ạch đầy chiếc xe gắn máy cũ vào sân, tay lem luốc dầu mỡ, lại hực hực giữa đường. rồ báo hại tụi quá cỡ, cô lên lầu chưa ? Thuận lắc đầu đưa tờ truyền đơn cho ông.

— Hôm nay rõ lắm chuyện, thầy tính sao ?

— Thì đem qua nạp cho ấp. Mình chỉ ngại con mắt tụi học trò thôi, chính cha chú bà con nó làm chứ ai.

Ông vừa lầm bầm đọc vừa cười. “Cá : bạn nỏ nào chịu làm một tên thư lại đôn hèn uất ức...các bạn hãy... hãy...” Thằng Diếp đã trở lại với một xấp dày những tấm giấy trắng dày khít chữ viết tay in bằng thạch bản. Tụi học trò bu quanh dáo dác.

— Xan ra coi. Đi tìm quanh mấy chỗ khác xem còn tờ nào nữa không ?

Dạ hết rồi thầy.

Thuận cho đánh keng vào lớp. Trong một lúc nàng nhìn tui nhỏ thấy ngở ngang hăn, có một nỗi bí mật nào đó lấp liếm đằng sau vẻ ngây thơ của chúng (một sự sống bị chẻ ra, đẩy vào những liên hệ tối tăm gian dối, bị lừa theo những thúc đẩy tình cờ, ngày và đêm, hai bộ mặt) Ngoài sân cỏ chỉ còn mình ông Hiệu trưởng nhọc nhằn đạp máy xe, lát sau ông phóng đi mất biệt.

Miết rồi không thấy Khảm về, mỗi lần chải tóc trước gương, Thuận lại thấy nôn nao những tiếc nuối khôn nguôi, nàng xoe mấy sợi tóc rụng giữa hai ngón tay ngở mình vừa đánh mất một cái gì đáng đoan. Có lẽ mình nên bỏ cái nghề này về may vá, bán nước chanh nước mía để lấy chồng hơn. Có lẽ phải tìm lại anh chàng cỡi honda lâu nay vắng bóng. Có lẽ mình cần cười tình với chú cảnh sát mai nào cũng đứng chực sẵn ở bến xe. Cáo đủ quên một ngày, cho xong xuôi một đời, còn gì hơn. Thuận tì tay lên thành cửa nắng mai rợp cánh đồng màu vàng tươi sáng, những cụm đồi trọc cháy khô nom rõ gần gũi. Phiên chợ họp giữa con đường liên tỉnh đã tan vợi lối nhường cho đoàn *convoy* đi qua, tiếng máy xe rù rù dai dẳng làm lữ nhỏ thấp thỏm ngồi không yên, chốc chốc dò mắt trông ra cửa sổ. Một chiếc bà già từ đâu bay tới lượn vòng trên đầu rồi bỏ đi, lát sau trở lại rà xuống thấp hơn. Thuận kịp nhận ra đám khói nghi ngút nơi cái hồ rác cuối gốc sân, nàng quay lại.

— Em nào ra đập tắt đồng lá dương mau.

— Đề dọa máy bay chơi mà cô.

— Không có giỡn, đại bác nã chết hết thầy trò bây giờ.

Thằng Nha đã chạy đi, nàng dặn thêm.

— Treo lá cờ lại cho thằng thỏm coi.

Ngọn quốc kỳ nhật màu ủ rũ cuốn mình quanh khúc cán tre (mỗi sáng có đội học sinh trực mang buộc vào cây trụ xi năng nơi hàng hiên, đến chiều hạ xuống cất vào tủ). Lúc thằng Diếp bắt ghế đẩu người nâng cán cờ cao lên, hăn chợt thấy cái máy bay nghiêng xuống, nhả ra một đám « bướm bướm » nhón nhơ xoay tít trên cao, hăn chặc lưỡi.

— Trời, nó thả giấy đẹp quá.

Những tấm giấy lượn thấp dần, hăn náo nức đợi nó bay ngang đầu mình nhưng cơn gió bất ngờ đánh dạt hết qua phía chợ. Diếp ức quá, hăn muốn trốn cô giáo phóng mau ra chợ may mắn còn dành được ít tờ của tui con nít đem về bao vở.

Chừng nó đã đi khuất, Thuận thở dài nhẹ nhõm ngồi vào bàn lăm le cây bút trên trang sổ điểm. Những khuôn mặt bên dưới im sững thộn ra.

— Em nào thuộc bài ?

Hai ba cánh tay yếu ớt đưa lên. Thuận nghiêm nét mặt.

— Còn những người kia, tại sao không học ?

— Thưa, cô đem qua súng bắn dữ quá chẳng dám thấp đèn.

— Thưa cô, nhà em bị cà-nông cháy hết sách vở.

— Thưa cô...

Những lý do quá chính đáng làm nàng khựng miệng. Có thật thế chẳng hay tất cả đều bịa đặt, lần nào cũng vậy, lắm lúc Thuận muốn xé nát quyền sở,

xóa hết những con điểm bỏ xuống ngồi với tụi nhỏ lâu la chuyện vãn, mò mẫm vào mỗi khoảnh đời riêng rẽ ngoằn ngoèo bao uẩn khúc nghi nan. Có tiếng gõ cửa nhẹ nhẹ, Thuận rút mũi viết khỏi môi ngang đầu nhìn lên. Viên chuẩn úy và người lính hất cằm chào nàng. Thuận nhồm dậm bước ra hàng biên dỏi mắt chờ đợi.

— Chào cô, vị sĩ quan vừa lòi trong túi áo một tờ giấy vớ vừa nói, tối qua chúng tôi bắt được một tên V.C. soát trong người hắn có một ít kẹo gói bằng tấm giấy này, chắc là giấy vớ của một học sinh lớp nhì, cô xem thử

Thuận cầm lấy, lật qua lật lại bài viết tập và tính đổ, rõ ràng con số đếm chính tay nàng cho cách đây chưa lâu. Lớp học bắt đầu chộn rộn ồn ào hẳn lên, nàng ra dấu cho tụi nhỏ ngồi im.

— Đúng là giấy vớ học trò lớp tôi.

Viên chuẩn úy có vẻ mừng, y chậm rãi đốt một điếu thuốc.

— Nhờ cô xem thử vớ của đứa nào?

Thuận vuốt tóc nhíu mày cố nhớ, thôi phải rồi, chữ của hăng Ri chứ còn ai khác, xiêm xẹo nguệch ngoạc, nó vẫn bị nàng lấy thước kẻ tay hoài.

— Các ông bắt nó sao?

— Không, tôi chỉ hỏi sơ qua vài điều cần thiết.

Thuận vẩy tay gọi nó. Thắng Ri ngo ngác một phút rồi bước lên lưng thừng.

— Vớ cũ em học xong còn giữ lại chứ?

— Dạ, em cất ở nhà.

— Sao để người ta xé hết thế này?

Nó bỏ ngớ nhìn tờ giấy đầy nếp gấp. Viên chuẩn úy cúi xuống,

Cra em làm gì?

Dạ chết lâu rồi.

Thật không?

— Thật.

— Còn mẹ em tên gì?

Thắng Ri ngó chòng chọc vào mặt y bặm miệng làm thinh.

— Mẹ em làm gì?

— Mua bán ngoài chợ,

— Nhà ở đâu?

— Dưới ấp Nam.

Y còn hỏi thêm nhiều câu tới tấp nhưng thắng bé vẫn lắc đầu. Người lính muốn dọa dẫm nhưng thấy Thuận còn đứng cạnh nên thôi. Cuối cùng họ cảm ơn nàng rồi bỏ đi. Thuận tìm vài câu đề trấn an lũ nhỏ nhưng chừng như chúng không chui nghe, cứ bàn tán rì rầm. Từ đó, một nỗi bất ổn luôn luôn đập dềnh trong lòng. Thuận cố quên bằng cách cho học trò chép bài liền tay.

oOo

Mấy ngày liền, thắng Ri nghỉ học biệt tăm, Thuận hơi bồn chồn. Nàng vẫn không tin lời thắng Diếp.

— Má trò bị lính quốc gia bắt

— Sao em biết?

— Cai ông chuẩn úy bữa hôm tới đây đó. Người ta nói má trò tiếp tế cho nẫu.

— Còn nó thế nào?

— Em đi học ngang nhà nhưng không thấy trò nơi, chắc trốn đi rồi.

Gió thổi rùng rùng trên mái tôn lùa hơi nóng từ cánh đồng vào ngột nạt. Mồ hôi ứa ra vải áo trắng soi rõ từng khoảng da lồi lõm. Nàng bỏ lên phòng trường giáo, lão Hiệu trưởng đang cúi xếp sớ sách trong học tủ đứng dậy phẩy tay cười.

— Một quá cô à — còn hơn tháng nữa mới nghỉ hè, liệu có yên ổn gì không? nghe đêm qua họ về trường Phú-lộc lời bàn ghế ra làm mĩt-mĩt.

Thuận cười, chộn rộn thì nghỉ phá, càng khỏe. Nàng vẫn rất về lại chuyện thằng Ri, ông lơ đãng lắc đầu.

— Thời chiến tranh mà có. Nhiều lúc chính học trò nó vác súng tới bắt mình dẫn lên núi cũng chịu.

Khi bước chân lên hàng hiên, Thuận nghe nhiều loạt súng nổ đâu ngoài chợ. Ven con đường liên tỉnh thấp thoáng những bóng người lom khom chạy khuất vào mấy lùm cây. Họ sinh tủa ra cửa lớp chen lấn rối rít, vài đứa la khe, chết cha nẫu về rồi. Nghe vậy, Thuận lơ quơ chân tay không biết phải phản ứng thế nào? Lão Hiệu trưởng ra tới giữa sân, ặt tái mét. Bên kia gò mả, hai ba người cán bộ xây dựng mặc đồ đen chạy xầm xầm. Học trò tràn xuống sân kêu la loạn xạ. Thêm nhiều tiếng súng nổ chóc chóc nghe gần bên tai. Thằng Nha chụp lấy tay Thuận thở hồn hèn.

— Cô trốn ra ngã này mau.

Nàng không còn biết gì nữa, tim đập thình thịch muốn rớt ra ngoài, Thuận vất guốc chạy theo thằng học trò lủi thủi phía trước. Những mô đất, những gốc rạ cứ dâng lên lồng lộng. Hai tà áo dài bay nhập nhoà cuốn hút trong cơn gió thổi rất. Có lúc chừng như nàng té quỵ xuống nhưng đôi chân vẫn chạy thoăn thoắt. Mau cô, mau lên cô. Thuận hoa mắt không còn thấy bóng thằng Nha đâu cả. Vượt qua khỏi mấy bụi cây lấp xấp, nàng ngồi bệt xuống ôm ngực thở hồng hộc. Naoè nhoẹt trong mắt nàng hiện lên dăm ba cái bóng nhỏ bé loảng quảng trên soi ruộng trống. Ngôi trường đứng trơ trọi đằng xa kia, lão Hiệu trưởng

không biết trốn lốt không hay đã bị bắt? Những đứa học trò? Bây giờ nàng mới cảm thấy mười ngón chân nhúc nhối rướm rướm. Thằng Nha không biết núp từ chỗ nào chạy vọt tới.

— Cô rần chạy về nhà em đi.

Thuận kéo nó ngồi xuống lắc lắc đầu.

— Không thôi cô ra đợi ngoài đường ruộng, em về lấy xe đạp lên chờ.

Nó vụt đi mất hút, Thuận cố đứng dậy nhưng lại rơi xuống. Ngoài xa con đường liên tỉnh mờ nhạt trong cái bao la ngan ngát giữa nắng gió buổi trưa chỉ còn là nét vẽ tường tượng đứt khúc.

oOo

Trận đánh kéo dài suốt buổi. Đến chiều đại đội của Khảm tiến vào khu chợ gạch đá lộn nhồn. Xác giặc bị trục thẳng xạ kích nằm chết rải rác dọc theo con nường. Chàng dần toán lính vượt cây cầu xi măng đi vào cái ngõ tre ngả nghiêng cành lá. Vài ngôi nhà tranh cháy rụi khói còn bốc âm ỉ trên nền tro đen, khung cảnh vắng lặng buồn thảm dưới màu nắng héo. Chừng như tất cả dân làng đã rút đi. Chàng nói với viên trung đội phó.

— Lục soát xong hãy ăn cơm. Mình nhịn đói cả ngày rồi.

Những người lính tản ra các đụn rơm, đồng gạ h. Khảm bước qua cổng ngôi trường tiểu học, một mái tôn bị tróc nóc cháy cong, chàng leo lên bệ cột cờ ngồi hút thuốc, quanh đó vài cái cặp, sách vở rơi vung vãi. Tự dưng Khảm buồn ngủ quá đời, không hẳn vì mấy ngày đêm lặn lội rình mò mệt mỏi rồi, chừng như cảnh vật im lìm ngút ngùi chết chóc chung quanh muốn chàng nhắm mắt lại, nằm thẳng xuống thoải mái, chứ phải

nhìn, phải ngó, phải để phòng hay suy nghĩ vẩn vơ. Một người lính cười lớn.

— Có cả guốc đàn bà vút đây.

Khảm rời chỗ ngồi đi về phía căn phòng học toang toác cửa ngõ. Đám lính đã tập trung trong hàng hiên mở ba lô lấy ra những gói cơm vắt. Thằng truyền tin chạy tới trao máy cho cho chàng. Khảm nhận lệnh vắn tắt rồi quay lại nói với bọn lính đang ăn cơm.

— Tối nay mình đóng ở đây, tất cả đào hầm nằm quanh bìa rào.

Khảm bước vô lớp học bàn ghế xô nghiêng, tấm bảng đen còn treo vững trên tường chép một bài sử ký nét chữ quen quen, chàng đọc mấy con số ghi ngày tháng, buổi học mới xảy ra cách đây ba hôm. Sổ sách còn vắt bừa bãi trên bàn thầy giáo. Khảm cúi lượm cuốn tập bìa xanh bọc giấy ni-lông nằm dưới chân. Mắt chàng khựng lại: "Vở soạn bài — Lương thị Thuận". Một lát chàng cuống lên nhìn quanh quất ngó Thuận đang trốn núp đâu đó. Chàng lật nhanh từng trang và dừng mắt lại giữa tập.

"Ngày... tháng...

"Anh.

"Nhận thư, tôi mới nhớ ra anh còn ở quanh đâu đây, có những lần chuồn về thành phố mà tránh gặp tôi. Thế cũng hay, tôi đang là kẻ khốn khổ vì cái nghề này, suốt buổi bực dọc khó chịu bởi những thứ không đâu, từ bên ngoài ập đến, nếu gặp anh lúc này chắc tôi có cớ để tả oán tả thảm mất thôi. Trước khi vào lính, anh bảo "trông Thuận ăn nói tựa cô giáo", ngờ đâu câu nói đùa ấy lại ám ảnh tôi hoài huyễn và thoát một cái tôi đã chứng chạc cầm phấn vẽ rỗng

vẽ rỗng trước mặt tự nhai. Bây giờ tôi mới thấy thất vọng, không phải người ta đẩy lên cái trường vùng quê mất an ninh đó đâu, cũng không phải tôi sợ cảnh "bên gái dặm trường heo hút" như anh nghĩ. Dần dà tôi mới nghiệm ra lời mấy con bạn là đúng: đi làm công chức để kiếm chút danh vị lấy chồng. Tôi chưa anh, tôi ghê tôi rồi đó. Và mỗi buổi sáng tôi phải xích lại gần với những khuôn mặt phờ phạc lem nhem của học trò để thấy mình chưa đến rồi nọ. Tôi chưa thể rời bọn nó, không muốn mình bỏ cuộc vội để chịu thua mấy con bạn xấu mồm xấu bụng, nhưng tôi vẫn trách anh hoài.

"Anh. Tôi hiểu vì sao anh không chịu nộp đơn xin biệt phái về đi dạy lại, dẫu đời lính tráng nay đây mai đó quá khổ cực, con trai làm giáo viên yếu thật, yếu trăm bề, đồng ý, anh ngại gặp lại những đồng nghiệp cũ, những kẻ "dạ dạ thừa thừa, vào lòn ra cúi" ở đây. Anh quá gay gắt đó thôi. Lối nay sao anh nuôi toàn thứ ý nghĩ chằm biếm, chua chát, gì đâu mà "tổn công đèn sách bao năm rồi đem mình bán cho Ty Tiểu học nuôi, ngày ngày kéo cày trả nợ", hãn anh xúi dục tôi sớm bỏ cái nghề này ư?

"Tôi cố quên anh trong những câu chuyện lang bang ngày trước để còn có thể ở lại ngôi trường đó ngày nào hay ngày ấy. Tôi đã ngu nên không chịu kéo thử hai ngọn tóc dài ngắn anh se lại hôm nào. Rõ mình còn ngây thơ quá. Thôi quên nghe anh, đừng có nhạo tôi nữa. Đã tới giờ ra bến xe lên trường. Chúc anh nhiều may mắn Hẹn."

Thuận

Khảm dứt quyền võ vào bụng áo trở ra ngoài, những người lính đang cặm cũi đào hầm. Phút chốc chàng muốn bay về

thị xã tìm tới căn phòng bên bờ sông đó, liệu Thuận có còn ? Mặt trời thấp xuống bên kia dãy đồi trọc đỏ loét. Khảm gãi mình vô cớ, chàng đá nhẹ đôi guốc còn mới quai thêu kim tuyến nghe tiếng kêu khô khan. Tên lính đứng gần đó nhún răng cười.

— Chuẩn úy cho em đi. Kỳ sau mang về tặng con vợ.

oOo

Mùa hè năm đó Khảm về phép gặp lúc Thuận mới khỏi bệnh, hai người dắt nhau đi quanh phố ngay buổi chiều đầu tiên. Mỗi cặp họ vào cái quán nước sau lưng chợ. Một thằng bé đánh giày trở tới ngồi xụp xuống bên chân Khảm xoa xoa bàn chải lên đôi bốt-đô-sô đầy bùn đất. Khảm nhích chân ra cau có.

— Đi chỗ khác chơi mầy.

— Đánh bóng rười đồng thôi.

Nó ngược khuôn mặt lèm nhèm lên chờ đợi, miệng há ra. Bằng một phản ứng không dẫn kịp, Thuận kêu thành tiếng.

— Trời ! Ri...

Nàng vói tay chụp vai nó, thẳng bé ngẩn ngơ trở mặt nhìn Thuận

— Cô. . .

Nhanh như chớp, nó bật cái hộp đồ nghề chạy vụt ra cửa. Thuận ngó dỏi theo bóng nó mất nhanh ngoài đường, nàng quay lại vuốt tóc buồn bã.

— Một đứa học trò cũ.

Hai người nhìn nhau im lặng.

PHẠM NGỌC LƯU

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ.

Về một ngôi trường ở Quảng-Phước

Thơ ĐÔNG-TRÌNH

Trên chiếc cầu ao buổi chiều
ngồi bên mây
tao nghe lòng mềm theo mưa sợi nhỏ
mưa không đủ lớn
để thả trôi theo những cơn buồn
ôi những cơn buồn một đời lăn dọc sống lưng ta
nhấn tằm như đá tảng.

Tư hãy nói về ngôi trường nơi mây đang sống
có phải băng qua những cánh đồng
lời chào buổi mai treo đầu mũi súng
có phải lăn qua những ổ gà
trong hố mắt người giọt thù còn đọng ?

Ôi Tư hãy nói về lũ trẻ em mây dạy
có phải cỡi quần áo xắn tay ôm
qua khe nước sâu hận thù còn xoáy
những đĩa học trò bụng ỏng thân gầy
mắt nhìn ngu ngơ một quê hương cháy ?

Còn những đồng rơm chất quanh sân trường
bùng ngọn tình thâm trong đêm cấm trại ?
còn những chiếc băng gố lóc chân mòn
sách kê dưới đầu buổi trưa ở lại ?

Ôi Tư hãy nói về những bữa cơm
gói trong mo cau bọc trong lá chuối
cơm thầy mang từ thành phố cơm trò dưới xóm dừa lên
những nắm cơm thơm ngậy muối mè
trên một quê hương nhiều vùng xôi đậu

Tư hãy nói về những đêm mây ở lại
nằm giữa học trò trong căn phòng tối
dưới tấm phản dày bao cát chung quanh
câu chuyện cổ tích xin thầy đưa lối
cho các em quên tiếng súng nổ gần.

Hãy nói về buổi sáng máy thức dậy lúc sáu giờ
bát cháo lót lòng đợi hết giờ nghiêm
ra đón xe về cây số mười bảy.

Ôi những chiếc xe già uốn xương cọc cạch
thở khói phì phào ống khói bên hông
những chiếc xe chạy cầm chừng
như lão già tài xế
những chiếc xe mũi trần xập xệ
đu bay trên con đường ruộng đầy mình.

Hãy nói về buổi dạy của máy bắt đầu từ mười giờ
(khi đó bài quốc ca trường tao đã lên cao như cổ tích)
máy xuống xe đưa cặp học trò xách
ôi những đứa học trò ra đón thầy từ con lộ đầu thôn
hân hoan biết bao khi biết thầy về bình an vô sự
thầy đã lăn qua những con đường đầy hố bom
gọi tên học trò trong từng nỗi nhớ.

Hãy nói nữa đi Tư nói nữa đi
trên cầu ao chiều nay tao nghe máy mở lòng từng nút thắt
hãy nói về những ngày đi dạo băng qua Phá Tam-giang
ôi ngọn nước nào trên quê hương không mang vết nhọc
hãy nói với học trò
bằng con thuyền độc mộc
tiền nhân ta đã trấn giữ đầm lầy.

Và tao muốn được nghe
dự tính máy trong mùa hè
có phải xây thêm nhiều phòng ốc mới
con đường vào thôn các em đồ sỏi
cho bớt đau những bước chân trần
có phải máy định trồng hoa vuông sân
cho cô giáo mới về thấp từng cánh nhớ?

nói nữa đi Tư nói nữa đi
tao đang nghe máy rất đầy hơi thở

(Viết cho NGUYỄN VĂN TƯ)

Huế, 25-6-1969,

THỜI-SỰ KHOA-HỌC

Nhân cái chết của bác sĩ Philip Blaiberg

Tin bác sĩ P. Blaiberg qua đời làm xúc động dư luận không ít. Đó là con bệnh sống lâu nhất sau cuộc giải phẫu của bác sĩ Barnard. Trường hợp của P. Blaiberg làm mất tin tưởng hoàn toàn ở phương pháp ghép tim chẳng?

Cho tới nay kết quả của các cuộc ghép tim không làm an lòng được những con bệnh đang cần một trái tim mới: trong 140 trường hợp chỉ có 47 bệnh nhân sống được hơn 3 tháng sau khi mổ. Số bệnh nhân sống quá năm lại càng hiếm hoi hơn: chỉ mới có hai người là bác sĩ Philip Blaiberg, bệnh nhân thứ hai của bác sĩ Barnard ở Nam Phi, và cha Jean-Marie Boulogne ở Pháp. Tuy nhiên những kết quả khả quan hơn do bác sĩ Norman E. Shumway, một nhà giải phẫu tẩm tiếng thuộc viện Đại học Stanford ở Hoa Kỳ thu lượm được. Ông chỉ mới thực hiện có 14 lần ghép tim: 6 bệnh nhân trong số đó hiện còn sống và đang trở lại dần cuộc sống bình thường. Bác sĩ Barnard cho đó là những

kết quả có giá trị khích lệ lớn lao, nó chứng tỏ cơ thể của một số người có thể thích hợp được một cách tốt đẹp với vật lạ. Những kẻ may mắn sống sót đó sẽ là những chìa khóa quý báu giúp các nhà khảo cứu tìm ra một phương pháp ngăn cản phản ứng thải hồi của cơ thể hiện nay là nguyên nhân chính yếu duy nhất gây ra các thất bại cho các nhà giải phẫu.

Trong cuộc chạy đua này, có những kẻ thiếu may mắn hơn. Đó là trường hợp của bác sĩ Denton A. Cooley. Ông là người thực hiện được nhiều vụ ghép tim nhất từ trước tới nay trên thế giới. Kể về lượng, ông bỏ xa các đối thủ của mình. Các phụ tá của ông liên lạc với cảnh sát ở tiểu bang, mỗi khi có tai nạn là lập tức tới nơi để... xin trái tim của kẻ xấu số. Mục đích trái với lương tâm của những kẻ có thiên chức cứu người này làm cho gia đình của kẻ bị nạn bất bình, mặc dầu họ không tiếc gì trái tim của người đã chết để có thể cứu một mạng người khác. Những ác cảm và nghi ngờ càng ngày càng nhiều chung quanh

PHÂN ƯU

Được tin Ông HOÀNG-CAO-TĂNG, bào huynh Ông HOÀNG-MINH-TUYNH, đã từ trần tại nhà riêng Saigon ngày 24-8-1969, hưởng thọ 59 tuổi.

Xin chân thành chia buồn cùng tang quyến và ông Hoàng-Minh-Tuynh, và cầu chúc hương hồn người quá cố sớm hưởng mặt Chúa trên Thiên-đàng.

PHẠM DUY, PHẠM DUY LÂN, NGUYỄN NGU Í,
LÊ NGỘ CHÂU và Tòa soạn tạp chí Bách-Khoa.

các nhà giải phẫu. Ở Anh, báo chí có đạo nói đến trường hợp một nhà giải phẫu đã cắt trái tim còn đập của một nữ bệnh nhân 29 tuổi bị một bệnh nan y ở não bộ Ở Nhật, bác sĩ Juro Wada, bị các bạn đồng nghiệp lên án sát nhân khi ông thất bại trong việc cứu sống một thanh niên 18 tuổi bằng một cuộc ghép tim.

Mặc dầu bị dư luận chỉ trích và các thân chủ mất tin tưởng, thật ra các cuộc ghép tim hầu hết đều kéo dài đời sống của bệnh nhân. Có lẽ con người vẫn chưa xóa bỏ được quan niệm coi quả tim là nơi cao quý, chất chứa những tình cảm sâu kín nhất của mình cho nên đã khó chịu vì thấy nó bị coi thường. Dưới ánh đèn của phòng mổ, một quả tim người rất giống quả tim heo. Không hiểu vì lý do gì bác sĩ Barnard dự định sẽ thay thế tim người bằng tim sư tử mà không bằng quả tim heo, mặc dù hiển nhiên là tim heo dễ kiếm và rẻ hơn nhiều.

Trong việc ghép tim, giờ đây sự khó khăn không còn là vấn đề kỹ thuật. Bác sĩ Cooley có thể thực hiện nó trong một thời gian rất ngắn, với đôi bàn tay lặp luyện ông không cần phải tốn thời gian ướp lạnh quả tim của người cho trước khi để vào ngực người nhận nữa. Sự khó khăn là nếu người ta cố gắng loại trừ phản ứng thải hồi của cơ thể bằng cách này hay cách khác, chẳng hạn cho dùng nhiều *Imuran* hay *Prednisone* thì đồng thời người ta cũng làm giảm sức miễn nhiễm của cơ thể xuống một mức nguy hiểm. Bệnh nhân đầu tiên của Barnard đã chết vì chứng sưng phổi mặc dầu những biện pháp cô lập và khử trùng được áp dụng triệt để sau khi mổ.

Sự thành công trong tương lai sẽ

được tìm thấy ở trong phòng thí nghiệm chứ không phải ở trong phòng mổ.

« Xin cho chồng tôi một quả tim ! »

Đó là lời kêu gọi khàn thiết của bà Shirley Karp được phát đi trên vô tuyến truyền thanh và truyền hình Mỹ. Tại bệnh viện Saint Luc ở tiểu bang Houston, chồng bà, ông Haskell Karp, đang sống những giờ phút đầu tiên của cuộc sống mới với trái tim nhân tạo trong lồng ngực. Ông đã bị đau tim hơn 10 năm. Những cơn đau làm ông tưởng như đã chết đi bao nhiêu lần rồi. Sau cùng, ông đã dùng tới *pacemaker*, một bộ máy điện tử tí hon gắn vào lồng ngực bên trái để nhờ tới những kích thích do dòng điện trong máy phát ra thúc đẩy con tim mệt mỏi của ông làm cái công việc nhàm chán là bơm và hút máu mỗi giây đồng hồ. Rồi máy này cũng hư nốt. Ông được đưa tới bệnh viện Saint-Luc, mong chờ một hy vọng cuối cùng vào tài ba của bác sĩ Cooley, nhà giải phẫu tim nổi tiếng nhất ở tiểu bang. Bác sĩ Cooley quyết định thay thế tim bệnh nhân bằng một quả tim khác. Trong lúc chờ kiểm được quả tim mới, giải phẫu đoàn đã phải thế vào đấy một quả tim nhân tạo để cứu sống Karp.

Quả tim nhân tạo này bằng plastique do bác sĩ Domingo Liotta, gốc người Á căn đình chế tạo và đem dùng lần đầu tiên. Kiểu mẫu này chưa được hoàn hảo và còn đang ở trong vòng thí nghiệm trên súc vật. Chính vì thế mà sau này bác sĩ Cooley đã bị lên án là quá hấp tấp và coi thường sinh mạng của bệnh nhân.

Quả tim nhân tạo đó, đầu tiên trên thế giới, giúp kéo dài đời sống của Haskell Karp hơn 65 giờ đồng hồ.

Vấn đề cấp bách là tìm ra một quả tim mới để thay thế cho quả tim nhân tạo không biết sẽ ngưng đập lúc nào. Sau lời kêu gọi của Bà Shirley Karp, từ Massachusetts cho biết có một bệnh nhân sắp chết và gia đình bà ta sẵn sàng tặng trái tim cho ông Karp. Từ Houston, một máy bay phản lực trang bị đặc biệt chờ theo bác sĩ Lennon và 2 cô y tá tới ngay bệnh viện Lawrence ở Massachusetts. Trong chuyến bay trở về, máy bay bị hỏng máy phải đáp xuống một sân bay quân sự, báo hại binh sĩ nơi đây đã báo động để ứng chiến. 6g45 sáng, tim của bà Barbara Evan ngưng đập, và 9 giờ cùng ngày thì quả tim của bà đã nằm trong lồng ngực Haskell Karp.

Mặc cho mọi hy sinh và cố gắng, Haskell đã từ trần 32 giờ sau đó vì chứng sưng phổi kèm theo với những biến chứng về thận. Haskell sống được 48 tuổi trời, trong đó có 65 giờ với một trái tim bằng plastique và 32 giờ với trái tim của người khác!

Thuốc ngừa thai cho đàn ông

Kể từ lúc vấn đề hạn chế sinh sản được đặt ra thì gần như lúc nào nó cũng chỉ xoay quanh người đàn bà. Đàn bà mang nặng đẻ đau thì trách nhiệm gây ra nạn nhân mãi mãi phải do các bà gánh chịu. Người ta vô tình hay cố ý lơ hẩn đi vai trò của ông chồng, coi như không có dính líu gì đến chuyện chữa đẻ rắc rối của bà vợ cả.

Có rất nhiều phương pháp đã được

đem ra áp dụng. Từ phương pháp giản dị và phổ thông nhất là những viên thuốc ngừa thai xinh xinh mà các bà uống hằng ngày cho tới những phương pháp khó khăn hơn như đặt vòng xoắn, cắt bỏ buồng trứng... Các bản thống kê cho biết người đàn bà dùng nhiều thuốc ngừa thai rất có nhiều hy vọng bị ung thư vú. Viên thuốc ngừa thai được chế tạo từ 2 kích thích tố nữ là estrogen và progesterone, dùng riêng hoặc cùng với nhau, có tác dụng trên toàn thể hệ thống tuyến nội tiết của cơ thể và do đó gây ra những ảnh hưởng lâu dài về sau không thể kiểm soát được. Dùng thuốc ngừa thai đã là một sự liều lĩnh. Trong một cuộc phỏng vấn đa số các bác sĩ cho biết đã không cho vợ dùng tới loại thuốc này.

Trong những ý kiến mới về phương pháp ngừa thai, các bác sĩ nghĩ tới việc phá hủy hoàng thể (corps jaune) của đàn bà và biến đổi tinh trùng của đàn ông. Hoàng thể là nơi tiết ra progesterone, được thành lập trong mỗi kỳ kinh nguyệt của người đàn bà. Nếu làm cho hoàng thể ngưng hoạt động, người đàn bà sẽ tạm thời bị hiếm muộn. Ý kiến thứ hai, việc làm thay đổi tính chất và khả năng của tinh trùng thực ra đã được áp dụng có kết quả ở loài vật. Tinh trùng chỉ gây sự thụ tinh khi ở trong một số điều kiện thích hợp nào đó. Nhưng cái khó là làm thế nào thuyết phục cho được đàn ông uống thuốc ngừa thai!

TỬ DIỆP

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Kêu " má "... Cực tới chết

Người ta nuôi hai con khỉ thật khôn để thí nghiệm. Con khôn nhất tên là

Sultan. Nó biết làm rất nhiều trò, tinh anh rất mực.

Đề trắc nghiệm tới cùng khả năng

trí thông minh của nó, người ta dạy cho Sultan tập nói. Nó nói « *maman* ». Nhưng chỉ bập bẹ được có chừng ấy là nó ngã bệnh, chết. Xét ra là vì học nói đòi hỏi sự chú ý ghê gớm, làm hao tổn tinh lực, nó chịu không nổi.

Câu chuyện trên đây, nhà ngôn ngữ học Noam Chomsky thuật lại trong tác phẩm *La linguistique cartésienne* do nhà Le Seuil vừa in bản Pháp dịch, để chứng minh rằng ngôn ngữ là một sáng tạo không ngừng, chỉ riêng loài người mới có.

Chiến tranh báo chí.

Trận giặc báo chí này diễn ra bên Nga. Hậu quả là nhà thơ Eugène Evtouchenko bị đuổi khỏi tòa soạn tờ *Younost* (Thanh niên), Anatole Kouznetsov được cử thay thế. Sau đó A. Kouznetsov lại bỏ trốn sang Anh.

Phía sau vụ thanh trừng ở tòa soạn *Younost* có một vụ xung đột giữa hai phe ở Mạc tư khoa: một phe «siêu quốc gia chủ nghĩa» (*superpatriotisme*), lúc nào cũng hô hào ca tụng truyền thống hào hùng của dân tộc Nga bách chiến bách thắng, của dòng giống Slave đứng trên mọi dòng giống khác trên thế giới, có sứ mệnh diu dắt các dân tộc khác. (Nói cụ thể: là có sứ mệnh chiếm đóng Tiệp khắc). Một phe khác, viện dẫn lời của Lénine cho rằng: « Một quốc gia đi thống trị các quốc gia khác thì không thể nào có tự do », để chống lại phe trước, chống lại cuộc chiếm đóng Tiệp Khắc.

Phe « truyền thống hào hùng » gồm có những tờ tuần san *Ogoniok*, tờ nhật báo *Molodaya Gvardia* (Vệ binh trẻ)... Tờ nhật báo này là cơ quan ngôn luận chính thức của của tổ chức Thanh niên cộng sản (Komsomol).

Phe chống đối gồm có các tờ *Novy Mir* (Thời Mới) và mấy văn thi sĩ đã kể trong tờ *Younost*.

Giao đấu mấy hiệp đầu, hậu quả hơn thua đã được phơi bày. Nhưng trận đấu chưa kết thúc. Hạ hồi chưa phân giải, Chờ xem.

Con bò to vú ở Sahara

Một kho tàng hội họa vào hạng xưa nhất thế giới vừa được phát giác tại vùng sa mạc Sahara. Người có công là Henri Lhote, vừa tổ chức một cuộc triển lãm thành tích qui mô ở Alger.

Sahara hiện nay là sa mạc. Trước đây bảy nghìn năm, đó lại là một miền dân cư đông đúc. Tu tập tại địa điểm gọi là Tassili-n-Ajjer (Cao nguyên giang hà).

Dân Tassili-n-Ajjer xưa kia có những tay danh họa. Họ không chỉ vẽ dăm ba bức, hay dăm ba chục bức. Họa phẩm của họ khắc trên vách còn lưu lại hàng mấy chục cây số dài! Nghĩa là một số lượng khổng lồ khiếp nhất thế giới! Góp nhép chung tất cả di tích họa phẩm tiền sử của toàn thể Âu châu, không bằng của một vùng cao nguyên Sahara này.

Lượng đã thế, phẩm cũng tuyệt vời. Có những bức màu sắc tinh vi. Cho nên theo chân Henri Lhote, bao nhiêu là nhà quay phim, là họa sĩ, điêu khắc gia v.v. . . đến quay phim, chụp hình sao chép tại chỗ.

« Tại chỗ », xin nhắc lại hiện nay là sa mạc. Vì vậy các phái đoàn nghệ sĩ say mê nọ bị vất vả, khốn đốn hết sức. Henri Lhote bảo rằng có người sút mất chừng 25 ký lô! Ai nấy gầy nhom như que củi.

Chịu khốn đốn đến như thế liệu các nghệ sĩ có bị lừa bịp chăng? Nói cách

khác : liệu các họa phẩm này có quả thực là xưa chăng ?

Theo giới chuyên môn, quả là xưa thực. Nhưng bức xưa nhất thuộc thời kỳ *bubale*, tức từ 5 nghìn đến 6 nghìn năm trước đây lịch kỷ nguyên.

Bubale là một giống vật, tổ tiên của loài trâu. Loài bubale xuất hiện trước, rồi tàn diệt. Kế đến loài trâu bò. Lúc con bò được loài người bắt về nuôi dễ dàng, thì các nghệ sĩ tiền sử cũng lại khoát bò, và .. bằng hái vẽ bò. Thời kỳ hội họa tiền sử này gọi là thời kỳ trâu bò (*période bovidienne*) ở vào khoảng từ 4 ngàn năm tới 2 ngàn năm trước tây lịch kỷ nguyên. Tại miền cao nguyên Tassili (ở Sahara) phái đoàn Henri Lhote cũng gặp nhiều hình bò cái vú rất to. Bò to vú là bằng chứng nó đã được người chăn nuôi đấy !

Thế rồi sau thời kỳ bò, đến thời kỳ ngựa. Cứ thế kho tàng hội họa Tassili phác họa cả những bước tiến hóa của loài người tiền sử.

Chính phủ Algérie đang tính chuyện bảo vệ và khai thác vùng này để hốt bạc giới du lịch thông thái quốc tế.

Độc lập văn hóa của một chủng tộc.

Những tiếng tổng tập bùng ở Alger cuối tháng 7-69 vừa qua đã làm cho các dân tộc da trắng Âu Mỹ chú ý.

Từ 21-7-69 đến 1-8-69, một Đại hội Văn Hóa Liên Phi Châu đã họp tại thủ đô xứ Algérie. Tham dự có hàng vạn nghệ sĩ, đủ mọi ngành, tại 35 quốc gia Phi Châu, nghệ sĩ các phái đoàn da đen từ các xứ Mỹ châu.

Họ triển lãm, múa, hát, đóng trò

v.v., họ biểu diễn mọi hình thức nghệ thuật cổ truyền, họ tìm kiếm một đường lối văn hóa cho chủng tộc trong hiện tại tương lai.

Cuộc thức tỉnh của dân da đen về phương diện văn hóa là một hiện tượng quan trọng của thời đại.

Đoàn quân mũ xanh

Cuốn phim *Đoàn quân mũ xanh* đi tới đâu, phái tả đuổi theo phá đám tới đó. Ở Nữ ưóc, ở Luân đôn, ở Copenhagen ở Paris, v.v. đều có biểu tình, biểu ngữ, đốt pháo để phản đối. Quốc hội Mỹ cũng phản đối quân đội đã hợp tác thực hiện cuốn phim.

Mặc kệ. Cuốn phim cứ chiếu. Phim nói về sự hoạt động của lực lượng đặc biệt Mỹ tại Việt Nam. Nhà sản xuất, John Wayne thân nhiên trình bày ý nghĩa mình muốn diễn tả : Mỹ thì cao thượng, anh hùng, rộng lượng. Việt cộng thì gian manh, ác độc, tính toán, Lính Mỹ nhìn thẳng vào mặt đối phương, tù binh Việt cộng mắt ngó lảo liên, xảo trá v.v.

John Wayne bảo rằng mình chỉ diễn tả những cái đơn giản như thế, John Wayne là một người to lớn, vạm vỡ, là một người lừ lừ, sẵn sàng đón nhận những mũ dùi công kích tứ bề mà không bối rối mảy may.

TRẦN-THIÊN

8-69

Giang sơn gấm vóc

Cuốn *Non nước xứ Quảng* của ông Phạm trung Việt mới tái bản, lần đầu mang hai chữ *tân biên* vì tác giả đã sửa lại kỹ, thêm nhiều đoạn, nhiều mục chẳng hạn, chương *Nhân vật* ông thêm được nhiều tài liệu về Lê văn Duyệt, Trương công Định; chương *Nông lâm*

sản, ông thêm mục Quế Quảng (ghi rành rọt hình thái, tổ chất và hương vị của quế, cách trồng, cách bóc, cách đề dành) chương Món ăn đặc biệt, ông thêm mục Don Vạn tượng. vân, vân... Nhờ vậy sách dày hơn được bốn chục trang. Hình cũng thêm mà cách trình bày cũng nhã hơn hai lần trước.

Trong bảy năm (từ 1962) mà sách in tới lần thứ ba, về loại Địa phương chí, như vậy là được hoan nghênh lắm. Theo tôi, có lẽ là nhờ :

1- Quảng Ngãi là một miền nhiều thắng cảnh, danh nhân, ai cũng mong được biết. Mười cảnh : Thiên ấn niêm hà, Thiên bút phê vân ; Cồ lữ cô thôn, vân vân... nội cái tên cũng đủ hấp dẫn rồi; lời văn tả cảnh của tác giả, gọn và sáng.

2- Tác giả biết ghi kỹ những nét đặc biệt của quê ông ; các chương . Các nghề cổ hữu, Thú vui đồng quê, Món ăn đặc biệt, đọc thấy thích.

Thường thường, viết xong một cuốn rồi, ít ai muốn đọc lại, chứ đừng nói là sửa chữa nữa. Ông Phạm Trung Việt phải yêu xứ Quảng lắm mới sửa chữa kỹ lưỡng tác phẩm của ông như vậy. Chắc hẳn lần này sách cũng được hoan nghênh nữa.

Dòng sữa thiêng

Sau tập 'Về nguồn' (1967), thi sĩ Hoài Mai mới tự xuất bản tập thơ 'Dòng sữa thiêng' gồm 41 bài, chia làm 5 phần : Trẻ em, Gia đình, Quê hương, Chiến tranh, Đẹp và thơ.

Cũng vẫn giọng hồn nhiên, gần như mộc mạc như trong tập trước, cũng vẫn những tình cảm rất đậm thắm đối với non sông, đồng bào, quê hương, gia

đình ; nhưng tập này thêm 9 bài vịnh cái vui của một ông lão chơi với một em bé, đề tài mà rất ít người lựa. Nhiều câu như ca dao.

« Kìa xem chút chút tập đi

Chưa đầy ba bước đã quì chum hum.

Đỡ lên vịn ghế bé dòm...

Đi vài bước nữa bé ôm vai bà »

(Chút chút tập đi)

Những bài đó đáng được tuyển trong một tập *Tập đọc* cho trẻ em.

Lúc này nhiều người thấy cái hại của văn minh ngoại lai làm cho xã hội tan rã, truy lạc, nên hô hào đề cao dân tộc tính. Dòng sữa thiêng tràn trề dân tộc tính, đọc nó không ai không nhớ thời ba bốn chục năm trước ở thôn quê Việt-Nam mà bồi hồi trong lòng.

Hát vào đời.

Đó là tên tuyển tập nhạc thứ hai của Phạm Duy do nhà An-Tiêm mới xuất bản (tập thứ nhất 'Ngày đó chúng mình' cũng đã được in lần nhì rồi). *Hát vào đời* gồm 14 bài : Một bàn tay, Xuân hạnh, Tìm nhau, Tiếng bước trên đường khuya, Chiều về trên sông, Viễn du, Lữ hành, Quán bên đường, Nhạc tuổi vàng, Nước mắt rơi, Đường chiều lá rụng, Tôi còn yêu tôi cứ yêu, Tạ ơn đời, Xuân ca. Tuyển tập nhạc in offset với một phụ bản rất đẹp của Duy Thanh.

Phạm Duy kể rằng anh đã thu thập các bài anh sáng tác từ trước đến nay tất cả khoảng 400 và anh sẽ lựa chọn để cho xuất bản lần lần dưới hình thức những tuyển tập. Nhà Lá Bối sẽ in *Tâm ca và Tâm ca* (20 bài), An Tiêm sẽ ấn hành *Ngàn trùng xa cách*,

Một nhà khác sẽ xuất bản *Những tình ca bất hủ* (Nhạc cổ điển Tây phương, lời ca của Phạm-Duy)... Được hỏi về tên tập *Hát vào đời* vừa xuất bản, Phạm-Duy cười đáp: "Thì bắt đầu là «Một bàn tay» đưa tôi vào đời và sau bao nhiêu buồn vui của cuộc sống thì cuối cùng «Tạ ơn đời». Lời bạt của Trần-Dạ-Từ ở cuối sách cũng nói rõ rồi."

Phạm-Duy sau chuyển đi Pháp về (sau tết Kỷ Dậu) bị ốm nặng: Tim lớn, phôi nám, thân hư... Anh phải chữa cả thuốc tây lẫn thuốc ta tốn kém khá nhiều mới bình phục và một khi sức khoẻ trở lại là Phạm-Duy lại yêu đời, lại sáng tác. Và người ta lại được nghe những: «Tóc mai sợi ngắn sợi dài; Nha Trang ngày về; Ngày sẽ tới; Đừng bỏ em một mình; Cung chúc Việt-Nam...» Bài mới nhất là: «Tỳ Bà», tác giả tâm ca đã phổ nhạc vào một bài thơ của Bích-Khê.

Triển lãm sách báo

Một cuộc triển lãm sách báo sẽ do Hội Thư viện tổ chức trong 1 tuần từ 27-9 đến 5-10-1969 tại Trường Kỹ-thuật Cao-Thăng Saigon.

Hội Thư viện được thành lập từ năm 1961, gồm các quản thủ và nhân viên các thư viện công và tư ở Việt-Nam cùng những người có nhiệt tâm với Thư-viện-học, với mục đích:

— gây tình tương thân tương ái giữa các thư viện công tư tại V.N.

— phổ biến ngành Thư-viện-học

— giới thiệu các sách báo có giá trị với độc giả v.v...

Từ khi thành lập đến năm 1967, Hội chưa hoạt động được bao nhiêu, nhưng từ năm 1968 trở đi, Hội được chấn

chỉnh lại và đã thực hiện được một số công việc: Chiếu phim miễn phí về Thư viện, dịch cuốn Danh từ Thư-viện-học của Ủy-ban Văn-hoa LHQ (UNESCO), xuất bản 4 số Tập-san Thư viện và tổ chức cuộc Triển lãm sách báo vào cuối tháng 9 sắp tới đây. Một trong những mục đích của cuộc Triển lãm này là đề trình bày khả năng văn hóa Miền Nam qua sách báo và nêu cao nền văn nghệ tự do của miền Nam, chống lại sự vu cáo miền Nam chỉ xuất bản sách kiếm hiệp và văn chương đồi trụy.

Theo lời một vị trong Ban Tổ chức cuộc Triển lãm trên đây thì thoát tiên Hội Thư viện đến xin tổ chức ở Phòng Thông-tin Saigon nhưng không được. Hội đành phải liên lạc với Pháp-văn Đồng-minh hội (Alliance Française) đề mượn phòng triển lãm và việc đã xong xuôi nhưng Bộ Văn-hóa lại ngó ý muốn bảo trợ, nên địa điểm triển lãm phải rời về Trường Kỹ-thuật Cao-thăng.

Một thắc mắc của các nhà xuất bản là rút kinh nghiệm của cuộc Triển lãm sách tổ chức vào năm 1959 thì một số lớn sách triển lãm đã bị mất, nhất là những sách hiếm hoặc đắt tiền. Nhưng vì đại diện Ban Tổ chức có cho biết là: Trong cuộc Triển lãm sách năm 1959, sách có bị mất thực nhưng là mất sau khi chấm dứt triển lãm. Hội Thư viện là một hội tư tất phải cố gắng bảo trọng danh dự của Hội. Do đó mà không thể xảy ra những việc mất sách như trường hợp năm xưa.

Những người thiết tha đến văn hóa nước nhà và ý thức được tầm quan trọng của cuộc đấu tranh văn hóa sắp tới với Cộng-sản không thể không hoan nghênh cuộc triển lãm nói trên của Hội Thư-viện.

TẬP THƠ ĐÃ IN TỚI LAN THỨ 5

THƠ NGUYỄN SA

Tổ hợp GIÓ xuất bản

★ 4 phụ bản offset và 4 mẫu bì cho 4 ấn bản :

NGA — ÁO LỤA HÀ ĐÔNG — GỌI EM — TUỔI MƯỜI BA

★ Ấn loát phẩm tuyệt mỹ, xứng đáng hiện diện trong tủ sách những người yêu thơ

Đã phát hành :

HƯƠNG MÁU

của NGUYỄN VĂN XUÂN

Tập truyền với những tình cảm lớn lao của những con người luôn luôn ngừng cao đầu tiến lên như dân tộc mình, dân tộc Việt Nam.

Trường-Sơn xuất-bản-cục ấn hành

MẪU GIÁO BÁCH THẢO

phụ trách : Bà LÊ-THỊ-MÀO (Trần-Văn-Khả) tốt nghiệp Đại-học-đường Genève, nguyên Giáo-sư Trường Sư phạm.

Có đầy đủ học cụ

Khai-giảng : 1-9-1969

Địa chỉ : 178 Chi lăng Cía-Định

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý vị độc giả.

— **Tư tưởng cơ quan luận thuyết** của Viện Đại-học Vạn-Hạnh, số 3, số đặc biệt về Xã-hội học và Chính trị học gồm các bài của Thích Minh Châu, Kim Định Vũ văn Mẫu, Tôn thất Thiện, Bửu Lịch Nguyễn xuân Lại, Ngô trọng Anh, Phạm công Thiện, dày 206 trang. Giá 40 đ.

— **Khai phóng số 1** nội san của Tỉnh-hội phụ huynh học sinh Khánh Hòa do Ô. Nguyễn Dương quản nhiệm, dày 120 trang gồm những bài tiểu luận về giáo dục (học đường) văn hóa và xã hội. Giá 60 đ.

— **Mưa 10 truyện ngắn** của 6 danh sĩ Pháp, Anh, Mỹ, Trung hoa do: Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch và giới thiệu, Cơ sở Tiến bộ xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 350 trang gồm những truyện của Guy de Maupassant, Somerset Maugham John Steinbeck, Charles Dickens, Jack London, Đỗ quang Đình Bản đặc biệt. Giá 200 đ.

— **Hình bóng đau khổ**, nguyên tác của Daniel Rops bản dịch của Lê Vũ, Hồng Linh xuất bản và gửi tặng Sách dày 118 trang. Huy Tường vẽ bìa. Giá 80 đ

— **Bài soạn Giảng văn Đệ Thất** của Nguyễn xuân Quế và Nguyễn văn Luận biên soạn, Sông Hồng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 226 trang, tái bản và có sửa chữa kỹ lưỡng gồm 2 phần. Kim văn và Cờ văn, Giá 100 đ

-- **Ngục tối của lòng mình** truyện dài của Lan Đình do Đời Mới xuất bản

và tác giả gửi tặng. Sách dày 132 trang Giá 80 đ.

— **Mười đêm ngà ngọc** truyện dài của Mai Thảo do Hoàng Đông Phương xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 352 trang, bìa do Duy Thanh. Giá 210 đ.

— **Hương máu** tập truyện của Nguyễn văn Xuân, do Trường Sơn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 190 trang gồm 8 truyện về những cái chết lịch sử. Thái Tuấn vẽ bìa Bản đặc biệt.

— **Hát vào đời** tuyển tập 14 bản nhạc của Phạm Duy do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách ấn loát bằng offset in trên giấy màu ngà, khổ 21,5x22, trình bày rất mỹ thuật, 1 phụ bản của họa sĩ Duy Thanh. Giá 110 đ.

— **Việt-nam vong quốc sử** nguyên tác bằng Hán văn của Sào nam Phan-Bội-Châu do Nguyễn quang Tổ phiên dịch và chú thích, Tao-Đàn xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 100 trang cộng với 140 trang nguyên tác Hán văn, có phần tiểu sử của tác giả và phần phụ lục. Lời nói đầu về V.N vong quốc sử. Một tài liệu quý giá Giá 200 đ.

— **Hồ thủy dương** tập truyện cổ tích của Doãn quốc Sỹ Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 174 trang gồm 5 truyện: Hồ thủy dương, Trạng đi sứ, Dạ lý Lan phu nhân, Trái tim lửa, Đoàn quân xung phong Bản đặc biệt. Giá 100 đ.

— **Cánh cửa sau cùng** tập truyện của Mai Thảo.. Dương Nghiễm Mậu, Huỳnh phan Anh, Nguyễn đình Toàn, Nguyễn thị Hoàng, Nguyễn xuân Hoàng, Thanh tâm Tuyên, do Văn Uyển xuất bản và gửi tặng. Sách dày 120 trang gồm 8 truyện của 7 tác giả trên, viết về cái Chết Giá nhất định 30 đ.

HỢP THƯ

— *Tạp chí Bách-Khoa* đã nhận được bài của quý bạn :

Hoài nhĩ Liên Văn, Phương Hoa Sửu, Việt Thu Linh, Trương Hội, Bản Lãng, Hoài Thi Yên Thi, Trần Dạ Lữ, Lâm Chương, Nhĩ Nam, Từ Hoài Tấn, Nguyễn Uyển Thượng, Cyên-Kường, Huỳnh đình hồ anh, Phan Thảo Vy, Thủy Triều, Sương Biên Thùy, Điền Thao, Kỳ Linh, Võ Tấn Khanh, Ngụy Du, Nguyễn Miên Thượng, Phạm Mỹ Khánh, Phạm Cao Hoàng, Huỳnh Cơ Giáp, Đặng Tấn Tới, Văn Ngạn Nhật, Võ An Định, Thành Văn, Nguyên Tam Paù Sa, Đinh Trầm Ca, Kỳ iê Văn, Tô Nhược Châu, Nguyễn Thái Yên Ch, Đoàn Huy Giao, Lê văn Trung, Hoàng Đình Huy Quan, Trần văn Mỹ, Trần Hữu Lục, Lê Bá Lãng, Hà-thị-kỳ-Nam, Thương Nhật Huyền, Lương hoàng Phổ, Châu khắc Thông, Trầm Hà, Từ Huy Vũ, Lê Miên Tường, Võ văn Lạc, Trần Thái Hòa, Y-Yên, Nghym Đình Hồng, Nguyễn Ngọc Hoài Bắc, Phong Hào, N P Duy, Trần Tâm Tuyền, Phan Long Yên, Nguyễn Kim Phương, Hoàng Lộc, Vũ Trầm Duy, Cao Thạ Duyên, Võ Quê, Hoàng Ý, Huỳnh Công Ân, Nguyễn Đại Miên, Phạm Thanh Chương, Thế Tử Nguyên, Nguyễn Đức Phổ, Đinh Xuân Phương, Hoàng Nghị, Trần Thạc Ngọc, Trần Phong, Bùi Lạc Thụy, Trần Thị Mạc Băng, Bùi Mạnh Cấn.

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn. Những bài nào đăng được, chúng tôi sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hợp thư này trên 2 số báo tới đây.

— *Ô. Trần Hoài Thư*. Đã nhận được « Nhìn mặt », thư riêng của anh và thêm một truyện nữa. Đã quảng cáo

và giới thiệu trên báo này. Đọc xong truyện sẽ trả lời anh.

— *Ô. Nguyễn Kim Phương*. Đã nhận được thêm một truyện ngắn nữa. « Cái mũ » không hợp với Bách Khoa. Về các truyện dịch sẽ tiếp xúc với các nhà xuất bản quen của B K. và trả lời anh sau.

— *Ô. Ô. Phong Hàn, Hà Thị kỳ Nam* Bách-Khoa đã có bài nói đến nhà thơ đó rồi. Xin đề dành vào một dịp khác.

— *Ô. Trần Thái Hòa* : 4 câu đầu ở bài « Mưa hạ » rất hay. Xin sửa lại 4 câu cuối đi.

— *Ô. Hạ Đình Thao* : Sẽ đăng « Thư về Đại-Lộc » trên số tới. Xin cứ gửi tiếp về Tòa soạn.

— *Mang Viên Long* (Tuy Hòa) : Vì bận nhiều việc bắt thường nên trả lời anh trễ. Đã nhận được thư (15/8), « Con xóm đen » và « Bên kia thành phố ». Sẽ trả lời tất cả ngay s u khi đọc xong.

— *Ô. Hoàng Lộc* : Sẽ đăng « Vì làm người lưu vong » trên những số tới

— *Lê Văn Trung* : (Đa Năng) Đã nhận được 2 bài thơ và lá thư (4/8) của ông :

* Điều 1 trong thư : không đúng như vậy đâu. Về khảo luận hay văn nghệ, BK luôn luôn có nhiều bài của các tác giả mới.

* Điều 2 : BK đã đóng thành tập và cho tới cuối 1968 trọn bộ BK có 38 tập.

* Điều 3 : không có quảng cáo chen vào giữa bài đâu, nếu có một lần nào chỉ là sự sơ xuất bất thường thôi

— *Ô. Khánh Linh* (Tuy Hòa) : Đã nhận được đầy đủ những sáng tác của ông (Thơ, Truyện) gửi mấy lần về Tòa soạn. Sẽ trả lời ngay sau khi đọc xong.

— *Ô. Phạm-Mỹ-Khánh* : đã nhận được « Hành quân cuối khóa ». Xin cho biết địa chỉ hiện tại của ông.

Thời sự thế giới

TỪ TRÍ

Trong những tuần qua người ta đặc biệt chú trọng đến tình hình Âu-Châu. Tại lục địa này nhiều sự kiện quan trọng đã xảy ra. Trước hết là Pháp phá giá đồng Phạt-lăng. Quyết định này nếu ổn định được tiền tệ Âu-Châu thì về phương-diện chính-trị các Quốc-gia hội viên khối Thị-trường chung lại tỏ vẻ lo ngại về hậu quả của nó.

Ngoài ra tại Tiệp-khắc dân chúng đã kỷ niệm đệ nhất c u niên ngày bị Nga xâm lăng. Đây là một dịp để các nhà cầm quyền Nga và Tiệp phải nhận định lại tình hình chính trị tại Trung và Đông-Âu.

Cũng vẫn tại Âu-Châu những cuộc xung đột đẫm máu giữa Công-Giáo và Tin-lành đã xảy ra tại Bắc Ái-nhì-lan khiến cả chính phủ Anh và chính phủ Bắc Ái-nhì-lan đều phải lúng túng.

Trong khi đó tại lục địa Á-Châu, người ta đang chứng kiến một sự thay đổi thái-độ của Hoa-Kỳ. Dưới sự lãnh đạo của Tổng-Thống Nixon, chính sách Á-Châu của Hoa-Kỳ đang bước sang một giai đoạn mới. Thái độ của Mỹ khiến các dân tộc Á-Châu vừa hy vọng vừa lo ngại.

Chính phủ Pháp phá giá đồng Phạt-lăng

Tháng 11 năm ngoái trước tình hình hình tiền tệ nghiêm trọng Tổng-thống De Gaulle, vì uy-tín quốc-gia, đã từ chối không chịu phá giá đồng Phạt-

lăng. Những biện-pháp được chính phủ Pháp áp dụng để củng cố tiền này như cấm chuyển ngân ra ngoại-quốc, tài-trợ xuất cảng, hạn chế nhập cảng, chỉ có tính cách nhất thời. Giá trị đồng phạt-lăng hoàn toàn có tính cách giả-tạo.

11 tháng trôi qua, vấn đề tiền-tệ vẫn không được giải-quyết. Trong khi đó giá sinh hoạt đã gia tăng 7%, xuất cảng gia tăng 27% trong khi nhập cảng tăng tới 35%. Dự trữ ngoại tệ của Pháp do đó bị giảm sút còn có 3,5 tỷ Mỹ kim.

Ngoài ra khi mà chánh phủ Pháp quyết tâm áp dụng Hiệp-ước La-mã 1956 thành lập Thị-trường chung, hay nói một cách khác, là Pháp bỏ mọi hàng rào quan thuế còn lại giữa Pháp và các nước hội viên của Thị-trường chung, thì vấn đề đầu tiên được đặt ra là phải lãnh mạnh hóa tiền tệ Pháp. Thật vậy, nếu mọi hàng rào quan thuế bị loại bỏ thì hàng của Pháp trên Thị-trường chung sẽ có một giá quá cao nên không cạnh tranh nổi với 5 nước bạn. Vì vậy mà Tân Tổng-thống Pháp Pompidou đã đột ngột quyết định hạ giá đồng phạt-lăng xuống 12,5%.

Quyết định này đã được giữ mật tới phút cuối cùng. Chỉ có Tổng-thống Pompidou, Thủ tướng Chaban Delmas, Tổng trưởng Tài chánh Giscard D'Estaing và 3 vị công chức cao cấp được biết mà thôi. Khi công bố một cách đột

ngột quyết định này ông Pompidou đã tỏ ra là một lãnh tụ sáng suốt và là một kỹ thuật gia giàu kinh nghiệm tiền tệ.

Thật vậy, để tránh mọi sự đầu cơ, quyết định phá giá phải có tính cách bất ngờ để các con buôn không đủ thì giờ chuyển tiền ra ngoại quốc. Ngoài ra ông Pompidou biết rằng ai cũng cho là từ nay đến tháng 9 thế nào chính phủ cũng phải đi tới quyết định này, như vậy chỉ bằng làm ngay còn hơn là để các con buôn có thì giờ chuyển ngân ra ngoại quốc.

Sự ấn-định tỷ-lệ phá giá 12,5 % cũng là một quyết-định đòi hỏi nhiều cân nhắc. Nếu muốn cho giá sản-phẩm Pháp rẻ hơn trên thị-trường quốc-tế, ông Pompidou có thể quyết định hạ giá đồng Phạt-lăng tới 18 %, như vậy kỹ nghệ Pháp sẽ được củng cố mạnh mẽ hơn. Nhưng ông Pompidou đã chọn tỷ-lệ 12,5 % vì nếu chọn một tỷ-lệ quá cao, hàng Pháp sẽ cạnh tranh quá mạnh với hàng ngoại quốc, các quốc-gia khác cũng đều phải phá giá tiền của mình thì sự phá giá đồng phạt-lăng sẽ hết hiệu lực.

Quyết-định của Pháp đã gặp những phản-ứng khác nhau trên thế-giới. Anh lo ngại rằng chính-sách Pháp sẽ khiến cho người ta lại không mấy tin tưởng vào đồng Bảng Anh đến nỗi lại đua nhau đổi Bảng Anh lấy đồng Mark của Đức và như vậy sẽ đưa Anh tới một cuộc khủng hoảng tiền-tệ.

Các quốc-gia hội-viên khối Thị-trường chung cũng lo ngại không kém. Họ sợ rằng sản phẩm Pháp trở nên rẻ tiền, sẽ gây khó khăn cho nền kinh-tế các nước bạn. Chỉ có Đức là tán thành Pháp vì ngay từ tháng 11 năm ngoái Đức đã đòi Pháp phá giá đồng Phạt-lăng một cách quyết liệt nhất. Tuy nhiên cả năm

nước đều trách là Pháp đã không hỏi ý kiến họ. Và họ e rằng với một nền kinh tế lành-mạnh-hóa, Pháp sẽ đóng một vai trò quá quan-trọng trong Thị-trường chung.

Như vậy sự phá giá đồng Phạt-lăng đã có một kết quả hết sức khôi-hài. Trước đây, 5 nước bạn hội-viên Thị-trường chung kêu đòi Pháp phải tích cực tham gia vào khối này và họ trách Tướng De Gaulle đã là một trở ngại cho sự tấn bộ của Thị-trường chung. Ngày nay De Gaulle không còn ở chính quyền nữa, Pháp quyết định tham gia mạnh mẽ hơn vào sinh hoạt của Thị-trường chung bằng cách lành-mạnh-hóa tiền-tệ thì 5 nước bạn lại trách Pháp là muốn dùng Thị-trường-chung để chế ngự họ.

Ta thấy rằng sự thống nhất Âu-Châu hầy còn khó mà thực hiện được tuy rằng ai cũng lớn tiếng đòi hỏi.

Tiếp-khắc kỷ niệm Ngày "quốc nhục"

Ngày 21-8-1968, quân đội của Nga và của 4 nước thuộc Minh-ước Varsovie đã ồ ạt đến xâm lăng Tiệp-Khắc để bẻ gãy mọi mưu tan dân-chủ-hóa chính quyền của chính-phủ Tiệp do ông Dubcek lãnh đạo.

Một năm đã trôi qua, chính-phủ Nga cố gắng thay thế tập đoàn tự do của Dubcek bằng một tập đoàn mới thân-hữu với Nga. Các lãnh tụ cộng-sản thuộc mọi cấp đều là những người thân Nga. Ông Dubcek, người chủ trương tự-do-hóa, đã bị loại khỏi chính quyền và ông Gustav Husak được Nga chọn đề lên thay thế. Các nhà văn, nhà báo, các công chức đều bị thanh trừng.

Nhưng cuộc xâm lăng của Nga đã

là một thất bại vì Nga không thể nào phá vỡ mọi sức đối kháng của nhân dân Tiệp. Một số lớn nhân tài Tiệp trốn ra tỵ nạn ở ngoại quốc. Những người ở lại bày tỏ sự chống đối bằng cách tham gia một cuộc lân công vi đạo. Nền kinh tế Tiệp suy sụp một cách trầm trọng hơn bao giờ hết. Có những xí nghiệp chỉ dùng tới 20% khả năng sản xuất của mình mà thôi. Trước đây, xuất cảng than, gỗ đây Tiệp-Khắc phải nhập cảng nguyên liệu này từ Ba-Lan tới.

Ngày 21-8 năm nay được dân Tiệp coi là một ngày «quốc nhục». Những truyền đơn được rải đi yêu cầu dân Tiệp đối kháng thụ động bằng những cử chỉ tượng trưng như đi bộ đi làm, không đi mua sắm hay coi hát, đặt vòng hoa tại mộ những người bị chết trong cuộc xâm lăng năm ngoái, mặc niệm vào 12 giờ trưa v.v...

Chính phủ Tiệp cũng huy động mọi lực lượng quân sự, cảnh sát để đàn áp mọi cuộc biểu tình. Và Nga chuẩn-bị tập trận lại Tiệp-khắc. Ngày 21-8 nhiều cuộc biểu tình đã bùng nổ nhất là ở Thủ-đô Prague và tại Brno. Chính phủ đàn áp mạnh mẽ và hiện thời kết quả sơ khởi là 5 người chết và hàng ngàn người bị bắt giữ. Chiều hôm 21-8 tại hai thành phố này người ta thấy một rừng giấy dép, đá, sỏi, đồ đạc...

Nếu Nga vẫn ngăn chặn được sự nổi loạn của dân Tiệp-khắc thì các nhà lãnh tụ điện Kremlin cũng không được hài lòng về tình-hình ở nơi này. Thật vậy, cuộc xâm lăng võ trang của Nga đã chứng minh một cách rõ rệt là uy-tín của Nga ở Trung và Đông Âu đã bị giảm sút nhiều. Đại-hội các Cộng đảng thế giới nhóm họp vào tháng 6 vừa qua không những không củng cố được địa

vị của Nga mà còn phơi bày sự bất mãn của các quốc-gia Cộng-sản trước chủ-thuyết «chủ-quyền giới hạn» của ông Brezhnev. Lô-mã-ni, mặc dầu bị áp-lực mạnh, vẫn tiếp tục một đường lối độc-lập. Hơn nữa cuộc viếng thăm Lô của ông Nixon khiến Nga phải suy nghĩ nhiều về đường lối độc-tài của họ ở Trung và Đông-Âu. Quyền lực của Nga ở vùng này hiện thời đang rạn nứt trầm trọng. Nếu Nga không muốn phải xâm lăng võ trang toàn thể các quốc-gia vùng này thì điện Kremlin cũng cần phải thay đổi chính-sách.

Xung đột tại Bắc Ái-nhi-lan

Trong 10 tháng qua hai cộng đồng Công giáo và Tin lành tại Bắc Ái-nhi-lan đã sống trong một tình trạng cực kỳ căng thẳng. Thật vậy thiểu số Công giáo ở xứ này, bắt đầu từ mùa Thu năm ngoái, đã mở một cuộc tranh đấu bất bạo động để đòi bình quyền với đa số Tin lành. Nhưng cuộc tranh đấu này đột nhiên chuyển thành một cuộc đụng độ đẫm máu giữa hai cộng đồng tôn giáo tại Londonderry. Thoạt đầu hai bên dùng đá ném lẫn nhau, sau biến thành cuộc nổi loạn và phải dùng tới bom lửa loại Molotov.

Bắc Ái-nhi-lan là một lãnh thổ tự trị đặt dưới quyền của Nữ-hàng Elisabeth. Nam Ái-nhi-lan ngược lại là một quốc gia độc lập từ 1920. Thủ tướng xứ này là ông Jack Lynch đã đề đầu vào lửa bằng cách đòi Liên-Hiệp-Quốc can thiệp và đòi mở cửa biên-giới giữa hai vùng Ái-nhi-lan để cứu cấp những người bị thương. Ngoài ra ông còn đòi thống nhất hai miền Ái-nhi-lan. Được ông Lynch khuyến khích, cộng-đồng Công

giáo trở nên cứng rắn hơn và họ tấn công cả cảnh sát.

Theo hiến-pháp thì Bắc Ai-nhi-lan phải được quân đội Anh bảo vệ vì vậy Thủ-tướng Bắc Ai-nhi-lan Chichester Clark phải xin Thủ-tướng Anh Wilson gửi quân sang tái lập trật tự. Quân đội Anh đã sang để ngăn chặn mọi cuộc đụng độ mới. Nhưng dù sao những cuộc xung đột này cũng là một dấu hiệu đáng ngại về sự chia rẽ ngày càng sâu rộng hơn giữa hai cộng đồng tôn giáo cùng thờ chung một Chúa Ky-tô.

Á-Châu trước chính sách mới của Hoa-kỳ

Như chúng tôi đã nói trong số trước, Tổng-thống Mỹ Nixon muốn áp dụng một chính sách mới tại Á Châu. Ông không muốn Hoa-kỳ phải can thiệp vào trang một lần nữa tại lục địa này để chặn một cuộc chiến tranh có tính cách ý-thức-hệ nhiều hơn là quân sự. Vì vậy ông Nixon muốn tận diệt những mầm nội loạn do cộng sản gây ra tại Á-Châu bằng những giải pháp chính trị, kinh tế và xã hội. Ông cho rằng người ta nên chữa bệnh hơn là chữa bịnh. Vì vậy trong tương lai, ông Nixon cố gắng giảm thiểu những hoạt động quân sự và tăng cường những hoạt động chính trị. Ông muốn nâng cao mức sống ở Á Châu để chủ nghĩa Cộng sản

hết đất đứng. Nhưng muốn áp dụng chính sách mới này, ông quyết định giảm bớt tình trạng căng thẳng ở Á-Châu. Trong bước đầu tiên, ông Nixon muốn tỏ thiện chí hữu hảo của Hoa-Kỳ bằng cách tấn an Trung-Cộng. Ông cho rằng Trung Cộng là một cường quốc có nhiều tiềm-năng hơn là thực-lực. Vì vậy nhượng bộ Trung-Cộng một phần nào trong giai đoạn hiện tại không có tác dụng khuyến khích sự hiếu chiến của chính phủ Bắc-Kinh. Vì vậy chính phủ Hoa-Trịch-Đốn đã quyết định lập lại cuộc đàm phán với Trung-Cộng ở Varsovie. Chính phủ Mỹ cũng còn cho Trung Cộng hay rằng Hoa-kỳ sẽ nhượng bộ nhiều hơn nữa nếu Trung-Cộng tỏ ra hết điều.

Như vậy ta thấy chính sách «Ngăn chặn» hay «Be bờ» (Containment) của các ông J. Foster Dulles và Dean Rusk đã bị ông Nixon loại bỏ.

Trước thái độ của Mỹ, các quốc gia Á-Châu đều hy vọng rằng hòa bình sẽ được văn hồi trên lục địa này. Tuy nhiên người ta tự hỏi không biết bài tính của ông Nixon có đúng hay không. Vì chỉ một sự sai lầm trong bài toán, ông Nixon có thể đưa cả Á-Châu tới sự xích-hóa như ông Truman đã đề cho cả một lục địa Trung-Hoa bị rơi vào tay Cộng sản năm 1949

TỪ-TRÌ

ĐON XEM :

VƯỢT ĐÈM DÀI

Truyện thiếu nhi cảm động của MINH QUÂN, một cây bút được tuổi thơ ưa thích.

Nhà xuất bản Tuổi Hoa ấn hành.

Mới phát hành :

PHÙ THẾ

truyện của VÕ-PHIẾN một tác phẩm đã gây nhiều rắc rối nhất cho tác giả.

Nhà xuất bản Thời Mới